

chạm
CÔNG NGHỆ
chạm
TƯƠNG LẠI



CÔNG

Mục lục

■ TẦM NHÌN FPT	04	Báo cáo Hội đồng quản trị	34
■ THÔNG điệp CHỦ TỊCH HĐQT	06	Báo cáo Ban điều hành	38
■ TỔNG QUAN FPT	08	■ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH 2012	56
Lịch sử hình thành và phát triển	10	Kinh tế vĩ mô	58
Văn hóa doanh nghiệp	12	Triển vọng ngành	59
FPT toàn cầu	14	Cơ hội của FPT và định hướng chiến lược OneFPT 2012	59
Ngành nghề kinh doanh	16	Kế hoạch 2012	61
Sơ đồ tổ chức	18	■ QUẢN TRỊ CÔNG TY, QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ CỘNG ĐỒNG	62
Giới thiệu Ban lãnh đạo	20	Quản trị công ty	64
■ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG FPT 2011	24	Quan hệ cổ đông	67
Tình hình tài chính nổi bật 2007-2011	26	Trách nhiệm xã hội	73
Các sự kiện nổi bật 2011	30	■ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	76

Con đường chúng tôi đã chọn chính là CÔNG NGHỆ,
vươn tới tầm cao năng suất lao động mới bằng những tri thức mới
thông qua công nghệ, hướng tới mục tiêu chung:

OneFPT – Tập đoàn Toàn cầu Hàng đầu của Việt Nam

CÔNG NGHỆ

Tầm nhìn FPT

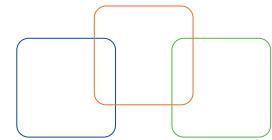
FPT mong muốn trở thành một tổ chức kiểu mới, giàu mạnh bằng nỗ lực lao động sáng tạo trong khoa học kỹ thuật và công nghệ, làm khách hàng hài lòng, góp phần hưng thịnh quốc gia, đem lại cho mỗi thành viên của mình điều kiện phát triển tài năng tốt nhất và một cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần.







Con đường FPT chọn là CÔNG NGHỆ,
vươn tới tầm cao năng suất lao động
mới bằng những tri thức mới
thông qua công nghệ.
Phát huy tối đa khả năng sáng tạo
và linh hoạt để nắm bắt
những cơ hội mới, nỗ lực
ứng dụng và sáng tạo công nghệ
trong mọi hoạt động.



Chạm FPT
Chạm NIỀM TỰ HÀO...

“Thế giới đã bước qua một năm khó khăn tiếp theo của chuỗi thời gian khủng hoảng liên tiếp. Khủng hoảng nợ công ở Châu Âu lan rộng, vấn đề thất nghiệp trở nên trầm trọng hơn ngay tại các cường quốc lớn mạnh, bất ổn chính trị gia tăng và thảm họa thiên tai làm cho khó khăn càng chồng chất hơn đối với mọi quốc gia trong việc giữ ổn định kinh tế xã hội, thử thách càng khốc liệt hơn đối với mọi doanh nghiệp trong việc giữ chân khách hàng, duy trì mức độ tăng trưởng và tìm kiếm thị trường mới”

Kính thưa Quý Cổ đông,

Khoảng 50.000 doanh nghiệp Việt Nam đã thất bại và tuyên bố phá sản chỉ trong 1 năm vừa qua, chiếm khoảng 10% tổng số doanh nghiệp trên cả nước.

Chiến lược OneFPT đã khởi động trong bối cảnh đầy thách thức đó. FPT đã có một năm đáng nhớ với những thay đổi lớn về cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành...; với những áp lực nặng nề về mục tiêu tăng trưởng và mở rộng không ngừng nhằm củng cố và khẳng định vị thế hàng đầu. Kết quả là, năm 2011 doanh thu đạt gần 26.000 ngàn tỷ đồng, tăng trưởng 27% so với năm 2010, lợi nhuận sau thuế đạt trên 2.079 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2010. Chúng tôi vui mừng thông báo với Quý cổ đông kết quả đáng tự hào này từ sự đồng tâm hiệp lực, nỗ lực bền bỉ của hơn 11.000 cán bộ nhân viên, từ quyết tâm của Ban lãnh đạo mọi cấp, từ sự ủng hộ và tin tưởng của quý vị trong suốt năm qua.

Tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng trong bối cảnh hết sức khó khăn này, chúng tôi càng thêm tin tưởng sâu sắc về con đường mình đã chọn, đó là CHẤM HƯNG ĐẤT NƯỚC BẰNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN. Khi các nguồn lực ngày càng bị thu hẹp, cạnh tranh ngày càng gay gắt, chúng ta buộc phải tìm ra những cách thức làm việc, tổ chức sắp xếp mọi hoạt động thông minh hơn, ưu việt hơn. Con người hướng tới những thành phố thông minh, tại đó, mọi hệ thống hạ tầng được thiết kế văn minh, hiện đại và tương thích với nhau, mọi dịch vụ cung cấp cho cuộc sống được tích hợp để mang đến sự tiện lợi và tiết kiệm tối ưu cho người sử dụng. Để kiến tạo nên những hệ thống hạ tầng ấy, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN sẽ là yếu tố sống còn, là khái niệm mà chúng tôi gọi là “Hạ tầng của hạ tầng”.

Con đường chúng tôi đã chọn chính là CÔNG NGHỆ, vươn tới tầm cao năng suất lao động mới bằng những tri thức mới thông qua công nghệ. Phát huy tối đa khả năng sáng tạo và linh hoạt để nắm bắt những cơ hội mới, nỗ lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ trong mọi hoạt động ở mọi cấp là yêu cầu đối với từng người FPT trong năm mới, hướng tới mục tiêu chung OneFPT - Tập đoàn công nghệ toàn cầu hàng đầu Việt Nam.

2012 chưa phải là thời điểm chúng ta có thể lạc quan hơn về tình hình kinh tế toàn cầu nói chung và thị trường Việt Nam nói riêng. Công tác lập kế hoạch cho năm 2012 đã tốn nhiều thời gian của đội ngũ lãnh đạo công ty nhất từ trước tới nay. Chúng tôi tiếp tục đặt ra những mục tiêu thách thức lòng quyết tâm quả cảm và tinh thần doanh nhân của chính mình.

Và cuối cùng, chúng tôi gửi lời tri ân tới niềm tin của Quý cổ đông đã đặt vào FPT, chúng tôi đã, đang, và sẽ luôn cần sự ủng hộ của Quý cổ đông để chinh phục những thử thách, để hoàn thành cam kết với Quý cổ đông và tiếp tục mang lại những giá trị tốt đẹp cho xã hội và cộng đồng.

Hà Nội, tháng 2/2012



TRƯƠNG GIA BÌNH

Chủ tịch HĐQT

1988
1990
TÌM HƯỚNG ĐI

1996
TRỞ THÀNH CÔNG TY
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
SỐ 1 VIỆT NAM

1999
TOÀN CẦU HÓA

2002
2006
TRỞ THÀNH CÔNG TY
ĐẠI CHÚNG VÀ NIÊM YẾT

Tổng quan FPT

2008

ĐẠT MỨC DOANH THU 1 TỶ USD

2010

THAY ĐỔI HỆ THỐNG NHẬN DIỆN
THƯƠNG HIỆU, TIẾN SÂU VÀO
THỊ TRƯỜNG ĐẠI CHÚNG

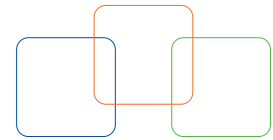
2011

CHIẾN LƯỢC OneFPT

"FPT phải trở thành
Tập đoàn Toàn cầu
Hàng đầu của Việt Nam"

Chạm VẠCH XUẤT PHÁT
Chạm ĐÍCH ĐỨNG ĐẦU...

Thành lập ngày 13/09/1988, đến nay, sau hơn 23 năm, FPT luôn là công ty công nghệ thông tin và viễn thông HÀNG ĐẦU VIỆT NAM với các mảng kinh doanh cốt lõi là viễn thông, công nghiệp nội dung, các dịch vụ công nghệ thông tin và giáo dục.



1988-1990

Tim hướng đi

13/9/1988, FPT ra đời với tên gọi Công ty Công nghệ Chế biến Thực phẩm (The Food Processing Technology Company), kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm.

Hợp đồng cung cấp máy tính cho Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô và việc đặt quan hệ với hãng máy tính Olivetti năm 1989 là tiền đề cho sự ra đời của bộ phận tin học sau này.

Ngày 27/10/1990, công ty đổi tên thành Công ty Phát triển và Đầu tư Công nghệ (The Corporation for Financing and Promoting Technology) với định hướng kinh doanh tin học.

1996

Trở thành công ty công nghệ thông tin số 1 Việt Nam

Sau 8 năm thành lập, FPT khẳng định vị trí số 1 trên thị trường tin học Việt Nam.

FPT nhiều năm liên tiếp được bạn đọc của Tạp chí PC World bình chọn là công ty tin học uy tín nhất Việt Nam.

1999

Toàn cầu hóa

Trung tâm Xuất khẩu Phần mềm (tiền thân của Công ty Phần mềm FPT - FPT Software) được thành lập vào cuối năm 1999 với mục tiêu xuất khẩu phần mềm sang châu Âu, Bắc Mỹ, Nhật Bản. Các chi nhánh FPT tại Bangalore (Ấn Độ) và Văn phòng FPT tại Mỹ lần lượt được thành lập vào năm 1999, 2000.

2011

CHIẾN LƯỢC ONEFPT

“FPT phải trở thành Tập đoàn Toàn cầu hàng đầu của Việt Nam”

Chiến lược OneFPT với lộ trình 13 năm (2011-2024) được phê duyệt với định hướng tập trung vào phát triển công nghệ và mục tiêu “FPT phải trở thành Tập đoàn Toàn cầu Hàng đầu của Việt Nam”, lọt vào danh sách Top 500 trong Forbes Global 2000 vào năm 2024.

2002 - 2006

Trở thành công ty đại chúng

Tháng 03/2002, FPT cổ phần hóa.

Ngày 13/12/2006, cổ phiếu FPT chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - HOSE).

2008

Đạt mức doanh thu 1 tỷ usd

FPT liên tục tăng trưởng trên 50%/năm kể từ năm 2002 và năm 2008 đã cán đích doanh thu 1 tỷ USD.

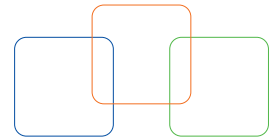
Năm 2008, đổi tên công ty thành Công ty Cổ phần FPT và tái khẳng định ngành nghề kinh doanh cốt lõi gồm viễn thông, công nghiệp nội dung và các dịch vụ CNTT.

2010

Thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu, tiến sâu vào đại chúng

Lần đầu tiên sau 22 năm, FPT thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu. Đây là bước khởi đầu quan trọng cho chiến lược tiến vào thị trường đại chúng của FPT.

Văn hóa FPT là chất keo gắn kết người FPT,
thúc đẩy mỗi người FPT làm việc
HĂNG SAY và CỐNG HIẾN nhiều hơn cho sự
phát triển của công ty.



Xây dựng văn hóa doanh nghiệp là vấn đề được FPT đặc biệt quan tâm. Qua hơn 23 năm phát triển, nhiều truyền thống và giá trị tốt đẹp đã hình thành, đưa FPT trở thành một công ty có nhiều nét văn hóa đặc sắc và độc đáo, là niềm tự hào của mỗi người FPT và đóng góp quan trọng vào thành công của FPT hôm nay.

Thông qua các hoạt động văn hóa được tổ chức thường xuyên, không những các giá trị truyền thống được duy trì và phát huy mà nhu cầu đời sống tinh thần của CBNV cũng được đáp ứng, tạo cho họ sự phấn khởi trong công việc kinh doanh ngày càng áp lực hơn.

Văn hóa FPT trước hết là văn hóa ứng xử FPT, là tinh thần mà người FPT hướng tới: người FPT cần "Tôn trọng cá nhân - Đổi mới - Đồng đội", lãnh đạo FPT cần "Chí công - Gương mẫu - Sáng suốt".

Các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của FPT được tuyên truyền, lưu giữ và phát triển thông qua các sách sử ký, các tuyển tập, nội san Chúng ta, phim ảnh, đĩa CD, các tác phẩm văn thơ, hội họa, điêu khắc, các lễ hội truyền thống, phong trào văn hoá, thể thao, các hoạt động Đoàn...

FPT là một trong số ít các công ty Việt Nam duy trì các ngày truyền thống của dân tộc nhiều năm nay, đó là:



Ngày Vì cộng đồng (13/03) - tổ chức nhiều chương trình mang tính cộng đồng, nâng cao nhận thức và khơi dậy lòng nhân ái của toàn thể người FPT.

Ngày Thể thao FPT (26/03) - nêu cao tinh thần rèn luyện sức khỏe thông qua các hoạt động thể thao.

Ngày Hướng về Cội nguồn (Dịp 10/03 âm lịch) - tổ chức những chuyến đi về nguồn, tưởng nhớ lịch sử dân tộc; khơi gợi lòng yêu nước, niềm tự hào, tự tôn dân tộc.

Ngày Văn nghệ FPT (19/05) - tổ chức các hoạt động văn nghệ ca múa nhạc, đảm bảo đời sống tinh thần phong phú cho cán bộ nhân viên FPT.

Ngày thành lập FPT (13/09) - tổ chức các hoạt động hội diễn và hội thao, gìn giữ giá trị truyền thống FPT.

Ngày Gia đình FPT (thứ bảy tuần thứ 3 của tháng 11) - ngày để FPT và người FPT cảm ơn phụ huynh, vợ/chồng người FPT.

Ngày Hội làng FPT (22/12 âm lịch) - tổ chức mỗi khi Tết đến, với mong muốn xây dựng một không gian truyền thống lễ hội Việt và cơ hội để người FPT chia sẻ chúc mừng sau một năm làm việc vất vả.

Ngày Nhân viên mới (các ngày thứ bảy tuần đầu tiên trong tháng) - là ngày chào đón nhân viên mới và dịp để trang bị cho nhân viên mới những thông tin cần thiết để nhanh chóng hòa nhập với FPT.

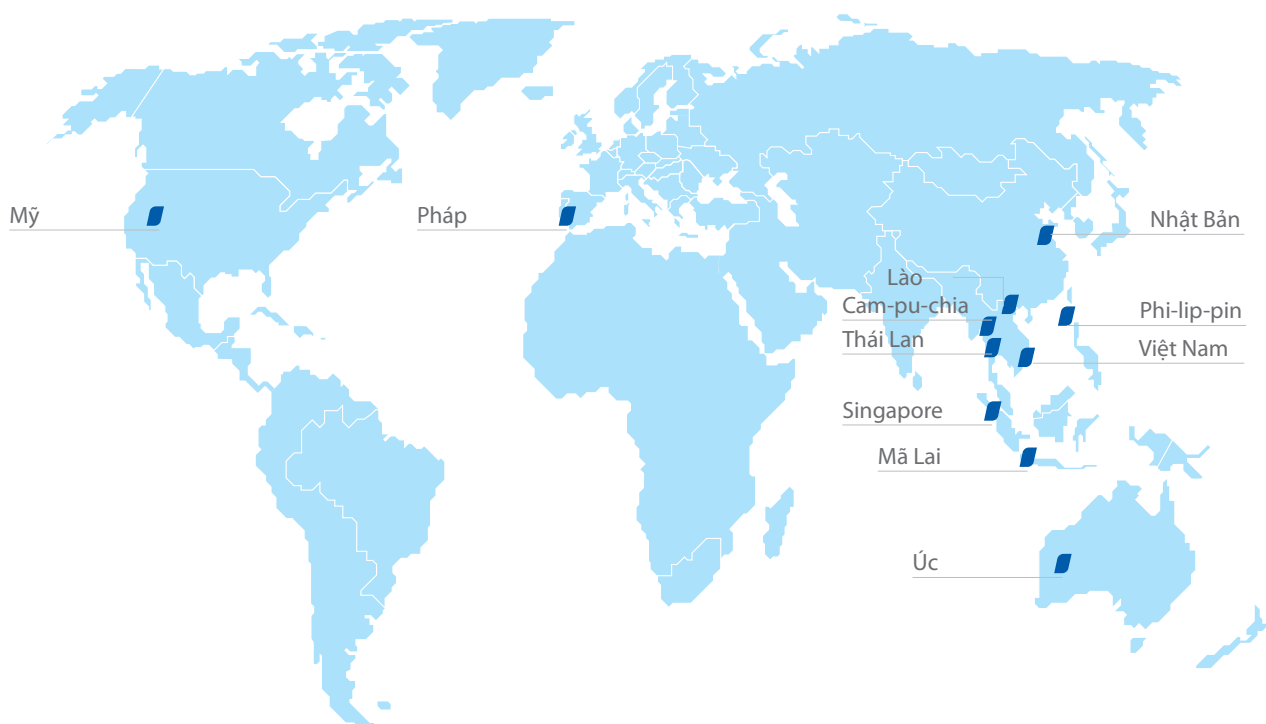
Và rất nhiều những hoạt động văn thể mỹ ở các cấp nhỏ hơn được triển khai đều đặn trong năm; các câu lạc bộ sở thích, nhóm, hội còn rủ nhau giao lưu, chơi thể thao, văn nghệ,...

Đây chính là chất keo gắn kết người FPT, thúc đẩy mỗi người FPT làm việc hăng say và cống hiến nhiều hơn cho sự phát triển của công ty.



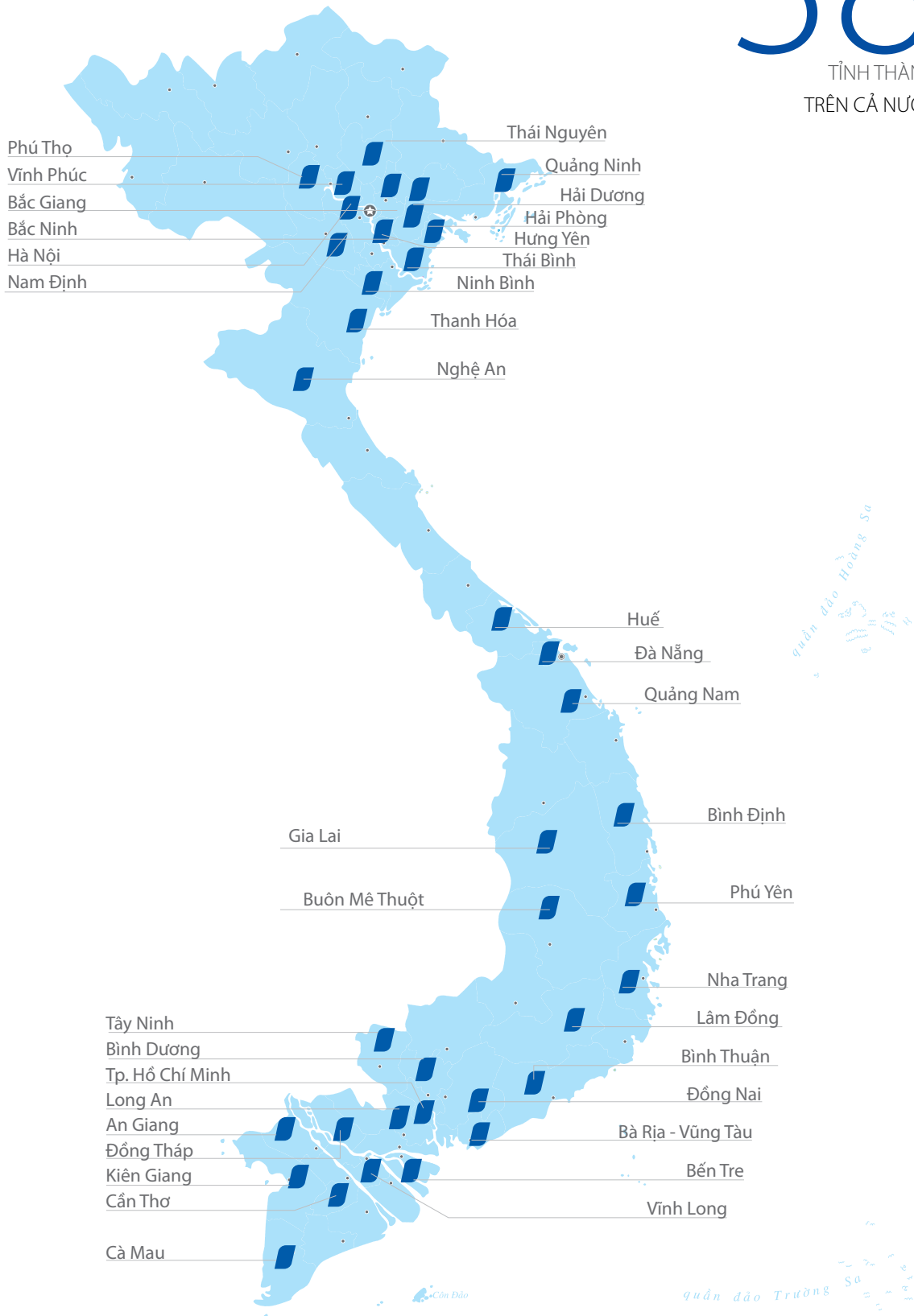
11

QUỐC GIA
TRÊN THẾ GIỚI ĐÃ CÓ MẶT FPT

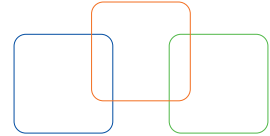


38

TỈNH THÀNH
TRÊN CẢ NƯỚC



1

SỐ 1 VIỆT NAM
TRONG HẦU HẾT CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH

TÍCH HỢP HỆ THỐNG - GIẢI PHÁP PHẦN MỀM - DỊCH VỤ TIN HỌC

Giữ vị trí số 1 về công nghệ, doanh thu và lợi nhuận tại Việt Nam.

Dịch vụ tích hợp hệ thống: thiết kế và xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, bảo mật hệ thống, dịch vụ mạng, lưu trữ, máy chủ, dịch vụ triển khai các giải pháp ngân hàng, chứng khoán và viễn thông, các hệ thống thanh toán, giám sát v.v...

Giải pháp phần mềm: phát triển các phần mềm ứng dụng chuyên sâu, hướng tới chất lượng quốc tế cho các ngành viễn thông; ngân hàng - tài chính; chính phủ, doanh nghiệp; y tế - giáo dục,...

Dịch vụ tin học gồm bảo hành bảo trì, dịch vụ quản trị, Data Center, ITO, bảo mật hệ thống, điện toán đám mây, Dịch vụ BPO; dịch vụ ERP; Dịch vụ xử lý điện tử cho giao dịch giữa chính phủ với người dân và doanh nghiệp như chữ ký điện tử, gateway thu ngân sách qua ngân hàng, dịch vụ VAN cho Hải quan, dịch vụ thuế điện tử, dịch vụ xử lý và quyết toán tờ khai thuế...

Các khách hàng chính: các bộ ngành chính phủ như Bộ Tài chính, Bộ Công An, Bộ Thông tin Truyền thông, Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Hải quan...; các ngân hàng như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, BIDV, Agribank, Vietcombank, các Ngân hàng thương mại cổ phần; các tập đoàn, tổng công ty lớn trong nước như Petrolimex, VNPT, Viettel, Vinamilk,...

Ở lĩnh vực này, FPT là đối tác cấp cao nhất của hầu hết nhà cung cấp lớn nhất thế giới: Cisco, IBM, HP, Microsoft, Oracle, SAP, Dell, NCR... và sở hữu 1.707 chứng chỉ công nghệ quốc tế của các nhà cung cấp giải pháp và dịch vụ hàng đầu thế giới.

XUẤT KHẨU PHẦN MỀM

Giữ vị trí số 1 tại Việt Nam với nguồn nhân lực đồng đều hơn 3.000 lập trình viên.

Các sản phẩm/dịch vụ chính: Xây dựng phát triển phần mềm, Phát triển ứng dụng và bảo trì, Triển khai dịch vụ ERP, Chuyển đổi công nghệ phần mềm, Kiểm thử chất lượng phần mềm, Phần mềm nhúng.

FPT có các chứng chỉ chất lượng như: CMMi-5, ISO 27001:2005 (BS7799-2:2002), ISO 9001:2000...

Các đối tác và khách hàng chính là nhiều tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới như Microsoft, IBM, HP, Sanyo, Hitachi, Panasonic, Canon, Toshiba...

VIỄN THÔNG

Đây là lĩnh vực có tốc độ tăng trưởng doanh thu cao, tính bình quân 5 năm gần đây là xấp xỉ 43%/năm.

Các sản phẩm và dịch vụ chính gồm: Dịch vụ internet, Dịch vụ Internet băng thông rộng ADSL, Dịch vụ "Giải trí đa phương tiện" trên nền công nghệ VDSL tích hợp với FShare - Dịch vụ lưu trữ số 1 tại Việt Nam và OneTV - Dịch vụ truyền hình theo yêu cầu, Dịch vụ FTTC, FTTH, dịch vụ 3 trong 1 Triple Play hướng tới khách hàng doanh nghiệp.

NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
CÓ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CAO HƠN

3 LẦN

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP



Dịch vụ kênh thuê riêng, Data Center: dịch vụ kênh thuê riêng (Internet leased line), dịch vụ viễn thông trong nước, dịch vụ viễn thông quốc tế, voice IP doanh nghiệp, dịch vụ máy chủ - cho thuê máy chủ và chỗ đặt máy chủ, dịch vụ tên miền - hosting,...

NỘI DUNG SỐ

FPT đã từng bước khẳng định vị thế trên thị trường nội dung số Việt Nam.

Các sản phẩm dịch vụ chính gồm trò chơi trực tuyến, quảng cáo trực tuyến (với báo VnExpress.net - báo điện tử tin nhanh hàng đầu Việt Nam, Ngoisao.net, Sohoa.net, Nhacso.net, Gamethu.net,...), dịch vụ thanh toán trực tuyến, dịch vụ SMS.

ĐÀO TẠO

Đại học FPT đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao chuyên ngành CNTT, quản trị kinh doanh và các nhóm ngành khác có liên quan. Hiện Đại học FPT có khoảng 6.000 sinh viên.

Viện Đào tạo Quốc tế FPT, bao gồm 04 Trung tâm đào tạo Mỹ thuật đa phương tiện (FPT Arena) và 06 Trung tâm đào tạo Lập trình viên quốc tế (FPT Aptech). Sau gần 14 năm, Viện đã đào tạo được gần 55.000 học viên.

Hệ Cao đẳng Thực hành FPT (FPT Polytechnic) có 4 chuyên ngành: Quản trị cơ sở dữ liệu, Thiết kế web, Ứng dụng phần mềm và Kế toán. Hiện nay, FPT Polytechnic có 3.000 sinh viên.

Dự án xây dựng Đại học FPT tại Khu CNC Hòa Lạc (Hà Nội) đã hoàn thành giai đoạn I (9,1 ha), đáp ứng nhu cầu học tập và sinh hoạt của sinh viên đợt đầu tiên vào tháng 5/2012.

PHÂN PHỐI VÀ BÁN LẺ CÁC SẢN PHẨM CNTT VÀ VIỄN THÔNG

Giữ vị trí số 1 ở Việt Nam.

FPT hiện có mạng lưới phân phối lớn nhất tại Việt Nam, với hơn 1.500 đại lý tại 63/63 tỉnh thành trong toàn quốc.

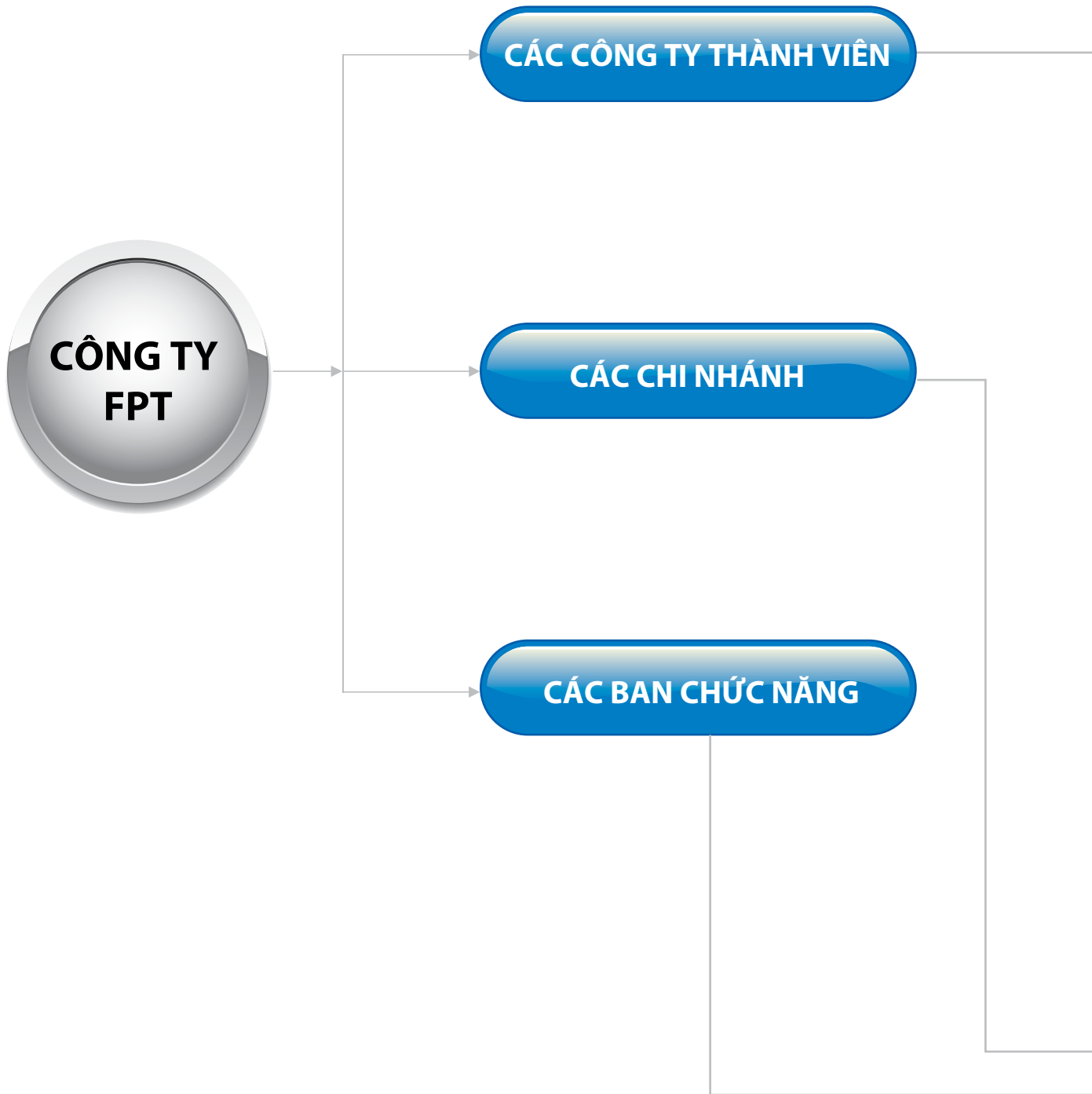
FPT phân phối sản phẩm thiết bị CNTT và viễn thông của hơn 60 hãng nổi tiếng thế giới như IBM, Lenovo, Microsoft, HP, Nokia, Toshiba, Oracle, Samsung, Cisco, Dell, Motorola, HTC, Apple, Intel, Symantec, NEC, Seagate, MSI, Foxconn, Sandisk, Logitech...

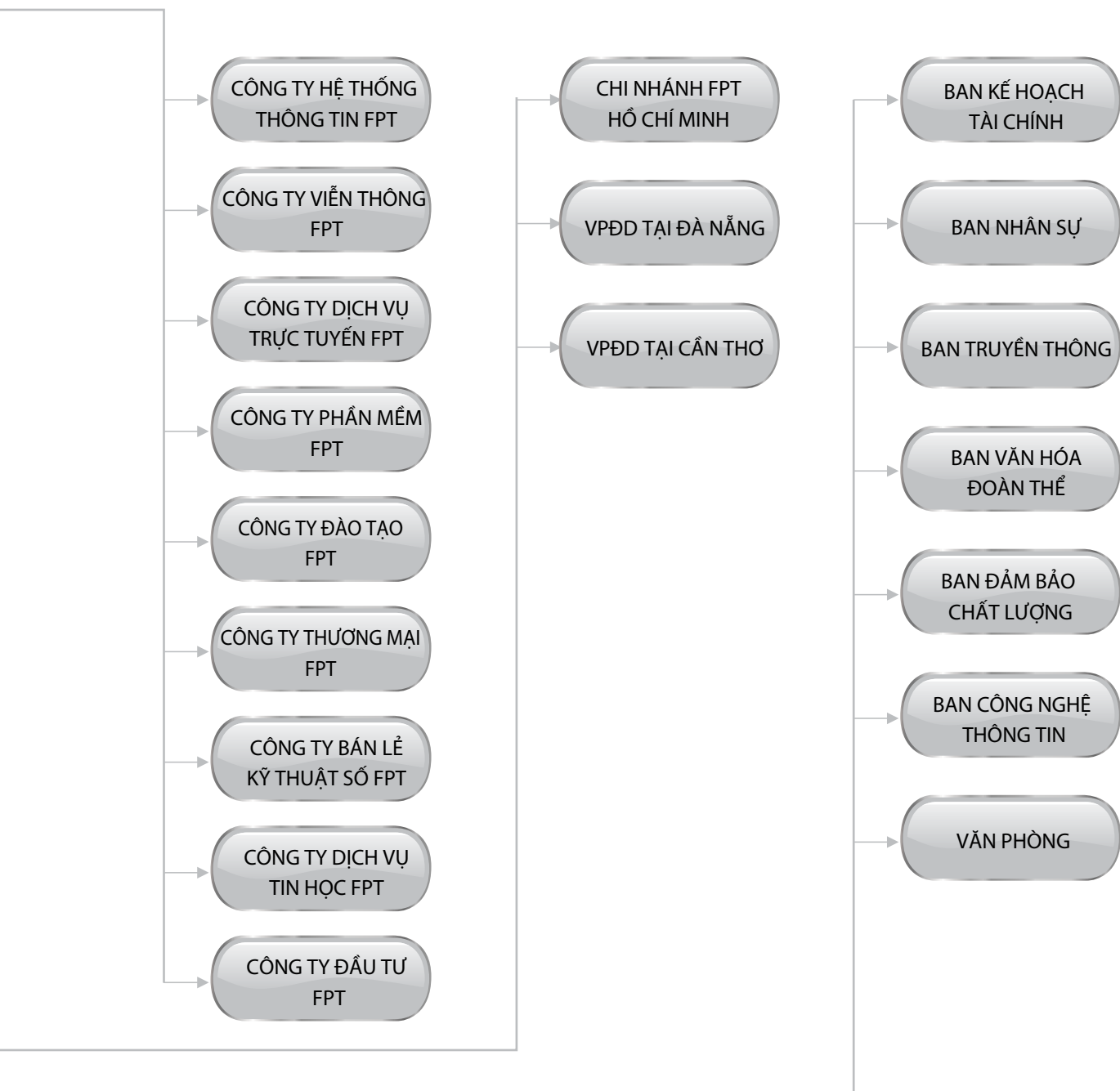
FPT hiện có 19 cửa hàng bán lẻ trên toàn quốc và dự kiến có 150 cửa hàng vào năm 2014.

SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ

Các sản phẩm gồm có: Máy tính để bàn Elead (từ năm 2002), Điện thoại FPT Mobile (từ tháng 06/2009) và máy tính bảng FPT (từ tháng 10/2011).

Bên cạnh việc đầu tư cải thiện hình thức và chủng loại của các thiết bị phần cứng, FPT cũng tập trung phát triển kho ứng dụng FStore.





GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO



[1]



[2]



[3]



[4]



[5]

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông TRƯƠNG GIA BÌNH

Thành viên sáng lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông tốt nghiệp Khoa Toán Cơ, Đại học Tổng hợp Quốc gia Moscow mang tên Lomonosov, Liên bang Nga, năm 1979 và bảo vệ luận án tiến sĩ cũng tại đại học này năm 1982.

Sáng lập ra FPT năm 1988, trong suốt quá trình phát triển của FPT, ông là linh hồn, là người tập hợp lực lượng cũng như có tầm nhìn xa và luôn đưa ra được những định hướng chiến lược quan trọng trong từng giai đoạn để giữ vững sự tăng trưởng vượt bậc của FPT.

2. Ông LÊ QUANG TIẾN

Thành viên sáng lập, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông tốt nghiệp Khoa Vật lý, Đại học Tổng hợp Kishinhov (Cộng hòa Moldova) năm 1981 và Khoa Quản trị Kinh doanh cao cấp tại Đại học Amos Tuck (Mỹ) năm 2000.

Ông là người đặt nền tảng cho hệ thống quản trị tài

chính FPT. Hiện ông là Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

3. Ông BÙI QUANG NGỌC

Thành viên sáng lập, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông tốt nghiệp Khoa Toán, Đại học Tổng hợp Kishinhov (Cộng hòa Moldova) năm 1979 và bảo vệ luận án tiến sĩ về Cơ sở dữ liệu tại Đại học Grenoble (Pháp) năm 1986.

Ông là một nhà quản trị xuất sắc và hiện giữ chức Chủ tịch Ủy ban Tổ chức Cán bộ thuộc HĐQT FPT.

4. Ông HOÀNG MINH CHÂU

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông tốt nghiệp Khoa Toán, Đại học Tổng hợp Kishinhov (Cộng hòa Moldova) năm 1981 và Khoa Quản trị Kinh doanh cao cấp, Đại học Amos Tuck (Mỹ) năm 2000.

Ông là Giám đốc đầu tiên của chi nhánh FPT tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 1990 và là người có nhiều đóng góp cho văn hoá doanh nghiệp FPT.

5. Bà TRƯƠNG THỊ THANH THANH

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà tốt nghiệp Khoa Vật lý Phân tử, Đại học Tổng hợp Bacu (Azerbaijan) năm 1974 và Khoa Quản trị Kinh doanh, Đại học Amos Tuck (Mỹ) năm 2000.

Bà hiện giữ chức Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần FPT tại TP HCM.

Bà luôn đi tiên phong trong các hoạt động xã hội và từ thiện của FPT.

6. Ông ĐỖ CAO BẢO

Thành viên sáng lập, Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ông tốt nghiệp ngành Toán điều khiển, Học viện Kỹ thuật Quân sự năm 1984.

Từ năm 1994, với vai trò lãnh đạo cao nhất của Công ty Hệ thống Thông tin FPT (FPT IS), ông đã đưa FPT IS trở thành mũi nhọn công nghệ của FPT và nhiều năm liên dẫn đầu thị trường tích hợp hệ thống, phát triển phần mềm và dịch vụ tin học tại Việt Nam.

Hiện ông là Chủ tịch Công ty Hệ thống Thông tin FPT.



[6]

[7]

[8]

[9]

[10]

[11]

7. Ông NGUYỄN THÀNH NAM

Thành viên sáng lập, Ủy viên Hội đồng Quản trị, Ông tốt nghiệp Khoa Toán, Đại học Tổng hợp Quốc gia Moscow mang tên Lomonosov, Liên bang Nga và bảo vệ thành công luận án tiến sĩ Toán năm 1988 cũng tại trường đại học này.

Ông đã dẫn dắt Công ty Phần mềm FPT trở thành công ty xuất khẩu phần mềm hàng đầu khu vực, mở đầu chiến lược toàn cầu hóa tại FPT và ghi danh ngành công nghiệp phần mềm Việt Nam trên bản đồ phần mềm thế giới.

8. Ông TRƯƠNG ĐÌNH ANH

Ủy viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 1992.

Ông gia nhập FPT từ năm 1993. Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom) dưới sự điều hành của ông đã trở thành một trong những công ty viễn thông hàng đầu Việt Nam.

Ngày 01/07/2009, ông được bổ nhiệm vào chức vụ Phó Tổng Giám đốc FPT, đồng thời giữ chức Chủ tịch HĐQT FPT Telecom.

Ngày 25/03/2011, ông chính thức nhậm chức Tổng Giám đốc FPT.

9. Ông HOÀNG NAM TIẾN

Ủy viên Hội đồng Quản trị Ông tốt nghiệp chuyên ngành CNTT, Đại học Bách khoa Hà Nội và gia nhập FPT vào năm 1993.

Ông là người đưa FPT giữ vị trí số 1 trong mảng phân phối các sản phẩm CNTT và viễn thông.

Cuối năm 2011, ông được bầu là Chủ tịch Công ty Phần mềm FPT.

10. Ông NGUYỄN ĐIỆP TÙNG

Ủy viên Hội đồng Quản trị Ông tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế bảo hiểm, Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội năm 1990. Ông gia nhập

FPT từ năm 1991 và có đóng góp to lớn cho việc xây dựng hệ thống quản trị tài chính tại FPT.

Ông giữ chức Chủ tịch Ủy ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc HĐQT FPT.

Hiện ông cũng giữ chức Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPT Securities).

11. Ông JONATHON RALPH ALEXANDER WAUGH

Ủy viên Hội đồng Quản trị Ông tốt nghiệp ngành Quản trị Kinh doanh, Đại học Southbank (London) năm 1992. Ông có gần 20 năm hoạt động trong lĩnh vực tài chính, đầu tư với việc tham gia thành lập và quản lý nhiều Quỹ đầu tư nổi tiếng tại Anh, Hongkong và Việt Nam.

Ông được bầu vào HĐQT Công ty Cổ phần FPT tháng 03/2009.

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)



[2]

[1]

[3]

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Ông TRƯƠNG ĐÌNH ANH

Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

Năm 1992: Tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

Năm 1993: Gia nhập FPT.

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom) dưới sự điều hành của ông đã trở thành một trong những công ty viễn thông hàng đầu Việt Nam.

Ngày 01/07/2009, ông được bổ nhiệm vào chức vụ Phó Tổng Giám đốc FPT, đồng thời giữ chức Chủ tịch HĐQT FPT Telecom.

Ngày 25/03/2011, ông chính thức nhậm chức Tổng Giám đốc FPT.

2. Bà CHU THỊ THANH HÀ

Phó Tổng giám đốc

Năm 1994: Tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

Năm 2006: Lấy bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Hawaii, Manoa, Hoa Kỳ.

Năm 1995: Gia nhập FPT.

Từ năm 2003 đến năm 2005: Giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty Truyền thông FPT (tiền thân của FPT Telecom).

Từ năm 2005: Bà được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom và được bầu là Phó Chủ tịch HĐQT FPT Telecom.

Từ tháng 8/2009 đến 31/12/2011: Tổng Giám đốc FPT Telecom.

Ngày 25/03/2011: Phó Tổng Giám đốc FPT.

3. Ông NGUYỄN THẾ PHƯƠNG

Phó Tổng giám đốc

Năm 1999: Tốt nghiệp Đại học Ngoại thương.

Năm 2000: Gia nhập FPT.

10 năm qua, ông đã đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong các lĩnh vực tài chính, kiểm soát kế hoạch tài chính và đã có nhiều đóng góp cho FPT

Từ năm 2007 đến 31/01/2011: Kế toán trưởng FPT.

Từ năm 2009: Trưởng ban Kế hoạch Tài chính FPT.

Từ ngày 01/11/2010: Phó Tổng Giám đốc FPT.



[2]

[1]

[3]

BAN KIỂM SOÁT

1. Ông NGUYỄN VIỆT THẮNG

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông tốt nghiệp Đại học Thương mại Hà Nội năm 1989 và là thạc sĩ Chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Đại học Rushmore University (Mỹ) năm 2006.

Từ năm 1997, ông làm việc tại Khoa Quản trị Kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội. Từ 13/10/2009, ông là Hiệu phó Đại học FPT.

2. Ông NGUYỄN KHẢI HOÀN

Ủy viên Ban Kiểm soát

Ông tốt nghiệp Học viện Tài chính, Liên bang Nga năm 1999 và là tiến sĩ kinh tế, chuyên ngành Đầu tư tại Viện Kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga năm 2003.

Từ năm 2005 đến nay, ông đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Tài chính, kiêm Kế toán trưởng Công ty Phần mềm FPT (FPT Software). Từ ngày 1/1/2011, ông được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính FPT Software.

3. Ông HÀ NGUYỄN

Ủy viên Ban Kiểm soát

Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 1992 và tốt nghiệp khoa Luật, Đại học Tổng hợp Hà Nội năm 1996. Ông tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại trường Boise State University - Idaho (Mỹ) năm 1997.

Ông hiện là Giám đốc Khối Đào tạo Sau đại học, Khoa Quản trị kinh doanh HSB, thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.



Đánh giá hoạt động
2011



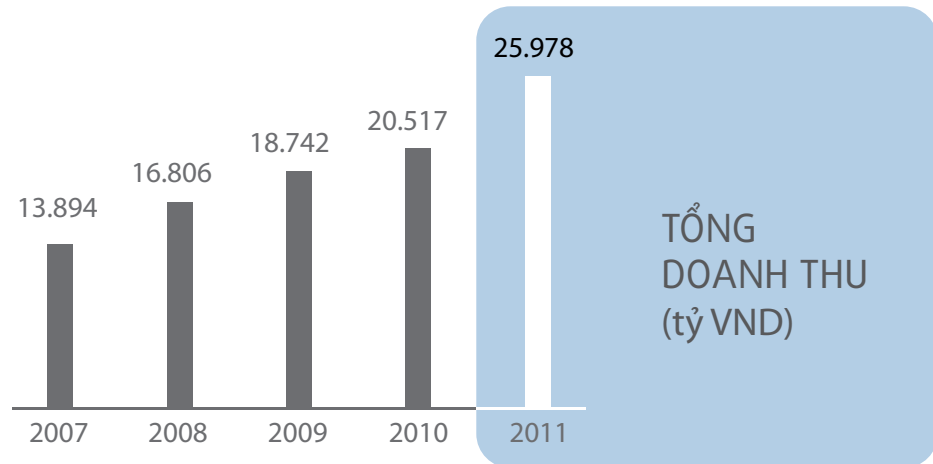
Chạm đến MỤC TIÊU

Chạm sự ĐỒNG LÒNG

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT 2007 - 2011

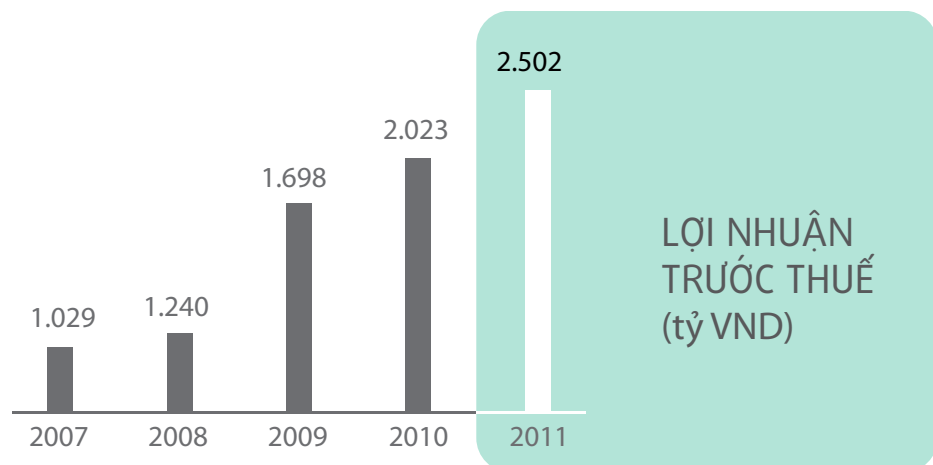
Doanh thu **lớn nhất**

trong các doanh nghiệp niêm yết năm 2011



Lợi nhuận tăng bình quân **33%/năm**

trong 05 năm qua



25.978

TỶ ĐỒNG
TỔNG DOANH THU NĂM 2011

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị: tỷ VND)

STT	Kết quả HKKD	2007	2008	Tăng/ giảm so cùng kỳ	2009	Tăng/ giảm so cùng kỳ	2010	Tăng/ giảm so cùng kỳ	2011	Tăng/ giảm so cùng kỳ
1	Tổng doanh thu	13.894	16.806	21%	18.742	12%	20.517	9%	25.978	27%
2	LN thuần từ HKKD	953	1.191	25%	1.594	34%	1.877	18%	2.420	29%
3	LN trước thuế	1.029	1.240	21%	1.698	37%	2.023	19%	2.502	24%
4	LNTT lãi vay & KH	1.271	1.560	23%	2.111	35%	2.591	23%	3.127	21%
5	LNTT & lãi vay	1.072	1.320	23%	1.807	37%	2.261	25%	2.751	22%
6	LN sau thuế	880	1.051	19%	1.406	34%	1.692	20%	2.079	23%

CÁC CHỈ SỐ LỢI NHUẬN

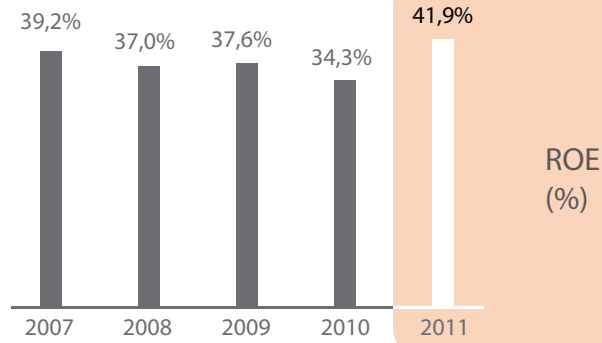
(Đơn vị: tỷ VND)

STT	Các chỉ số lợi nhuận	2007	2008	%	2009	%	2010	%	2011	%
1	Tỷ lệ Lãi gộp	14,1%	17,7%	25,5%	19,7%	11%	19,4%	-1,1%	19,1%	-1,8%
2	Tỷ lệ EBITDA/ DT	9,1%	9,3%	1,5%	11,3%	21,4%	12,6%	12,1%	12,0%	-4,7%
3	Lãi trước Thuế/ DT	7,4%	7,4%	-0,4%	9,1%	22,8%	9,9%	8,9%	9,6%	-2,4%
4	Lãi sau Thuế/DT	6,3%	6,3%	-1,3%	7,5%	19,9%	8,2%	9,9%	8,0%	-2,9%

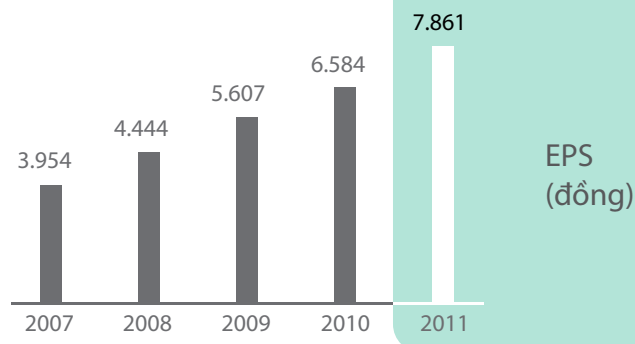
Năm 2011, tổng doanh thu toàn FPT đạt gần 26.000 tỷ đồng, tăng trưởng 27% so với năm 2010, lợi nhuận trước thuế đạt 2.502 tỷ đồng, tăng trưởng 24% so với năm trước. Như vậy, trong 05 năm qua, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân của FPT đạt mức 17% trong khi mức tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân đạt 33%. Kết quả này thể hiện chiến lược tập trung đầu tư vào các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao như viễn thông, phần mềm, nội dung số, dịch vụ tin học và đào tạo. Trong thời gian tới, với chiến lược OneFPT, các lĩnh vực chủ chốt kể trên sẽ tiếp tục đóng góp lớn vào sự tăng trưởng của FPT trong tương lai.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT 2007 - 2011 (tiếp theo)

Hiệu quả kinh doanh
trên vốn chủ sở hữu cao



EPS cao và tăng trưởng tốt



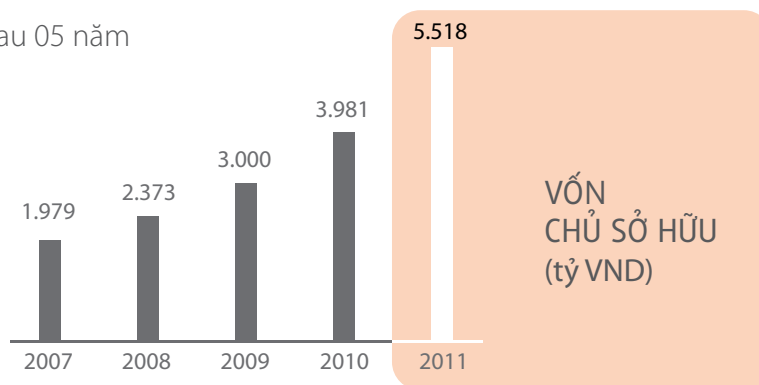
HIỆU QUẢ QUẢN LÝ

STT	Các chỉ tiêu cơ bản	2007	2008	2009	2010	2011
1	ROE	39,2%	37,0%	37,6%	34,3%	41,9%
2	ROA	22%	13,0%	14,1%	14,6%	15,3%
3	EPS	3.954	4.444	5.607	6.584	7.861

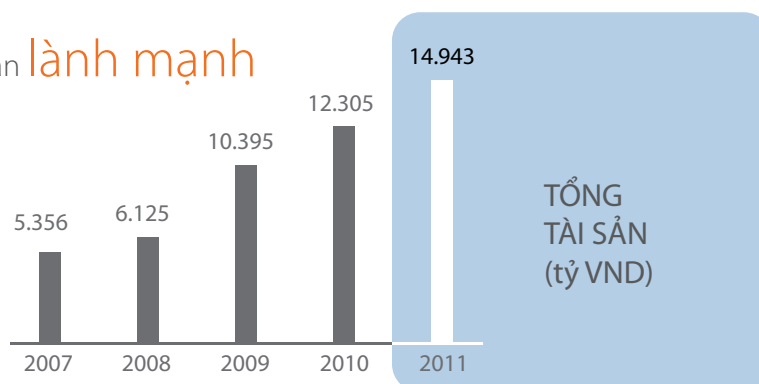
SỨC KHỎE TÀI CHÍNH

STT	Các chỉ tiêu cơ bản (lần)	2007	2008	2009	2010	2011
1	Thanh toán Nhanh	1,0	1,1	1,3	1,2	1,0
2	Thanh toán Hiện thời	1,4	1,5	1,6	1,6	1,3
3	Vay DH/Vốn CSH	0,0	0,0	0,6	0,5	0,0
4	Vay DH/Tổng TS	0,0	0,0	0,2	0,1	0,0
5	Vốn vay /Vốn CSH	0,7	0,5	1,4	1,1	0,8

Vốn chủ sở hữu tăng **179%** sau 05 năm



Tài sản tăng **vững chắc**,
bảng cân đối tài sản **lành mạnh**



CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

(Đơn vị: tỷ VND)

STT	Các chỉ tiêu cơ bản	2007	2008	% Tổng tài sản	2009	% Tổng tài sản	2010	% Tổng tài sản	2011	% Tổng tài sản
	Tổng tài sản	5.356	6.125	100%	10.395	100%	12.305	100%	14.943	100%
1	Tài sản cố định	642	961	16%	1.639	16%	2.000	16%	2.151	14%
2	Tổng nợ NH & DH	3.093	3.227	53%	6.678	64%	7.255	59%	8.717	58%
	<i>Nợ ngắn hạn</i>	3.027	3.222	53%	4.766	46%	5.439	44%	8.475	57%
	Vay ngắn hạn	1.249	1.237	20%	2.234	21%	2.676	22%	4.674	31%
	Phải trả ngắn hạn khác	1.778	1.985	32%	2.532	24%	2.763	22%	3.801	25%
	<i>Nợ dài hạn</i>	66	5	0%	1.912	18%	1.816	15%	242	2%
	Vay dài hạn	55	0.2	0%	1.892	18%	1.800	15%	0.30	0%
	Phải trả dài hạn khác	11	5	0%	20	0%	16	0%	242	2%
3	Vốn chủ sở hữu	1.979	2.373	39%	3.000	29%	3.981	32%	5.518	37%
	Vốn điều lệ	924	1.412	53%	1.438	14%	1.935	16%	2.161	14%
	Lợi nhuận để lại	432	798	85%	1.391	13%	1.856	15%	3.173	21%

Ngày **25/03/2011**

Ông TRƯƠNG ĐÌNH ANH chính thức nhậm chức
Tổng Giám đốc thay ông Nguyễn Thành Nam.

FPT BỔ NHIỆM NHIỀU VỊ TRÍ LÃNH ĐẠO QUAN TRỌNG

Ngày 25/03/2011, ông Trương Đình Anh chính thức nhậm chức Tổng Giám đốc thay ông Nguyễn Thành Nam

Trong năm, hai công ty thành viên của FPT là FPT Software và FPT Telecom cũng quyết định trẻ hóa ban điều hành bằng những lãnh đạo trẻ, đầy nhiệt huyết và sáng tạo.

Sự thay đổi này nhất quán với lộ trình chuyển giao thế hệ lãnh đạo nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược 13 năm (2011-2024) của FPT



300 SINH VIÊN

ĐẦU TIÊN CỦA
ĐẠI HỌC FPT RA TRƯỜNG



ĐẨY MẠNH CHIẾN LƯỢC ONEFPT

Năm 2011, Ban điều hành mới đã có những hành động quyết liệt nhằm đẩy mạnh chiến lược One-FPT, hướng tới trở thành Tập đoàn Toàn cầu Hàng đầu của Việt Nam.

Từ giữa tháng 9, FPT đã tiến hành tái cấu trúc ba công ty thành viên là Công ty Cổ phần Thương mại FPT (FPT Trading), Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT (FPT IS) và Công ty Cổ phần Phần mềm FPT (FPT Software). Theo đó, các công ty đã chuyển từ công ty cổ phần thành trách nhiệm hữu hạn một thành viên do FPT là chủ sở hữu 100%.

Việc chuyển đổi nhằm gắn kết các đơn vị và đưa FPT đạt tốc độ tăng trưởng đột phá trong những năm tới.

FPT SOFTWARE ĐẠT CHỨNG CHỈ CMMI LEVEL 5 V1.2

Ngày 16/03/2011, FPT Software đã nhận được thông báo từ Viện Công nghệ phần mềm Hoa Kỳ (Software Engineering Institute) về việc chính thức đạt chứng chỉ CMMi Level 5 v1.2.

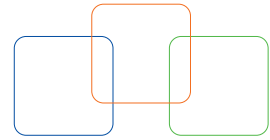
Hiện nay, trên thế giới, có khoảng 178 công ty đạt được chứng chỉ CMMi level 5 v1.2, riêng tại Việt Nam, FPT Software là công ty thứ 2 đạt được chứng chỉ này. Đây là sự tự hào không chỉ với riêng FPT Software mà đối với cả nền CNTT ở Việt Nam.

Năm 2011, Trường Đại học FPT đã tổ chức ba đợt tốt nghiệp cho 300 sinh viên khóa I. Sau 5 năm nỗ lực, Trường Đại học FPT bắt đầu gặt hái những thành quả đầu tiên: 100% sinh viên tốt nghiệp ra trường đã có việc làm với mức lương trung bình trên 6 triệu đồng/tháng hoặc tiếp tục học lên cao. Nhiều sinh viên ngay khi rời ghế nhà trường đã được giữ những vị trí quản lý với mức lương khởi điểm lên tới hàng ngàn đô la Mỹ.

Với lứa sinh viên này, FPT không chỉ bổ sung nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao cho đất nước, mà còn là minh chứng thuyết phục cho xu hướng mới trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam - đào tạo để xuất khẩu.

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2011 (tiếp theo)

FPT đã gia nhập thị trường máy tính bảng bằng việc ra mắt FPT Tablet.



FPT CUNG CẤP GIẢI PHÁP PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

Năm 2011, Công ty Hệ thống Thông tin FPT (FPT IS) đã xây dựng nhiều hệ thống CNTT tầm cỡ thế giới cho khối chính phủ để phục vụ công cuộc phát triển đất nước.

Những dự án đáng chú ý là: Hệ thống quản lý thuế thu nhập cá nhân phục vụ 15 triệu đối tượng nộp thuế với 7.000 người sử dụng, 800 điểm triển khai tại 63 tỉnh thành, 770 chi cục... ; Phần mềm quản lý giấy phép lái xe toàn quốc ứng dụng công nghệ hiện đại như mã hóa thông tin trên ảnh chân dung, xác thực chữ ký điện tử... ; phần mềm hỗ trợ bầu cử tại Thành Phố Hồ Chí Minh; đảm bảo an ninh mạng cho Ngân hàng nhà nước...



THÀNH LẬP CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ FPT

Ngày 01/11, FPT đã thành lập Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ FPT, hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển và cung cấp giải pháp công nghệ tổng thể về dịch vụ công.

Lĩnh vực mà công ty mới dự định tiếp cận trong thời gian tới là ứng dụng công nghệ vào giao thông và y tế, nhằm giải quyết những bức xúc của xã hội.

Với việc thành lập Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ FPT, FPT mong muốn đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển công nghệ, tăng cường sức mạnh để tạo sự phát triển bền vững trong giai đoạn tới.



FPT THAM GIA THỊ TRƯỜNG MÁY TÍNH BẢNG

Tháng 10, FPT đã gia nhập thị trường máy tính bảng bằng việc ra mắt FPT Tablet. Sản phẩm có màn hình TFT LCD cảm ứng điện dung 7 inch, độ phân giải 800x480 pixel, hệ điều hành Android 2.2 với mức giá dưới 5 triệu đồng.

FPT Tablet là sản phẩm đầu tiên hướng tới phân khúc "high-end" của thương hiệu FPT. Sự thành công ban đầu của FPT Tablet giúp FPT tự tin hơn khi tung thêm nhiều sản phẩm công nghệ trong thời gian tới.

FPT

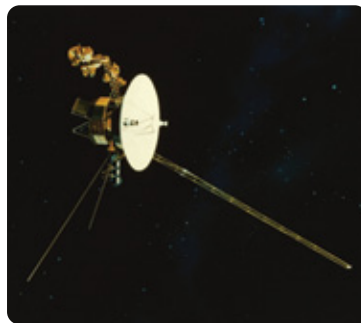
TRỞ THÀNH THÀNH VIÊN SÁNG LẬP
CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI



CAO ĐẲNG THỰC HÀNH FPT THU HÚT GẦN 3000 SINH VIÊN SAU HƠN 1 NĂM HOẠT ĐỘNG

Năm 2011 đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của cao đẳng thực hành FPT (FPT Polytechnic) thuộc Trường Đại học FPT. Thành lập vào tháng 07/2010, sau hơn 1 năm hoạt động, FPT Polytechnic đã có gần 3000 sinh viên với hệ thống 3 cơ sở đào tạo tại Hà Nội, Đà Nẵng và Tp.Hồ Chí Minh cùng hệ thống các điểm tiếp nhận hồ sơ, văn phòng đại diện ở Hưng Yên, Hòa Bình, Vinh, Thái Nguyên, Quy Nhơn, Cần Thơ.

Cao đẳng Thực hành FPT triển khai mô hình giáo dục - đào tạo kiểu mới trong đó môi trường học tập giống doanh nghiệp, sinh viên đóng vai trò như nhân viên. Các giờ học được tổ chức để giao việc và kiểm soát công việc.



VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ FPT HỢP TÁC CHẾ TẠO VỆ TINH NHỎ QUAN SÁT TRÁI ĐẤT

Ngày 21/04/2011, Viện Nghiên cứu công nghệ FPT (thuộc Đại học FPT) và Phòng thí nghiệm robot không gian (Space Robotics Laboratory) - Trường Đại học Tohoku đã ký kết biên bản ghi nhớ (MOU) về việc Việt Nam tham gia chế tạo thiết bị camera đặt trên vệ tinh RISESAT.

Theo dự kiến, cuối năm 2013 vệ tinh RISESAT sẽ được phóng lên quỹ đạo và phía Việt Nam sẽ được chia sẻ thời gian sử dụng vệ tinh tương ứng với đóng góp của mình trong dự án.

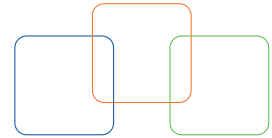


FPT LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI

Tháng 11/2011, FPT trở thành thành viên sáng lập (Foundation Member) của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF). Đây là một danh vị cấp cao của WEF dành cho các công ty có vai trò dẫn dắt nền kinh tế.

Hiện, trong danh sách này của WEF có 1.000 thành viên được lựa chọn từ các công ty điển hình trên toàn cầu, những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực của họ tại các quốc gia.

Kết quả tăng trưởng 27% năm 2011 thực sự là những nỗ lực lớn lao của các cấp điều hành.



KẾT QUẢ KINH DOANH 2011 - GIỮ VỮNG TĂNG TRƯỞNG TRONG KHÓ KHĂN

Kế hoạch kinh doanh 2011 được phê duyệt trước đó đã được điều chỉnh với mức tăng trưởng doanh thu từ 20% lên con số hết sức thách thức là 30%.

Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế vĩ mô 2011, Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ và phối hợp sát sao cùng Ban Điều hành trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh ngay từ đầu năm, thực hiện 1 đợt điều chỉnh kế hoạch vào thời điểm giữa năm và kiên định mục tiêu giữ tốc độ tăng trưởng cao, tạo cơ sở vững chắc cho việc thực hiện Chiến lược OneFPT ngay từ năm đầu tiên.

Kết quả, kết thúc năm tài chính 2011, tổng doanh thu của FPT đạt 25.978 tỷ đồng, đạt 105,87% so với kế hoạch đã được HĐQT thông qua đầu năm và đạt hơn 97% so với kế hoạch điều chỉnh tăng giữa năm, tăng hơn 27% so với năm 2010.

Lợi nhuận trước thuế FPT đạt 2.502 tỷ đồng, tăng 23,6% so với năm 2010, đạt 103,3% kế hoạch đầu năm và đạt 95% so với kế hoạch điều chỉnh tăng giữa năm. Lợi nhuận sau thuế đạt trên 2.079 tỷ đồng, tăng 22,90% so với năm 2010. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt trên 1.681 tỷ đồng, tăng 33,00% so với năm 2010 và đạt 96,1% kế hoạch mới đã điều chỉnh. Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 7.861 đồng, tăng hơn 19% so với năm trước.

Kết quả này là nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên FPT nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.

NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT

TÁI CẤU TRÚC SỞ HỮU FPT SOFTWARE, FPT IS VÀ FPT TRADING

Nằm trong lộ trình triển khai Chiến lược OneFPT, HĐQT đã đề xuất lên Đại hội đồng Cổ đông phương án tái cấu trúc công ty và tăng vốn Điều lệ. Cụ thể, FPT đã phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của các cổ đông khác của FPT Software, FPT IS, FPT Trading. Sau khi hoàn tất thủ tục, vào tháng 9/2011, các công ty này được chuyển thành công ty TNHH với 100% sở hữu thuộc FPT. Với mục tiêu tập trung quản lý để huy động sức mạnh hợp lực tối đa dựa trên nền tảng công nghệ, quyết định này đã được thực hiện nhằm thúc đẩy và tạo nền tảng cho những bứt phá trong tăng trưởng trong thời gian tới của những công ty chủ chốt này. Với mô hình mới, các hoạt động hợp lực (synergy) giữa các công ty thành viên trong FPT năm qua đã đạt được nhiều kết quả đáng kể, chủ yếu trong các mảng:

- Khai thác hiệu quả các nguồn khách hàng của từng công ty thành viên
- Xây dựng các chương trình phối hợp trong bán hàng, marketing và chăm sóc khách hàng, nghiên cứu phát triển

- Phối hợp hiệu quả trong các hoạt động nghiên cứu và tiếp cận các thị trường mới, khách hàng mới
- Tận dụng và linh hoạt trong việc điều phối các nguồn tài chính giữa các công ty thành viên nhằm tối ưu hóa lợi ích

THAY ĐỔI BAN ĐIỀU HÀNH FPT VÀ MỘT SỐ CÔNG TY THÀNH VIÊN

Tháng 3/2011, tiếp tục thực hiện lộ trình chuyển giao thể hệ lãnh đạo, ông Nguyễn Thành Nam thôi giữ chức Tổng Giám đốc để thực hiện nhiệm vụ phát triển thị trường mới; ông Trương Đình Anh thay thế giữ chức vụ này. Ban điều hành mới có 3 thành viên gồm Tổng Giám đốc và 2 phó Tổng Giám đốc là bà Chu Thị Thanh Hà và ông Nguyễn Thế Phương.

Ngay sau khi nhận nhiệm vụ, Ban Điều hành với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và Ủy ban Thường trực đã nhanh chóng tiếp quản công việc và triển khai chiến dịch thúc đẩy kinh doanh mạnh mẽ. Kế hoạch kinh doanh 2011 được phê duyệt trước đó đã được điều chỉnh với mức tăng trưởng doanh thu từ 20% lên con số hết sức thách thức là 30%. Trong bối cảnh suy thoái kinh tế kéo dài hiện nay, quyết định này của Ban Điều hành đã thể hiện quyết tâm và ý chí của các lãnh đạo điều hành trực tiếp mọi cấp của FPT. Kết quả tăng trưởng 27% năm 2011 thực sự là những nỗ lực lớn lao của các cấp điều hành từ việc đặt kế hoạch cho tới việc kiểm soát triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh và linh hoạt ứng biến trước những biến đổi phức tạp của thị trường.

QUYẾT ĐỊNH RÚT KHỎI DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO EVN TELECOM

Tháng 10/2010, HĐQT ra nghị quyết đầu tư vào EVN Telecom với mục tiêu chiếm đa số cổ phần tại công ty này. Tuy nhiên, sau một thời gian nghiên cứu khả thi và tìm hiểu kỹ hiện trạng hoạt động và tình hình tài chính của EVN Telecom, kết quả cho thấy một số chỉ tiêu tài chính không đạt kỳ vọng đầu tư. Đồng thời, một số điều khoản đàm phán không đạt được như thỏa thuận ban đầu do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, tháng 04/2011, HĐQT đã ra nghị quyết rút khỏi dự án đầu tư. Toàn bộ số tiền đã chuyển cho EVN Telecom (708,8 tỷ VNĐ) nhằm chứng minh năng lực tài chính trước khi thực hiện giao dịch đã được chuyển trả lại cho FPT vào cuối năm 2011.

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2011, HĐQT đã ban hành các quyết định triển khai các nội dung được HĐQT thông qua. Ngoài ra, HĐQT còn ban hành thêm các quyết định:

- Ban hành Quy chế về xây dựng cán bộ nguồn, Quy chế quản lý cán bộ cấp cao

- Ban hành quy chế tổ chức hoạt động OneFPT và phân công nhiệm vụ triển khai chiến lược OneFPT

- Ban hành quy chế hoạt động đào tạo của Học viện Lãnh đạo FPT

- Miễn nhiệm, bổ nhiệm các vị trí quản lý như Kế toán trưởng FPT, Giám đốc và Phó Giám đốc chi nhánh FPT tại TP Hồ Chí Minh, Trưởng ban CNTT, Trưởng ban Đảm bảo chất lượng, lãnh đạo các công ty: Công ty TNHH phát triển cao Hòa Lạc, Công ty TNHH Bất động sản FPT

- Thay đổi Chủ tịch các Ủy ban Kiểm soát nội bộ và Tổ chức Cán bộ, bổ nhiệm Kiểm soát viên tại toàn bộ các công ty thành viên

- Góp vốn thành lập Công ty TNHH Đầu tư FPT, cử người đại diện phần góp vốn của Công ty Cổ phần FPT là Ông Lê Quang Tiến

- Tái cơ cấu dự án 89 Láng Hạ

- Thông qua chủ trương tập trung hóa công tác truyền thông FPT

- Phê duyệt chính sách lương thưởng áp dụng cho FPT IS, FPT Telecom, FPT Software, FPT Trading, FPT University

- Tăng vốn điều lệ

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT

Ủy ban Thường trực

Với sự thay đổi Tổng Giám đốc từ tháng 3/2011, thành viên Ủy ban Thường trực cũng có sự thay đổi. Theo đó, ông Nguyễn Thành Nam và ông Hoàng Minh Châu không còn tiếp tục là thành viên của Ủy ban Thường trực. Hiện tại, Ủy ban Thường trực bao gồm các thành viên:

- Ông Trương Gia Bình
- Ông Lê Quang Tiến
- Ông Bùi Quang Ngọc
- Ông Trương Đình Anh

Ủy ban Thường trực họp định kỳ hàng tuần. Ban Điều hành đại diện là ông Trương Đình Anh (hoặc các thành viên khác cùng tham dự nếu cần thiết) thường xuyên cập nhật, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tháng/quý của từng công ty thành viên, đề xuất các vấn đề phát sinh trong hoạt động điều hành. Thông qua sự trao đổi thường xuyên liên tục này, Ủy ban thường trực nắm rõ tình hình hoạt động và công tác điều hành của các công ty thành viên và FPT để có

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN FPT (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2011

Năm 2011, HĐQT Công ty Cổ phần FPT đã tiến hành các cuộc họp hàng quý, họp bất thường và triển khai lấy ý kiến bằng văn bản nhằm có những chỉ đạo kịp thời về các nội dung sau:

- Thông qua báo cáo kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán và phương án sử dụng lợi nhuận năm 2010
- Phê duyệt Chiến lược OneFPT 2011 - 2024
- Thay đổi Tổng Giám đốc FPT, thay đổi lãnh đạo FPT Software
- Tái cấu trúc sở hữu tại 1 số công ty thành viên (FPT Software, FPT IS, FPT Trading)
- Thông qua đề xuất thành lập Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ FPT, Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT
- Thông qua kế hoạch kinh doanh 2012

được những chỉ đạo và điều chỉnh, bổ sung kịp thời, phù hợp, nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động điều hành và đảm bảo các mục tiêu kế hoạch và định hướng chiến lược được tuân thủ.

Ủy ban Thường trực thực thi nhiệm vụ thường trực thông qua việc rà soát, thảo luận và ra quyết định/ý kiến đối với các đề xuất về chính sách lương thưởng, nhân sự, tái cấu trúc, các đề án kinh doanh mới,... từ đó phê duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền ra quyết định hoặc đưa ra ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền cấp trên trước khi thảo luận tại HĐQT, Đại hội đồng Cổ đông.

Ủy ban Tổ chức cán bộ

Tháng 10/2011, Chức vụ Chủ tịch Ủy ban Tổ chức cán bộ được chuyển giao từ ông Hoàng Minh Châu cho ông Bùi Quang Ngọc. Trong năm 2011, Ủy ban Tổ chức cán bộ thực hiện việc rà soát lại các quy trình nhân sự và chế độ đãi ngộ, ban hành mới và bổ sung nhiều chính sách quan trọng như Quản lý cán bộ cao cấp; Quy chế quản lý, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, Quy chế quy hoạch cán bộ nguồn... và triển khai 1 số dự án quan trọng như: xây dựng mô tả công việc (job description) của cán bộ cấp cao, xây dựng chế độ lương thưởng...

Ủy ban Tổ chức cán bộ đã đề ra 11 chương trình hành động cụ thể cho năm 2012, trong đó có các chương trình lớn về nhân sự nằm trong Chiến lược OneFPT nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự cho việc thực hiện cho được mục tiêu OneFPT của toàn FPT.

Ủy ban Kiểm soát nội bộ

Tháng 10/2011, chức vụ Chủ tịch Ủy ban Kiểm soát nội bộ được chuyển giao từ ông Bùi Quang Ngọc cho ông Nguyễn Điệp Tùng, ông Bùi Quang Ngọc vẫn tiếp tục là thành viên của Ủy ban.

Trong năm 2011, Ủy ban Kiểm soát nội bộ đã thực hiện các cuộc kiểm soát chuyên đề về công tác quản trị và kiểm soát tại công ty thành viên về các mảng: cơ cấu tổ chức; chức năng vai trò của người đại diện của FPT, Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ... Các công ty thành viên đã được kiểm soát trong năm qua bao gồm: FPT HO, FPT Telecom, FPT Software Hà Nội, FPT Education, FPT Trading HCM, Kiểm soát chuyên đề về Quản lý Kho hàng tại FPT Services.

Ngoài ra, trong năm 2011, Ủy ban Kiểm soát nội bộ cũng đã thực hiện các nội dung công việc như: Công khai các lợi ích liên quan của cán bộ nhân viên trong toàn FPT; Rà soát, xem xét, hỗ trợ các công ty thành

PHÒNG CHIẾN LƯỢC

Là một bộ phận trực thuộc HĐQT, đứng đầu Phòng Chiến lược là Giám đốc Chiến lược. Phòng Chiến lược hỗ trợ, đề xuất xây dựng Chiến lược OneFPT cấp FPT; giám sát và quản trị việc thực thi các chương trình chiến lược đã được thông qua và giao cho các bộ phận liên quan triển khai. Phòng Chiến lược cũng là bộ phận hỗ trợ đặc lực cho các đơn vị trong toàn FPT trong việc nghiên cứu và tư vấn về các xu hướng phát triển của các lĩnh vực kinh doanh, các lý thuyết quản trị hiện đại và các nguồn tham khảo tiêu chuẩn trên thế giới để phục vụ cho việc nghiên cứu và triển khai các hướng kinh doanh mới, các chính sách quản trị mới.

VĂN PHÒNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (VP HĐQT)

VP HĐQT hỗ trợ Chủ tịch và HĐQT trong việc tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường, lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản khi cần thiết, soạn lập và ban hành các văn bản, tài liệu của HĐQT tuân thủ các Quy chế hoạt động, Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp lý khác. VP HĐQT cũng là bộ phận triển khai một số dự án nghiên cứu khả thi theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT.

Hàng năm, VP HĐQT chịu trách nhiệm chính và phối hợp tổ chức các sự kiện lớn như Đại hội đồng cổ đông thường niên (hoặc bất thường nếu có), Hội nghị Chiến lược toàn FPT.

viên thay đổi Điều lệ hoạt động; Chấn chỉnh Hệ thống kiểm soát tài chính trong FPT...

Các hoạt động kiểm soát, đề nghị công khai lợi ích liên quan, sửa đổi điều lệ, quy định... Ủy Ban Kiểm soát nội bộ đã thực hiện truyền đạt thông tin, phổ biến về các quy định của FPT đến các công ty thành viên, phòng ban chức năng hay các cá nhân; đảm bảo các quy định trong Hệ thống quản trị của FPT được các công ty thành viên tuân thủ đúng; sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định trong Hệ thống quản trị FPT phù hợp hơn với thực tế.

Hội đồng Chiến lược (HĐCL)

Cùng với sự thay đổi vị trí Chủ tịch một số công ty thành viên, HĐCL cũng có sự thay đổi thành viên tương ứng. Danh sách HĐCL bao gồm các thành viên Ủy ban Thường trực và Chủ tịch các công ty thành viên:

1. Trương Gia Bình
2. Lê Quang Tiến
3. Bùi Quang Ngọc
4. Nguyễn Thành Nam
5. Đỗ Cao Bảo
6. Hoàng Nam Tiến

7. Nguyễn Điệp Tùng

8. Trương Đình Anh

9. Lê Trường Tùng

10. Trần Quốc Hoà

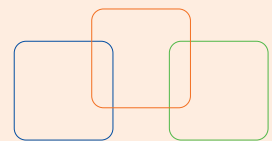
HĐCL họp định kỳ và là cơ quan thông qua Chiến lược FPT và các công ty thành viên, làm nền tảng cho việc xây dựng kế hoạch hàng năm trong toàn FPT. HĐCL đã thảo luận, nhất trí và thông qua các phiên bản điều chỉnh của Chiến lược OneFPT trong năm 2011, bao gồm cả Quy chế tổ chức hoạt động OneFPT và phân công nhiệm vụ triển khai OneFPT trong toàn FPT.

Hội đồng Chiến lược và Phòng Chiến lược (CSO) đóng vai trò Tư vấn chiến lược cho các dự án nghiên cứu phát triển, cũng như giám sát thực thi, đảm bảo chiến lược OneFPT thành công với chất lượng cao nhất.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Năm tài chính 2011, tổng doanh thu FPT đạt 25.978 tỷ đồng, tăng 27% so cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 2.502 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ.



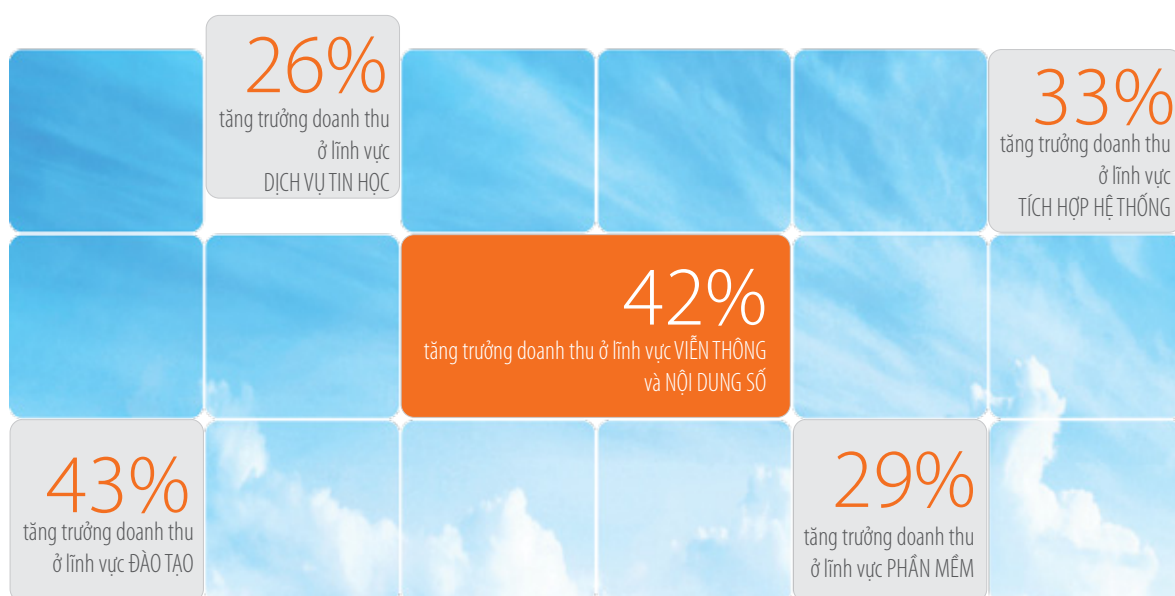
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

1. TÓM TẮT KẾT QUẢ KINH DOANH 2011

“Năm 2011 được kỳ vọng là một năm phục hồi của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, song thực tế đã hoàn toàn đi ngược lại với các dự đoán. Sự phục hồi tăng trưởng kinh tế tại Mỹ vẫn còn yếu ớt, chính phủ Mỹ vẫn chưa có được những hành động tích cực để thoát ra khỏi khủng hoảng. Khu vực đồng EURO liên tiếp có những tín hiệu không khả quan, cuộc khủng hoảng nợ đã lan rộng sang các nước Tây Ban Nha, Italia, Hà Lan. Các nước tại khu vực Châu Á như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản . . . tình hình có ổn định hơn nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế đều bị ảnh hưởng.”

Kinh tế Việt Nam năm 2011 là tiếp nối và tích hợp những khó khăn của những năm trước. Chính phủ liên tiếp điều chỉnh tỷ giá, tăng giá xăng, dầu, điện... hệ lụy là lạm phát tăng cao đột biến và đạt mức 18,58% vào cuối năm, gấp 2,7 lần so với kế hoạch ban đầu để ra (7%). Tăng trưởng GDP năm 2011 không đạt kỳ vọng khi chỉ đạt 5,89%, giảm 10% so với cùng

kỳ. Bên cạnh đó, tuy đã được cảnh báo trước về hậu quả của việc tăng trưởng tín dụng cao trong những năm gần đây nhưng việc bùng nổ nợ khó đòi ngân hàng, đổ vỡ tín dụng đen, đại hạ giá trên thị trường bất động sản và chứng khoán vào nửa cuối năm 2011 đã gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến nền kinh tế và các doanh nghiệp.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN FPT (tiếp theo)

Trong muôn vàn khó khăn đó, FPT đã cố gắng hoàn thành kế hoạch kinh doanh và đạt được tốc độ tăng trưởng khả quan cả doanh thu và lợi nhuận. Năm tài chính 2011, tổng doanh thu FPT đạt 25.978 tỷ đồng, tăng 27% so cùng kỳ và đạt 97% kế hoạch 2011. Lợi nhuận trước thuế đạt 2.502 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ và đạt 95 % kế hoạch 2011. EPS đạt 7.861 VND, tăng 19% so với cùng kỳ. Năm 2011 là năm đầu tiên FPT triển khai chiến lược OneFPT trong đó tập trung hơn nữa đẩy mạnh hoạt động của các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và đã mang lại kết quả tốt. Doanh thu và lợi nhuận các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi trong ngành CNTT và viễn thông chiếm trên 95% tổng doanh thu và lợi nhuận, đạt mức tăng trưởng lần lượt là 27% và 30%...

Doanh thu toàn FPT đạt mức tăng trưởng 27% nhờ vào việc hoàn thành tốt kế hoạch đề ra và tăng trưởng tốt của các lĩnh vực như viễn thông và nội dung số (tăng trưởng 42%), tích hợp hệ thống (tăng 33%), phần mềm (tăng 29%) và đào tạo (tăng 43%).

Lãi gộp toàn FPT đạt mức tăng trưởng 24,3%, tăng từ 3.988 tỷ đồng năm 2010 lên 4.958 tỷ đồng năm 2011. Tỷ lệ lãi gộp trên doanh thu của FPT giảm nhẹ từ 19,4% xuống còn 19,1% tuy nhiên tỷ lệ lãi gộp các lĩnh vực kinh doanh truyền thống của FPT gần như không thay đổi. Nguyên nhân chính dẫn tới việc suy giảm của tỷ lệ lãi gộp chung là do năm 2011 FPT triển khai một số hoạt động kinh doanh mới có tỷ lệ lãi gộp thấp như kinh doanh thẻ Gate...

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của FPT tăng từ 1.877 tỷ đồng năm 2010 lên mức 2.420 tỷ đồng năm 2011, đạt mức tăng trưởng 29,0%. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của FPT tăng cao hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu nhờ việc FPT đã thực hiện quản lý tốt các chi phí kinh doanh. Năm 2011, mặc dù lãi suất vay trên thị trường ngân hàng tăng cao nhưng do triển khai tốt việc quản lý tập trung dòng tiền nên tổng chi phí tài chính chỉ tăng 24%, trong đó đặc biệt chi phí lãi vay chỉ tăng 4,8%. Đối với chi phí bán hàng và chi phí quản lý, nhờ việc tái cấu trúc hoạt động, tăng cường hợp lực (synergy) giữa các đơn vị ... nên trong năm 2011, FPT đã quản lý khá tốt các chi phí này, nâng cao năng suất lao động. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý tăng lần lượt là 22,7% và 17,0% so với năm 2010.

Lợi nhuận trước thuế FPT đạt mức tăng trưởng 23,6%, tăng từ 2.023 tỷ đồng năm 2010 lên mức 2.502 tỷ đồng năm 2011. Mức tăng trưởng lợi nhuận thấp hơn mức tăng trưởng doanh thu là do kết quả kinh doanh không tốt của nhóm các công ty liên kết trong lĩnh vực tài chính mà FPT có đầu tư góp vốn trong bối cảnh thị trường tài chính tiền tệ gặp rất nhiều khó khăn.

Lợi nhuận sau thuế FPT năm 2011 đạt gần 2.080 tỷ đồng, tăng trưởng 22,9%. Thu nhập bình quân trên 01 cổ phần đạt mức 7.861 đồng, tăng trưởng 19,4% so với năm 2010.

Bên cạnh đó, các chỉ số quan trọng về năng suất lao động đã được FPT quản lý tốt như Doanh thu/người bình quân tăng 19%, LNTT/ người bình quân tăng 16% so với cùng kỳ.

Năm 2011, FPT đã thực hiện nộp ngân sách nhà nước trên 4.250 tỷ đồng.



2.079

TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2011

Kết quả kinh doanh năm 2011

Đơn vị: tỷ VND

CHỈ TIÊU	2009	2010	2011	TĂNG TRƯỞNG
Tổng doanh thu toàn FPT	18.741,7	20.516,6	25.978,4	26,6%
Lãi trước thuế	1.697,5	2.023,2	2.501,5	23,6%
Lãi sau thuế	1.405,9	1.691,8	2.079,1	22,9%
Lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ	1.063,3	1.264,5	1.681,8	33,0%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	5.607,0	6.584,0	7.860,5	19,4%
- Tỷ suất lợi nhuận gộp	19,7%	19,4%	19,1%	
- Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8,5%	9,1%	9,3%	

Về tình hình quản lý tài chính, năm 2011 FPT đã triển khai khá tốt các hoạt động nhằm cải thiện hơn nữa tình hình tài chính. Hệ số thanh toán giảm so với năm 2010 do theo chuẩn mực kế toán FPT đã điều chỉnh khoản Trái phiếu từ khoản mục vay dài hạn sang khoản mục vay nợ ngắn hạn.

Đặc biệt, năm 2011, FPT đã thành công trong việc đẩy mạnh hoạt động quản trị dòng tiền khi dòng tiền từ hoạt động kinh doanh tăng mạnh và lượng tiền mặt cuối năm có mức tăng trưởng gấp 2 lần so với cùng kỳ. Sự tăng trưởng của dòng tiền nhờ FPT đã thu hồi được khoản nợ và thu gọn các hoạt động đầu tư.

KHOẢN MỤC	NĂM 2009	NĂM 2010	NĂM 2011
Hệ số thanh toán hiện thời (lần)	1,6	1,6	1,3
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,3	1,2	1,0
Tiền và tương đương tiền (tỷ VND)	2.310,5	1.436,1	2.902,4
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh (tỷ VND)	523,3	485,5	1.846,6

FPT tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu với 5 giải thưởng Công nghệ Thông tin Việt Nam (VICTA) do Bộ Thông tin truyền thông trao tặng cho các công ty thành viên là Công ty Phần mềm FPT, Công ty Hệ thống Thông tin FPT, Công ty Thương mại FPT và Công ty Giáo dục FPT. Tháng 11/2011, một lần nữa FPT được vinh danh vị trí thứ 2 trong TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR 500).

Năm 2011 là năm quan trọng trong chiến lược One-FPT. Trong tháng 10, FPT đã thực hiện việc phát hành và hoán đổi cổ phiếu để tái cấu trúc FPT. Hiện tại FPT đã sở hữu 100% bốn công ty thành viên lớn nhất là Công ty Thương mại FPT, Công ty Phần mềm FPT, Công ty Giáo dục FPT, và Công ty Hệ thống Thông tin FPT. Các nhà đầu tư và thị trường chứng khoán đã có phản ứng tích cực trước những chiến lược quan trọng của FPT khi thời gian qua cổ phiếu FPT thu hút sự quan tâm đặc biệt của nhà đầu tư nước ngoài.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN FPT (tiếp theo)

2. KẾT QUẢ KINH DOANH THEO LĨNH VỰC

Công nghệ thông tin, viễn thông và kinh doanh các sản phẩm công nghệ thông tin là mảng kinh doanh chủ đạo của FPT.

Đơn vị: tỷ VND

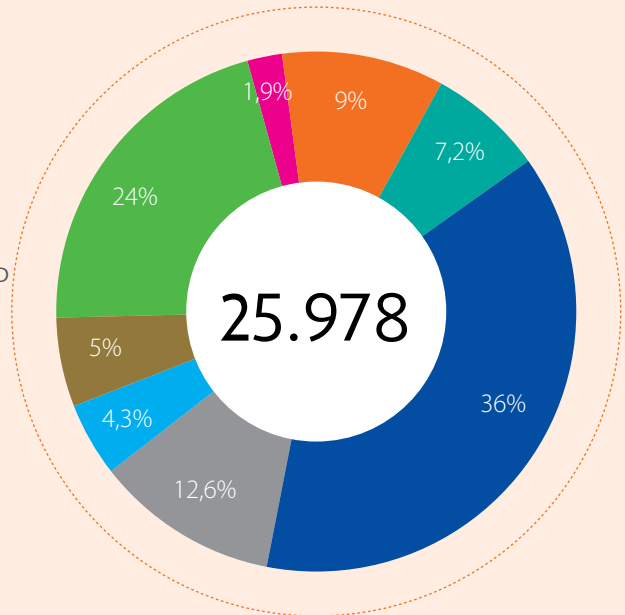
CÔNG TY	DOANH THU*	TĂNG TRƯỞNG	LỢI NHUẬN TT	TĂNG TRƯỞNG
Viễn thông	2.357	20%	550	23%
Nội dung số	1.132	129%	250	65%
Phát triển Phần mềm	1.881	29%	498	30%
Tích hợp Hệ thống	3.297	33%	396	34%
Dịch vụ Tin học	522	26%	58	-15%
Giáo dục	398	43%	134	32%
Sản xuất và phân phối sản phẩm công nghệ	16.309	22%	521	26%
	25.895	27%	2.407	30%

* Doanh thu bao gồm doanh thu bán cho khách hàng bên ngoài và doanh thu bán cho các đơn vị trong FPT với mục đích kinh doanh (ví dụ: FPT Telecom bán dịch vụ Internet cho các đơn vị trong FPT).



DOANH THU THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

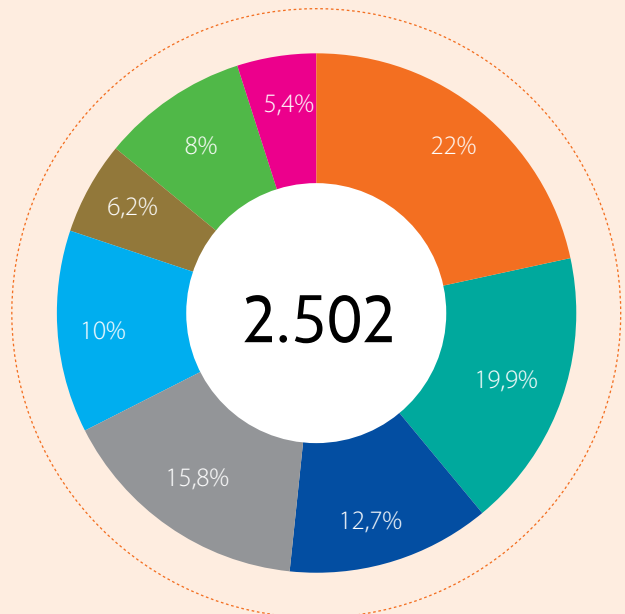
- VIỄN THÔNG 2.357 tỷ VND
- PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM 1.881 tỷ VND
- PHÂN PHỐI VÀ SẢN XUẤT ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG 9.369 tỷ VND
- TÍCH HỢP HỆ THỐNG 3.297 tỷ VND
- NỘI DUNG SỐ 1.132 tỷ VND
- KHÁC 1.283 tỷ VND
- PHÂN PHỐI VÀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CNTT 6.262 tỷ VND
- GIÁO DỤC 398 tỷ VND



Về doanh thu theo các lĩnh vực hoạt động, mảng kinh doanh phân phối các sản phẩm điện thoại di động và phân phối các sản phẩm CNTT vẫn chiếm tỷ trọng lớn với tỷ trọng lần lượt là 36% và 24%. Tuy nhiên, tỷ trọng doanh thu của các lĩnh vực kinh doanh như viễn thông, nội dung số, phần mềm, dịch vụ tin học và đào tạo ngày càng tăng qua các năm. Năm 2011, tỷ trọng doanh thu của các lĩnh vực này tăng lên mức 37% so với mức 34,5% trong năm 2010. Con số này thể hiện được chiến lược của FPT trong việc đẩy mạnh tăng trưởng trong các lĩnh vực quan trọng này.

LỢI NHUẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

- VIỄN THÔNG 550 tỷ VND
- PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM 498 tỷ VND
- PHÂN PHỐI VÀ SẢN XUẤT ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG 318 tỷ VND
- TÍCH HỢP HỆ THỐNG 396 tỷ VND
- NỘI DUNG SỐ 250 tỷ VND
- KHÁC 155 tỷ VND
- PHÂN PHỐI VÀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CNTT 200 tỷ VND
- GIÁO DỤC 134 tỷ VND

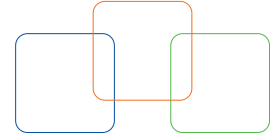


Về lợi nhuận, viễn thông, phát triển phần mềm và tích hợp là các lĩnh vực kinh doanh có tỷ trọng lợi nhuận đóng góp lớn nhất vào lợi nhuận toàn FPT với tỷ trọng lần lượt là 22%, 19,9% và 15,8%. Tăng trưởng lớn nhất về lợi nhuận trong năm qua là mảng kinh doanh nội dung số với tỷ trọng lợi nhuận tăng từ 7,5% trong năm 2010 lên 10% trong năm 2011.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN FPT (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh viễn thông hoàn thành chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận nhờ tăng trưởng 47% từ mảng Leased Line và phát triển vững chắc của mảng Broadband.

A. LĨNH VỰC KINH DOANH VIỄN THÔNG



Lĩnh vực kinh doanh viễn thông kết thúc năm 2011 với doanh thu đạt 2.357 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch đề ra và đạt mức tăng trưởng 20% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận của lĩnh vực này đạt trên 550 tỷ đồng, tăng trưởng 23% so với cùng kỳ và đạt 100% kế hoạch đề ra.

Trong lĩnh vực kinh doanh viễn thông, mảng kinh doanh Broadband vẫn chiếm vai trò chủ đạo. Năm 2011 là năm khá khó khăn của lĩnh vực kinh doanh Broadband khi gặp phải sự cạnh tranh quyết liệt của dịch vụ Internet không dây từ các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông di động. Tuy nhiên, với việc linh hoạt áp dụng các chính sách kinh doanh mới, nâng cao chất lượng dịch vụ và thị trường định hình rõ hơn các nhóm đối tượng khách hàng nên những tháng cuối năm, FPT đã đẩy nhanh được tốc độ phát triển thuê bao. Cùng với việc phát triển vững chắc hoạt động kinh doanh tại 36 tỉnh thành, kết thúc năm 2011, doanh thu từ mảng kinh doanh Broadband đạt mức tăng trưởng 12% so với cùng kỳ.

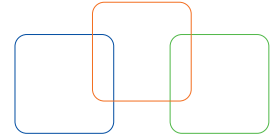
Năm 2011 là năm kinh doanh ấn tượng của mảng Leased line với mức tăng trưởng doanh thu 47% so với cùng kỳ. Sự tăng trưởng vượt bậc này nhờ chiến lược cải thiện chất lượng dịch vụ, tăng dung lượng kết nối nên các dịch vụ như cho thuê kênh, dịch vụ Data center, hosting... của FPT đều có mức tăng trưởng khả quan.

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	2010	2011	Tăng trưởng
Doanh thu	1.966	2.357	20%
Lợi nhuận trước thuế	446	550	23%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	22,7%	23,3%	



Tăng trưởng doanh thu ấn tượng gần 130% trong lĩnh vực kinh doanh nội dung số



B. LĨNH VỰC KINH DOANH NỘI DUNG SỐ

Lĩnh vực kinh doanh Nội dung số có một năm thành công khi đạt mức tăng trưởng doanh thu ấn tượng 129%, đạt mức 1.132 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế của lĩnh vực này đạt mức 250 tỷ đồng, tăng trưởng 65% so với cùng kỳ năm trước.

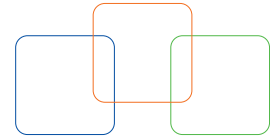
Chỉ tiêu	Đơn vị: tỷ VND		
	2010	2011	Tăng trưởng
Doanh thu	493	1.132	129%
Lợi nhuận trước thuế	151	250	65%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	30,7%	22,1%	

Kết quả kinh doanh ấn tượng của lĩnh vực nội dung số nhờ vào sự tăng trưởng tốt của các mảng kinh doanh truyền thống là Game online và dịch vụ quảng cáo trực tuyến. Bên cạnh đó, sự tăng trưởng lớn này còn đến từ kết quả của mảng kinh doanh mới là hoạt động thanh toán online và kinh doanh thẻ. Tuy nhiên, do doanh số của mảng này tăng mạnh trong khi tỷ lệ lãi gộp thấp đã làm giảm tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu chung của lĩnh vực nội dung số.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN FPT (tiếp theo)

Các thị trường quốc tế tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng tốt, dự báo khả quan từ thị trường chính - Nhật Bản trong năm 2012.



C. LĨNH VỰC KINH DOANH PHẦN MỀM

Trong lĩnh vực phần mềm, doanh thu của FPT đạt mức 1.881 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 498 tỷ đồng, tăng trưởng gần 30% so với năm 2010 và hoàn thành kế hoạch đề ra.

Mảng kinh doanh phần mềm xuất khẩu của FPT chịu ảnh hưởng từ biến động thị trường nhưng đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh với mức tăng trưởng 30%. Kết quả kinh doanh trên các thị trường có kết quả khá tốt:

Thị trường Nhật Bản: có sự hồi phục mạnh mẽ, tăng trưởng 35% bất chấp kinh tế Nhật Bản vẫn đang trong giai đoạn khủng hoảng. Doanh thu từ thị trường Nhật Bản chiếm tới 52% tổng doanh thu của FPT Software và được kỳ vọng tiếp tục có mức tăng trưởng khả quan trong năm 2012.

Thị trường Mỹ: đạt mức tăng trưởng 31%, so với cùng kỳ năm 2010. Năm 2011, FPT Software đã có những bước tiến đáng kể khi chinh phục được thị trường khó tính này với việc ký kết được hợp đồng lớn giá trị nhiều triệu USD với công ty FREESCALE MSG - công ty hàng đầu về sản xuất chip và phát triển phần mềm trong lĩnh vực phần mềm nhúng.

Thị trường Châu Á - Thái Bình Dương: đạt mức tăng trưởng 41% so với năm 2010. Năm 2011, FPT Software đã ký kết được nhiều hợp đồng cung cấp phần mềm với các công ty trong nước như hợp đồng với Unilever

Thị trường Châu Âu: với mục tiêu tăng trưởng doanh thu tại thị trường Châu Âu, trong tháng 9/2011, Công ty TNHH phần mềm toàn cầu FPT (F2W, thuộc FPT Software) đã thành lập Trung tâm Phần mềm 18 (SU18) chuyên phát triển thị trường Đức. Việc mở văn phòng tại Đức đã thể hiện quyết tâm mở rộng thị phần của FPT Software tại thị trường khó tính này. Kết thúc năm tài chính 2011, doanh thu tại thị trường Châu Âu có mức tăng trưởng 24%.

Ngoài kết quả kinh doanh trên, lĩnh vực xuất khẩu phần mềm FPT tiếp tục khẳng định vị thế ngành tại Việt Nam khi giành được lần thứ 3 liên tiếp giải thưởng VICTA cho danh hiệu "Doanh nghiệp phần mềm có sản phẩm và dịch vụ xuất khẩu tốt nhất". Bên cạnh đó, FPT Software còn được công ty HITACHI Solution (HiSOL) trao giải thưởng "Cống hiến cho sự nghiệp của HiSOL" trong năm 2010. Đây là giải thưởng danh giá chỉ được trao cho 4 đối tác của HiSOL, FPT Software là đối tác duy nhất ở Việt Nam được trao tặng.

Trong tháng 1/2011 FPT đã làm Lễ khánh thành Trung tâm nghiên cứu và sản xuất phần mềm tập trung F-Town tại Khu Công nghệ cao Q9, TP HCM. Với việc xây dựng Trung tâm này, FPT tiếp tục thể hiện quyết tâm mang đến cho khách hàng những dịch vụ phần mềm tốt nhất, đảm bảo các yêu cầu cao nhất về bảo mật thông tin, đồng thời thu hút được nguồn nhân lực tốt, dồi dào cho sự phát triển của công ty và của khách hàng trong tương lai.

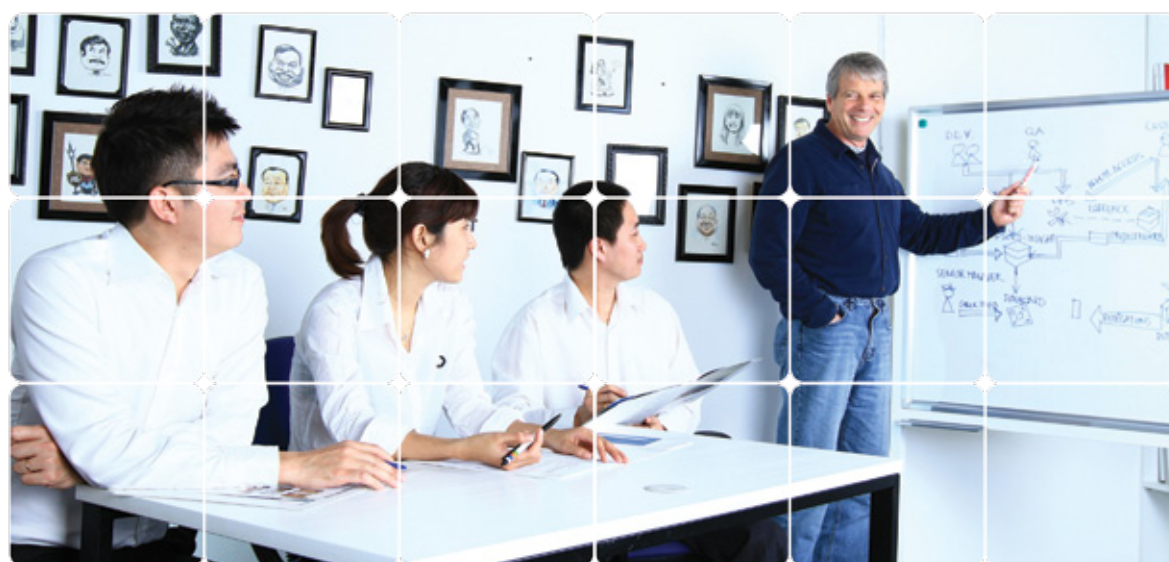
Đối với mảng phát triển phần mềm trong nước, FPT tiếp tục khẳng định vị thế trong hoạt động kinh doanh phần mềm với những hợp đồng lớn như Dự án xây dựng Hệ cơ sở dữ liệu quản lý giấy phép lái xe thống nhất toàn quốc, góp phần hiện đại hóa công tác quản lý của ngành Giao thông vận tải. Các phần mềm đóng gói của FPT IS như phần mềm chính quyền điện tử (FPT.eGOV), phần mềm quản lý tổng thể nguồn nhân lực (FPT.iHRP) được triển khai tại nhiều địa phương, nhiều doanh nghiệp trên cả nước. Phần mềm lõi viễn thông FPT.BCCS cũng được triển khai cho Telecom Cambodia với giá trị hơn 1 triệu đô la Mỹ.

Năm 2011, nhiều sản phẩm phần mềm mới của FPT được đánh giá cao như phần mềm thông quan điện tử (FPT.TQDT), được đưa ra thị trường từ tháng 11/2010 và đến hết 6 tháng đầu năm 2011 đã có khoảng 4.000 doanh nghiệp sử dụng thường xuyên trong công tác khai báo hải quan điện tử. Một sản phẩm nữa được đánh giá cao là phần mềm hỗ trợ công tác bầu cử tại Tp. Hồ Chí Minh, được sử dụng trong công tác bầu cử Quốc hội khóa XIII và HĐND nhiệm kỳ 2011 - 2016

Trong lĩnh vực ERP, FPT tiếp tục khẳng định vị thế số 1 với những hợp đồng ấn tượng như hợp đồng triển khai "hệ thống quản lý và phát hành kho quỹ theo hướng tập trung" cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Các thương hiệu lớn đã tiếp tục tin tưởng lựa chọn FPT IS làm đối tác triển khai ERP như BigC, tập đoàn Trung Nguyên, Trần Anh, Licogi 16... Đặc biệt, FPT IS đã có được hợp đồng ERP trị giá 1,72 triệu USD phát triển ứng dụng SAP cho đối tác Nhật Bản.

Đơn vị: tỷ VND

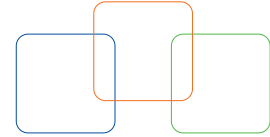
Chỉ tiêu	2010	2011	Tăng trưởng
Doanh thu	1.454	1.881	29%
Lợi nhuận trước thuế	383	498	30%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	26,3%	26,5%	



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN FPT (tiếp theo)

Những hợp đồng thầu lớn trong năm 2011 giúp lĩnh vực kinh doanh tích hợp hệ thống hoàn thành chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận.

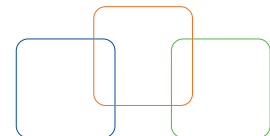
D. LĨNH VỰC KINH DOANH TÍCH HỢP HỆ THỐNG



Lĩnh vực tích hợp hệ thống của FPT kết thúc năm 2011 với mức doanh thu đạt 3.297 tỷ đồng, tăng 33% so với năm 2010. Lợi nhuận trước thuế đạt 396 tỷ đồng, tăng trưởng 34% và hoàn thành tốt kế hoạch đề ra. Thành tựu có được là do những hợp đồng giá trị lớn như: Tổng thầu triển khai hạ tầng cho ứng dụng quản lý thuế thu nhập cá nhân trị giá gần 260 tỷ đồng, Dự án cung cấp thiết bị và dịch vụ viễn thông cho GTel Mobile, Dự án chuyển đổi phần mềm ngân hàng lõi cho ngân hàng Lào Việt. . . Ngoài ra, FPT cũng duy trì doanh thu tích hợp hệ thống ổn định từ khối ngân hàng tài chính, khối viễn thông, khối tài chính công và doanh nghiệp.

<i>Đơn vị: tỷ VND</i>			
Chỉ tiêu	2010	2011	Tăng trưởng
Doanh thu	2.477	3.297	33%
Lợi nhuận trước thuế	296	396	34%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	11,9 %	12,0%	

FPT tiếp tục khẳng định vị thế và uy tín của Đại học FPT và các hệ đào tạo.



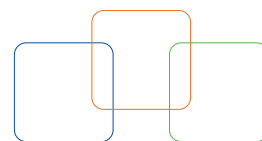
E. LĨNH VỰC KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO

Lĩnh vực kinh doanh đào tạo tiếp tục có mức tăng trưởng cao nhất trong FPT với doanh thu đạt 398 tỷ đồng, tăng 43% so với năm 2010. Trong kỳ tuyển sinh 2011, Đại học FPT tiếp tục thu hút 8.000 thí sinh tham dự. Cho đến nay, Trường Đại học FPT đã có tổng cộng 12.000 sinh viên, trong đó có khoảng 6.000 sinh viên thuộc hệ đại học và 6.000 học viên thuộc các hệ đào tạo khác.

Năm 2011, Đại học FPT đạt giải thưởng Sao Khuê 2011 dành cho Dịch vụ đào tạo CNTT hệ chính quy và phi chính quy, giải thưởng VICTA 2011 cho Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo nhân lực CNTT-TT xuất sắc nhất, TOP 5 các trường đại học uy tín tại Việt Nam đào tạo về CNTT (nguồn: ddth.com; vn-zoom.com)

Trong năm 2011, FPT đã thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng cho Đại học FPT với quy mô lớn tại Khu Công nghệ Cao Hòa Lạc (9,1 ha) và Đà Nẵng. Việc này thể hiện quyết tâm của FPT tiếp tục đưa lĩnh vực đào tạo đạt mức tăng trưởng cao trong tương lai.

Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ tin học ghi nhận doanh thu vượt bậc từ những dự án tư vấn và doanh thu toàn cầu hóa.



F. LĨNH VỰC KINH DOANH DỊCH VỤ TIN HỌC

Bên cạnh doanh thu ổn định từ mảng bảo hành, bảo trì các hệ thống CNTT, năm 2011, FPT mở rộng thêm nhiều dịch vụ mới. Dịch vụ tư vấn, điển hình là dự án tư vấn Bộ Thông tin Truyền thông xây dựng hệ thống email cho Chính phủ với giá trị kỷ lục 316.000 USD từ nguồn vốn World Bank. Dịch vụ chữ ký số FPT-CA đạt 50.000 khách hàng, vươn lên dẫn đầu thị trường. FPT cũng đẩy mạnh nghiên cứu dịch vụ điện toán đám mây và vừa qua đã chính thức nhận giấy phép cung cấp dịch vụ kê khai thuế điện tử vào tháng 11/2011.



Năm 2011, với nỗ lực không ngừng đưa dịch vụ CNTT của Việt Nam ra thị trường quốc tế, mảng doanh thu Toàn cầu hóa tăng trưởng vượt bậc hơn 80%. Các dịch vụ chính mà FPT IS cung cấp sang các nước Nhật Bản, Mỹ, Úc, Singapore, Lào, Campuchia, Mozambique, Haiti,... gồm có: dịch vụ IT Outsourcing (quản trị hệ thống, quản trị trung tâm dữ liệu, tư vấn thiết kế triển khai hệ thống,...), dịch vụ gia công quy trình doanh nghiệp BPO, các dịch vụ trên nền SAP và Microsoft...

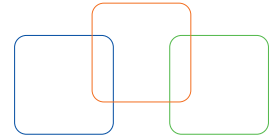
Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	2010	2011	Tăng trưởng
Doanh thu	414	522	26%
Lợi nhuận trước thuế	68	58	-15%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	16,4%	11,0%	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN FPT (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh Phân phối và sản xuất sản phẩm công nghệ duy trì được đà tăng trưởng 22% doanh thu và 26% lợi nhuận dù sức mua của thị trường có nhiều biến động.

G. LĨNH VỰC KINH DOANH PHÂN PHỐI VÀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ



Lĩnh vực kinh doanh phân phối của FPT đạt mức doanh thu 16.309 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2010. Lợi nhuận trước thuế đạt 521 tỷ đồng, tăng trưởng 26%.

Năm 2011 chúng kiến khá nhiều các biến động vĩ mô lớn có tác động tiêu cực đến hệ thống doanh nghiệp. Thị trường chung với sức mua giảm do CPI tăng cao, tỷ giá điều chỉnh tăng mạnh, chính sách thắt chặt tài khóa và tiền tệ của nhà nước. Thị trường CNTT tăng nhẹ, thị trường điện thoại giảm nhẹ so với 2010. Tuy vậy, lĩnh vực kinh doanh phân phối và sản xuất sản phẩm công nghệ vẫn duy trì được đà tăng trưởng tốt, tăng thị phần.

Doanh thu theo các dòng sản phẩm

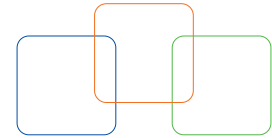
- **Doanh thu sản phẩm CNTT:** tăng trưởng 19% so với cùng kỳ, tiếp tục khẳng định vị trí số 1 trong lĩnh vực phân phối sản phẩm CNTT, mở rộng thêm các dòng sản phẩm mới.
- **Doanh thu phân phối điện thoại:** tăng trưởng ấn tượng với 26% so với cùng kỳ trong bối cảnh thị trường chung giảm nhẹ. Thị phần điện thoại Nokia tại Việt Nam tiếp tục là một điểm sáng mới trong bức tranh chung của Nokia toàn cầu.
- **Doanh thu sản xuất Điện thoại FPT:** mặc dù gặp nhiều khó khăn do thị trường chung, song điện thoại FPT vẫn giữ được thị phần so với cùng kỳ và tiếp tục khẳng định hướng đi của mình tập trung vào các phân giá trị cộng thêm như F-store và các sản phẩm điện thoại thông minh, máy tính bảng giá hợp lý.

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	2010	2011	Tăng trưởng
Doanh thu	13.353	16.309	22%
Lợi nhuận trước thuế	412	521	26%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	3,08%	3,19%	



FPT tự hào là công ty tập trung đông đảo các cán bộ tin học nhất Việt Nam. Đó là tài sản quý báu nhất và là nền tảng tạo ra mọi thành công của FPT.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÂN SỰ *

Sự tăng trưởng của FPT là thành quả của tập thể cán bộ công nhân viên FPT. Tính đến hết ngày 31/12/2011, tổng số cán bộ công nhân viên (CBNV) của FPT là 11.209 người.

FPT nỗ lực làm chủ công nghệ trên mọi lĩnh vực hoạt động và đã đạt được hàng nghìn chứng chỉ công nghệ quốc tế quan trọng của các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới. Đây là nền tảng vững chắc, giúp FPT không ngừng tạo nên những giá trị gia tăng hiệu quả cho khách hàng và người tiêu dùng.

Năm 2011, theo khảo sát của Massosurvey, FPT lọt vào Top 5 công ty hấp dẫn người lao động nhất tại Việt Nam.

Quần số qua các năm

Stt	Năm	Quần số (người)
1	2009	7.839
2	2010	10.618
3	2011	11.209

Cơ cấu quần số theo độ tuổi

Độ tuổi	%
Dưới 25	27,06
Từ 25 đến dưới 30	51,52
Từ 30 đến dưới 40	18,88
Trên 40	2,54

Cơ cấu quần số theo giới tính

Giới tính	%
Nam	61,96%
Nữ	38,04%

Cơ cấu quần số theo trình độ

Trình độ	%
Trên Đại học	3,33
Đại học	66,07
Dưới đại học	30,06



(*) Tất cả số liệu về nhân sự không bao gồm các công ty liên kết.

11.209

NGƯỜI
TỔNG SỐ LAO ĐỘNG NĂM 2011

Cơ cấu quân số theo chức năng công việc

Chức năng công việc	Quân số			Tỷ lệ		
	2009	2010	2011	2009	2010	2011
Quản lý	299	418	326	3%	4%	3%
Kỹ sư công nghệ	4.247	4.589	4.515	46%	41%	38%
Cán bộ kinh doanh	2.679	2.450	2.999	29%	22%	25%
Cán bộ hỗ trợ	1.918	3.702	3.992	21%	33%	34%

CÁC THAY ĐỔI QUAN TRỌNG VỀ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ NĂM 2011

1. THAY ĐỔI VỀ TỔ CHỨC

Năm 2011, Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT, Công ty Cổ phần Phần mềm FPT, Công ty Cổ phần Thương mại FPT được chuyển đổi thành các Công ty TNHH Một thành viên do FPT sở hữu 100% vốn.

Ngày 1/11/2011, FPT đã thành lập Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ FPT, hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển và cung cấp giải pháp công nghệ tổng thể về dịch vụ công.

2. THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ

Năm 2011, FPT tiếp tục có những thay đổi về nhân sự cấp cao theo định hướng bổ sung đội ngũ lãnh đạo trẻ (FPT gọi là thế hệ Lãnh đạo thứ 2), hạn chế cán bộ kiêm nhiệm nhiều vị trí. Một số thay đổi vị trí quan trọng như sau:

Tháng 3/2011, ông Trương Đình Anh được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc FPT

Tháng 3/2011, bà Chu Thị Thanh Hà được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc FPT

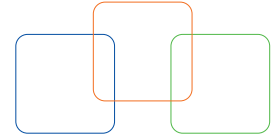
Tháng 02/2011, ông Hoàng Hữu Chiến được bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng FPT

Tháng 01/2012, ông Nguyễn Văn Khoa được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty FPT Telecom, thay thế cho bà Chu Thị Thanh Hà.

Tháng 01/2012, ông Hoàng Nam Tiến được bổ nhiệm giữ chức Chủ tịch FPT Software, thay thế cho ông Nguyễn Thành Nam. Ông Nguyễn Thành Lâm được bổ nhiệm giữ chức Tổng Giám đốc FPT Software, thay thế cho bà Bùi Thị Hồng Liên.

Bên cạnh đó, một loạt các cán bộ cấp trung: Giám đốc các Trung tâm, Trưởng các Phòng Ban,... được bổ nhiệm mới với đội ngũ cán bộ trẻ, đầy nhiệt huyết.

FPT xác định, con người là yếu tố cốt lõi của sự phát triển, là nguyên khí của Tổ chức.



CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ

Chính vì vậy, FPT rất chú trọng đến chính sách đãi ngộ và thăng tiến, quan tâm đến đời sống của CBNV, với phương châm tạo cho CBNV có một cuộc sống “đầy đủ về vật chất và phong phú về tinh thần”. Chính sách này được xây dựng căn cứ trên các tiêu chí:

- ▀ Tương xứng với kết quả công việc, giá trị đóng góp cho FPT;
- ▀ Cạnh tranh theo thị trường;
- ▀ Khuyến khích tăng kết quả và chất lượng công việc;
- ▀ Công bằng và minh bạch.

Các nguyên tắc trên được thể hiện như: Hàng năm, dựa vào chỉ số CPI (chỉ số giá tiêu dùng) do nhà nước ban hành, FPT sẽ tính toán để điều chỉnh thang lương cho nhân viên. Bên cạnh đó, FPT cũng mua các báo cáo điều tra thị trường lương của Mercer, Navigos để tham khảo, tính toán điều chỉnh cho chính sách lương của FPT. Mục đích là tạo một mức lương cạnh tranh và theo thị trường, giúp cán bộ nhân viên bù đắp được trượt giá tiêu dùng.

Hệ thống Chính sách Đãi ngộ của FPT hiện nay được xây dựng theo hình thức thu nhập trọn gói, gồm các nhóm sau:

Nhóm lương: Hàng năm, mỗi CBNV được hưởng 13 tháng lương tùy theo từng vị trí công việc. Chính sách lương của FPT đảm bảo trang trải đầy đủ cuộc sống hàng ngày cho CBNV.

Nhóm thưởng: FPT xây dựng chính sách thưởng dựa trên kết quả đánh giá công việc của mỗi CBNV và theo kết quả sản xuất kinh doanh của công ty. Chính sách thưởng của FPT đảm bảo khuyến khích CBNV tăng năng suất và chất lượng công việc, đóng góp hết mình cho sự phát triển của FPT.

Nhóm phụ cấp: FPT xây dựng nhiều loại và mức phụ

cấp khác nhau cho các đối tượng và công việc đặc thù khác nhau.

Nhóm phúc lợi: Như tiền nghỉ mát dành cho CBNV, bảo hiểm sức khỏe cho CBNV FPT và người thân (FPT care); ưu đãi về giá cho người FPT khi sử dụng, mua các sản phẩm, dịch vụ của FPT. Chính sách phúc lợi của FPT đảm bảo và thể hiện sự khác biệt về chính sách đãi ngộ so với các tập đoàn, công ty khác trên thị trường lao động Việt Nam.

Kết quả khảo sát độ gắn kết (Employee Engagement Survey) của CBNV FPT từ năm 2008 đến nay cho thấy, điểm gắn kết của CBNV với FPT năm sau luôn cao hơn năm trước, có được điều đó một phần là do FPT đã chú trọng tới các chính sách quan tâm đến con người, luôn coi con người là Trung tâm của sự phát triển của FPT.

2. CHÍNH SÁCH THĂNG TIẾN

FPT luôn có các chính sách tạo điều kiện về cơ hội, môi trường và chế độ cho các CBNV tiềm năng. Một loạt chính sách phục vụ cho việc thăng tiến của CBNV tiềm năng được ban hành như: Chính sách quy hoạch cán bộ nguồn (cán bộ cốt cán); Chính sách giảm, tiến tới bỏ hẳn sự kiêm nhiệm nhiều vị trí của Cán bộ Lãnh đạo, tạo cơ hội cho các cán bộ lớp dưới; Chính sách luân chuyển cán bộ Lãnh đạo; Chính sách bổ nhiệm, miễn nhiệm công bằng và minh bạch.

Bên cạnh đó, FPT luôn có chính sách để phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN FPT (tiếp theo)

3. CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

FPT khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi CBNV phát triển toàn diện về cả năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm không chỉ thông qua công việc, mà còn qua việc học, tự học và trao đổi kiến thức. Điều này được thể hiện qua việc FPT liên tục tổ chức các chương trình đào tạo thuê ngoài và tự đào tạo. CBNV khi đào tạo được FPT tài trợ một phần hoặc toàn bộ học phí.

Chương trình đào tạo của FPT gồm các chương trình chính như:

Đào tạo tân binh: Mọi nhân viên mới của FPT đều được tham gia khóa học đào tạo định hướng. Khóa học này bao gồm giới thiệu tổng quan về FPT, về Đơn vị, về chế độ chính sách đãi ngộ, hướng dẫn sử dụng các công cụ, phương tiện hỗ trợ công việc; quy trình làm việc theo chuyên môn, nội quy lao động; văn hóa và con người FPT.

Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn: Định kỳ hàng năm, nhân viên được đào tạo nâng cao về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu công việc. Chương trình được xây dựng tương ứng với từng chức danh hoặc một nhóm chức danh công việc.

Đào tạo lực lượng cán bộ kế cận: FPT luôn ưu tiên nguồn lực để cán bộ nòng cốt được đào tạo nhằm trở thành lực lượng quản lý, lãnh đạo kế cận, phục vụ nhu cầu dài hạn của công ty. Ngoài việc đào tạo nội bộ tập trung trong công ty theo chương trình và kế hoạch tuyển sinh của Học viện Lãnh đạo FPT, FPT có thể cử cán bộ đi học bên ngoài/nước ngoài theo yêu cầu riêng của công ty.

Đào tạo cấp quản lý, lãnh đạo: FPT xây dựng các chương trình đào tạo riêng, tập trung phát triển cả về chuyên môn và năng lực quản lý, như: Chương trình Leadership Building - cung cấp các kỹ năng mềm;



chương trình MiniMBA; các khóa đào tạo Coaching Skills for Executive, Financial Strategy Workshop for Executive hoặc các chuyến đi thực tế tại các Tập đoàn nước ngoài....

Cụ thể, trong năm 2011, Học viện Lãnh đạo FPT (FPT Leadership Institute - FLI) đã tổ chức được 11 lớp MiniMBA học năm 1 và 10 lớp MiniMBA học năm 2 trên toàn quốc, đào tạo cho khoảng 600 lãnh đạo. Chương trình Leadership Program: gần 30 Lãnh đạo cấp cao, chương trình Coaching Skill đào tạo cho gần 40 Lãnh đạo - người sẽ chịu trách nhiệm phát triển các chương trình kèm cặp cho các cán bộ tiềm năng sau này.

Đặc biệt, FPT đã xây dựng chương trình đào tạo Lãnh đạo đặc biệt, được thiết kế riêng cho FPT, đó là chương trình MiniMBA, do Học viện Lãnh đạo FPT (FLI) thực hiện, với mục tiêu xây dựng một đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao, có kiến thức toàn diện

về quản trị kinh doanh và những kỹ năng cần thiết của một người lãnh đạo. MiniMBA cung cấp những kiến thức và kỹ năng tổng hợp, cập nhật và cần thiết nhất về quản trị kinh doanh thế giới cũng như đúc kết những tình huống thành công và thất bại của FPT, đem lại những kiến thức thực tiễn cho lãnh đạo FPT. Kết quả học tập tại MiniMBA cũng trở thành một căn cứ để đánh giá năng lực lãnh đạo, tìm kiếm, phát hiện những tiềm năng lãnh đạo, cũng như công tác bổ nhiệm, quy hoạch đội ngũ lãnh đạo của FPT. MiniMBA tương đương với khoảng 35% số tín chỉ của một chương trình MBA quốc tế. CBNV tham gia MiniMBA được Công ty hỗ trợ đến 90% kinh phí đào tạo.



A photograph of a server room with rows of server racks. The racks are dark grey with perforated doors. The floor is light-colored with a grid pattern. The ceiling has recessed lighting. A person in a white shirt and blue pants is standing in the distance, looking at a rack. The text is overlaid on the image.

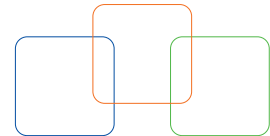
Định hướng chiến lược và kế hoạch 2012

“Nâng tầm công nghệ”



Chạm từ ĐỊNH HƯỚNG ĐÚNG
Chạm đến QUYẾT TÂM CAO

Tiếp thu, làm chủ, sáng tạo công nghệ và tri thức tiên tiến phù hợp nhất, đưa FPT thành tập đoàn toàn cầu hàng đầu của Việt Nam”.



1. KINH TẾ VĨ MÔ

Các dự báo đều thống nhất nhận định kinh tế thế giới năm 2012 sẽ tiếp tục khó khăn, thậm chí tồi tệ hơn rất nhiều so với năm 2011. Hai điểm nhấn quan trọng nhất là sự sụt giảm tốc độ tăng trưởng của kinh tế toàn cầu, nhất là của các trung tâm tăng trưởng (Mỹ, EU, Nhật, Trung Quốc) và sự bất ổn gia tăng, thậm chí nguy cơ suy thoái kép.

Việt Nam ngoài những khó khăn đến từ bên ngoài, bản thân nội tại nền kinh tế vừa trải qua năm 2011 nhiều bất ổn từ hệ thống tài chính, lạm phát và lãi suất cao. Nhiều dự báo các chuyên gia kinh tế đều cho rằng kinh tế Việt nam năm 2012 vẫn còn chứa đựng nhiều bất ổn. Trong bối cảnh khó khăn này, Chính phủ Việt Nam đã đặt ra mục tiêu tổng quát

phát triển kinh tế - xã hội năm 2012, đó là: ưu tiên kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng 6% - 6,5% và chỉ số giá tiêu dùng tăng dưới 10%; chính sách tiền tệ tiếp tục định hướng thắt chặt với mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2012 đặt ở mức thấp 15 -17%.



2. TRIỂN VỌNG NGÀNH

Ngành CNTT và viễn thông Việt Nam đã trở thành ngành kinh tế quan trọng, đóng góp lớn cho tăng trưởng GDP của cả nước. Trong nhiều năm qua, theo thống kê của Bộ Thông tin truyền thông, ngành CNTT có tăng trưởng doanh thu bình quân đạt 20-25%/năm, cao hơn 03 lần so với tốc độ tăng trưởng GDP.

CNTT đang được nhận thức là hạ tầng cơ sở của nền kinh tế hiện đại, là “hạ tầng của hạ tầng”, là động lực mạnh mẽ nhất trong nỗ lực phát triển nhanh, bền vững đất nước, là nội dung cốt yếu của công cuộc hiện đại hóa; phát triển CNTT là con đường ngắn nhất giúp Việt Nam thoát khỏi tụt hậu, tránh được “bẫy thu nhập trung bình”.

Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 16/1/2012, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI nêu rõ “Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào quản lý, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và toàn bộ nền kinh tế. coi thúc đẩy phát triển và ứng dụng CNTT là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong lộ trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong từng ngành, từng lĩnh vực”.

Với quyết tâm phát triển ngành CNTT và viễn thông, năm 2010, Chính phủ đã phê duyệt đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT-TT”. Mục tiêu của đề án là phát triển nguồn nhân lực CNTT đạt tiêu chuẩn quốc tế, xây dựng công nghiệp CNTT, đặc biệt là công nghiệp phần mềm và nội dung số trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần quan trọng vào tăng trưởng GDP và xuất khẩu, thiết lập hạ tầng viễn thông băng rộng trên phạm vi cả nước, ứng dụng hiệu quả CNTT trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội quốc phòng an ninh. Tốc độ tăng trưởng ngành tiếp tục đạt từ 2 đến 3 lần tốc độ tăng trưởng GDP. Triển vọng phát triển của ngành CNTT-VT được cụ thể trên các lĩnh vực dưới đây:

Lĩnh vực Dịch vụ kết nối internet băng thông rộng và dịch vụ gia tăng trên nền internet: mức độ thâm nhập của internet băng thông rộng (penetration rate) ở Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực cũng như trên thế giới, do vậy tiềm năng tăng trưởng trong lĩnh vực này còn rất lớn. Hiện mức độ thâm nhập của dịch vụ internet băng rộng ở Việt Nam chỉ là 4,6%, so với mức 6,1% của Phillipines, 11,9% của Trung Quốc, 26,2% của Malaysia (nguồn: BMI).

Lĩnh vực nội dung số: theo thống kê của BMI, tính đến tháng 10 năm 2011, Việt Nam có trên 30,5 triệu người dùng Internet. Với cơ cấu dân số trẻ như hiện nay, nhu cầu kết nối cho công việc, giải trí... sẽ ngày một gia tăng. Do đó, ngành công nghiệp nội dung

tuy mới hình thành nhưng tốc độ phát triển đều đạt trên 40%/năm (Sách trắng CNTT 2011). Ngành công nghiệp nội dung số hứa hẹn phát triển vượt bậc trong thời gian tới.

Lĩnh vực xuất khẩu phần mềm: Việt nam là đất nước có nhiều tiềm năng xuất khẩu phần mềm. Theo xếp hạng của Tập đoàn A.T.Kearney, Việt Nam được xếp hạng thứ 8 trong số các quốc gia hấp dẫn nhất về gia công phần mềm. Với quy mô còn nhỏ bé hiện nay cộng với sự to lớn của thị trường phần mềm thế giới, lĩnh vực xuất khẩu phần mềm vẫn tiếp tục phát triển cao trong thời gian tới.

Lĩnh vực tích hợp hệ thống, giải pháp phần mềm: Việt nam đang là nước trong quá trình phát triển kinh tế. Trong khi đó, ứng dụng CNTT vào các quá trình quản lý ở cả Cơ quan nhà nước lẫn doanh nghiệp còn chưa cao. Với mục tiêu phát triển ngành CNTT như hạ tầng của hạ tầng, lĩnh vực tích hợp hệ thống, giải pháp công nghệ thông tin sẽ là cơ hội lớn cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực này.

Lĩnh vực đào tạo: Với số lượng học sinh phổ thông tốt nghiệp hàng năm đạt khoảng 1,2 triệu học sinh..., với xu thế xã hội hóa hoạt động giáo dục nên ngành đào tạo đại học và cao đẳng nghề có cơ hội phát triển rất lớn ở Việt nam

Lĩnh vực phân phối và sản xuất các sản phẩm công nghệ: Với lợi thế là thị trường đông dân thứ 13 trên thế giới, cơ cấu dân số trẻ, thu nhập dân cư và đặc biệt là tầng lớp trung lưu ngày càng tăng cùng với đà tăng trưởng ổn định của cả nền kinh tế, lĩnh vực phân phối - bán lẻ máy tính - điện thoại di động - hàng hóa CNTT tiếp tục chứng tỏ là lĩnh vực đầy hứa hẹn.

3. CƠ HỘI CỦA FPT VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC ONEFPT NĂM 2012

Dù năm 2012 được dự báo sẽ tiếp tục là một năm khó khăn của nền kinh tế Việt Nam, nhưng với quyết tâm của Chính phủ trong việc phát triển ngành CNTT và viễn thông, FPT với vai trò là công ty hàng đầu trong lĩnh vực này đang đứng trước cơ hội và thách thức lớn trong sứ mạng đi tiên phong phát triển ngành CNTT quốc gia. Thách thức và cơ hội đó là: FPT cần giữ vững nhịp độ tăng trưởng nhanh gấp 3 lần tăng trưởng GDP quốc gia trên cơ sở nhanh chóng tiếp thu, đưa vào thực tiễn Việt Nam những công nghệ tiên tiến trên thế giới; đồng thời nỗ lực phát triển sản phẩm, dịch vụ CNTT và viễn thông mang tên FPT phục vụ thị trường nội địa ngày càng lớn mạnh và vươn ra thế giới. Năm 2012 sẽ là năm bản lề triển khai các chương trình chiến lược đưa FPT trở thành Tập đoàn công nghệ toàn cầu hàng đầu của Việt Nam.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2012 (tiếp theo)

TẬP TRUNG VÀO CÔNG NGHỆ: "BE SMARTER"

Khẩu hiệu "Be Smarter" ("Hãy thông minh hơn") được hiểu đơn giản là phải tăng trưởng năng suất bằng tri thức và công nghệ. Phải biết tập trung, sử dụng các tập thông tin, dữ liệu đồng bộ để phục vụ cho việc sáng tạo, mô hình hóa và chuyển thành tri thức tiên tiến, tạo ra hiệu quả và chất lượng ngày càng cao hơn.

Khẩu quyết của Chiến lược OneFPT Công Nghệ (2011-2014) "Tiếp thu, làm chủ, sáng tạo công nghệ và tri thức tiên tiến phù hợp nhất, đưa FPT trở thành tập đoàn toàn cầu hàng đầu của Việt Nam" sẽ phải được thể hiện trong tất cả các lĩnh vực kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ của FPT. Chúng ta phải trở thành nhà cung cấp những giải pháp công nghệ và các sản phẩm, dịch vụ theo trình độ công nghệ hiện đại nhất có thể.

Năm 2012, FPT quyết định sẽ đầu tư 5% lợi nhuận vào R&D cho các sản phẩm công nghệ mới.

CẤU TRÚC MÔ HÌNH OneFPT



NĂM 2012 LÀ NĂM CHỦ LỰC CỦA TĂNG TRƯỞNG TRONG CHIẾN LƯỢC ONEFPT

FPT không thể thực hiện thành công Chiến lược OneFPT và mục tiêu tăng trưởng nếu thiếu đầu tư vào phát triển công nghệ trên cả diện rộng và sâu. Các hướng chiến lược ưu tiên hàng đầu cho Công nghệ cấp tập đoàn trong giai đoạn 2011-2014 bao gồm:

Thành lập Công ty Giải pháp Công nghệ (FPT Technical Solutions) tập trung vào xây dựng các dự án lớn, trọng điểm theo mô hình Giải pháp Công nghệ tiên tiến: Phần đầu trở thành đối tác phát triển hạ tầng CNTT số 1, tham gia đầu tư vào các công trình dịch vụ công cộng trong các ngành kinh tế trọng điểm của Nhà nước; nhằm góp phần giảm áp lực chi ngân sách Nhà nước; tăng nhanh tốc độ phát triển cơ sở hạ tầng và cung cấp dịch vụ tiện ích, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và tăng trưởng vượt bậc về doanh thu.

Đẩy mạnh nghiên cứu, sản xuất và cung cấp các sản phẩm công nghệ "Made by FPT". Trong đó, xác định phát triển phần mềm hiện đại, kho ứng dụng phong phú và tiện ích, các dịch vụ gia tăng trên thiết bị di động thông minh là nhiệm vụ then chốt, tạo sự khác biệt cho sản phẩm hướng tới chiếm lĩnh thị trường mục tiêu.

Trong lĩnh vực viễn thông sẽ tiến sâu vào thị trường viễn thông băng rộng không dây, tận dụng cơ hội mua bán sáp nhập (M&A) và tập trung nguồn lực tối đa để tham gia thị trường cung cấp sản phẩm, dịch vụ Nội dung số trên nền tảng công nghệ băng thông rộng không dây, đưa các ứng dụng tiện ích vào mạng lưới thiết bị hiện đại phủ trên diện rộng.

TOÀN CẦU HÓA: ĐI TÌM QUÊ HƯƠNG MỚI (NEW HOMELAND)

Năm 2012, bên cạnh đẩy mạnh các hướng toàn cầu hóa hiện tại, FPT sẽ tập trung tìm kiếm các quốc gia có trình độ phát triển thấp hơn Việt Nam, nhưng dân số đông và thu nhập bình quân khá, để triển khai toàn diện các hướng kinh doanh chủ lực của FPT như phần mềm, dịch vụ CNTT, viễn thông, đào tạo, phân phối... tại các quốc gia này.



4. KẾ HOẠCH NĂM 2012

KẾ HOẠCH KINH DOANH 2012

Với những thách thức và cơ hội của mình, HĐQT công ty và Ban điều hành vẫn quyết tâm triển khai mục tiêu tăng trưởng cao trong năm 2012. Tuy nhiên, với việc tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam được dự báo là còn chứa đựng nhiều rủi ro, HĐQT và Ban điều hành chú trọng mục tiêu tăng trưởng vào các lĩnh vực có độ rủi ro thấp và xây dựng nhiều kịch bản kinh doanh khác nhau nhằm ứng phó với các tình huống khác nhau của nền kinh tế. Các định hướng kế hoạch chính năm 2012:

- Tiếp tục khai thác và đẩy mạnh các mảng kinh doanh cốt lõi truyền thống, tập trung phát triển công nghệ.
- Khuyến khích và thúc đẩy việc mở rộng thị trường mới, sản phẩm, dịch vụ mới.
- Tập trung đẩy mạnh phát triển ở các lĩnh vực viễn thông, nội dung số, phần mềm, dịch vụ CNTT và đào tạo
- Đẩy mạnh việc kiểm soát và quản trị rủi ro.

Một số định hướng cụ thể năm 2012 trong các lĩnh vực:

Viễn thông: Đầu tư hệ thống đường trục, tiếp tục chiến lược mở rộng vùng phủ, tăng dung lượng băng thông và cung cấp nhiều dịch vụ giá trị gia tăng.

Phần mềm: Thâm nhập sâu vào các thị trường lớn, tập trung đầu tư nguồn nhân lực, nâng cao giá trị dịch vụ. Tập trung cung cấp giải pháp điện toán đám mây, Mobility

Nội dung số: Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động chính như game online, quảng cáo trực tuyến, mở rộng các dịch vụ thanh toán, eCommerce ...

Tích hợp hệ thống và Dịch vụ Công nghệ thông tin: Phát triển các giải pháp, ứng dụng lõi cho các ngành kinh tế, đẩy mạnh các hướng dịch vụ công. Mở rộng kinh doanh sang các thị trường mới ở nước ngoài

Đào tạo: Đẩy mạnh đào tạo nhân lực CNTT, tiếp tục mở rộng đào tạo Cao đẳng nghề

Thương mại và sản xuất các sản phẩm công nghệ: Khai thác các ngành hàng mới, tiếp tục định hướng sản phẩm "Made by FPT" và tập trung vào thiết bị thông minh.

Với các định hướng trên, HĐQT đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 như sau:

Đơn vị: tỷ VND

Lĩnh vực	Doanh thu		Lợi nhuận trước thuế	
	Giá trị	tăng trưởng	Giá trị	tăng trưởng
FPT	31.300	21%	3.000	22%
1. Viễn thông	3.000	27%	710	29%
2. Nội dung số	1.800	59%	315	26%
3. Phát triển Phần mềm	2.328	24%	608	22%
4. Tích hợp Hệ thống	4.024	22%	469	19%
5. Giáo dục	540	36%	165	23%
6. Sản xuất, Phân phối SP IT & viễn thông	17.680	13%	604	17%
7. Khác	1.928	50%	130	-16%

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Để thực hiện kế hoạch 2012 cũng như định hướng chiến lược OneFPT đến năm 2014, FPT hướng tới nhiều hoạt động đầu tư mở rộng kinh doanh và M&A như sau:

- Đầu tư tuyến đường trục cáp quang biển quốc tế Asia Pacific Gateway (APG) dự kiến đưa vào khai thác trong năm 2014, cập bờ tại Đà Nẵng
- Đầu tư mở rộng và nâng cấp hạ tầng mạng đường trục viễn thông
- Đầu tư đường trục viễn thông trục Bắc - Nam
- Đầu tư xây dựng Khu Campus Đại học & Phần mềm FPT tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc theo giai đoạn
- Đầu tư văn phòng cho các lĩnh vực kinh doanh tại khu vực TP. HCM tại Khu Chế xuất Tân Thuận, Q. 7, TP. HCM
- Đầu tư vào việc phát triển Chuỗi bán lẻ Kỹ thuật số FPT với quy mô 150 cửa hàng
- Đầu tư vào các hoạt động M&A

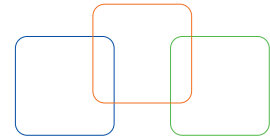


Chạm sự NHIỆT THÀNH
Chạm lòng NHÂN ÁI

Quản trị công ty quan hệ cổ đông và cộng đồng



Hệ thống quản trị FPT với các đặc điểm nổi bật “Triết lý - sâu sắc, Lãnh đạo - sáng suốt, Quy trình - tuyệt hảo, Hệ thống thông tin - thông suốt, và Văn hóa doanh nghiệp - phong phú”.



1. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1.1. QUY ĐỊNH QUẢN TRỊ GIỮA FPT VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

FPT quản trị các công ty thành viên thông qua việc yêu cầu tuân thủ hệ thống quản trị FPT. Hệ thống quản trị FPT là hệ thống quản trị toàn diện tất cả các lĩnh vực/hoạt động trong quản trị doanh nghiệp, mang bản sắc riêng, được văn bản hóa, quy ước phương thức tư duy, cách thức hành động của mọi đơn vị thành viên của FPT trong việc quản lý và vận hành các hoạt động.

Hệ thống quản trị FPT với các đặc điểm nổi bật “Triết lý - sâu sắc, Lãnh đạo - sáng suốt, Quy trình - tuyệt hảo, Hệ thống thông tin - thông suốt, Văn hóa doanh nghiệp - phong phú” được xây dựng và cải tiến liên tục trong suốt 13 năm qua (1999 -2012) đã đem lại cho FPT những bước phát triển vượt bậc...

Một số hoạt động quản trị tiêu biểu:

- Phê duyệt phương hướng, chiến lược kinh doanh: vào tháng 10 hàng năm, công ty tổ chức Hội nghị chiến lược FPT để phê duyệt và xem xét sửa đổi chiến lược hoạt động 3-5 năm của các đơn vị.
- Phê duyệt kế hoạch trung và dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm: định kỳ hàng năm, các đơn vị trong FPT chịu trách nhiệm lập các kế hoạch như Kế hoạch hoạt động, Kế hoạch đầu tư, Kế hoạch Tài chính khác như dòng tiền, bảng cân đối tài chính.
- Ban điều hành FPT và các đơn vị thành viên họp định kỳ hàng tuần về tình hình hoạt động kinh doanh trong tuần và kế hoạch cho các tuần tiếp theo.
- Phê duyệt phương án thay đổi cơ cấu, mô hình của công ty, phương án thành lập công ty con, chi nhánh, thay đổi, mở rộng vùng lãnh thổ thị trường.
- Quản lý nhân sự:
 - Các công ty thành viên tuân thủ chính sách nhân sự khung của FPT, sử dụng chung Sổ tay nhân sự và sử dụng chung hạ tầng CNTT tập trung về nhân sự.
 - FPT quản lý cán bộ cao cấp (từ L6), bao gồm việc HĐQT công ty thành viên cùng BDH FPT phối hợp lựa chọn cán bộ vào các vị trí then chốt (thành viên BDH) trình Ủy Ban Tổ chức cán bộ FPT phê duyệt việc bổ nhiệm/bãi miễn. Riêng TGD các công ty thành viên do HĐQT FPT phê duyệt. FPT có quyền điều động, chuyển chuyển cán bộ cao cấp giữa các công ty thành viên.
- Chính sách thưởng: để tạo động lực cho các đơn vị thành viên và thực hiện các định hướng quan trọng của FPT, năm 2011, HĐQT đã ban hành chính sách thưởng mới. Theo đó, bên cạnh quỹ thưởng cơ sở, sẽ thêm các quỹ khuyến khích hoàn thành kế hoạch, khuyến khích tăng trưởng bền vững, tăng hiệu quả sử dụng người, đẩy mạnh hợp lực giữa các đơn vị thành viên trong FPT, khuyến khích các sản phẩm - dịch vụ mới, thị trường mới, phương thức kinh doanh mới...
- Kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty thành viên.

1.2. CHÍNH SÁCH LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT:

Năm 2011, HĐQT FPT và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngân sách thù lao tương ứng là 5,4 tỷ đồng và 388,2 triệu đồng. Cụ thể chi phí năm 2011 như sau:

- Hội đồng quản trị: 5,38 tỷ đồng
- Ban kiểm soát: 245,76 triệu đồng

1.3. CƠ CHẾ KIỂM TRA, GIÁM SÁT: FPT THỰC HIỆN VIỆC KIỂM TRA, GIÁM SÁT THÔNG QUA BAN KIỂM SOÁT, ỦY BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ THUỘC HĐQT, KIỂM SOÁT NỘI BỘ THUỘC CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN.

Một số hoạt động chính của Ban Kiểm soát trong năm 2011

Trong năm 2011, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần FPT đã tiến hành họp theo định kỳ hàng quý, ngoài ra còn thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, email để thực hiện một số công việc chính sau nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông:

- Kiểm soát để đảm bảo những quyết định của HĐQT và Ban điều hành tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 đã thông qua.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị và đưa ra nhiều ý kiến góp ý trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Tham dự một số buổi làm việc của HĐQT nhằm xây dựng chiến lược hoạt động và kế hoạch kinh doanh trong năm cho FPT; Tham gia hội nghị chiến lược của FPT 10/2011 tại Hạ Long và có những góp ý cho dự thảo chiến lược chung của FPT.
- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh hàng quý, 6 tháng và cả năm 2011 do Ban Tổng Giám đốc và Ban Tài chính kế toán chuẩn bị, ghi nhận chưa thấy có dấu hiệu vi phạm quy định tài chính làm ảnh hưởng đến quyền lợi của cổ đông.

- Chủ động làm việc, xem xét các báo cáo của Kiểm toán độc lập, báo cáo của các cơ quan chức năng và có ý kiến về những vấn đề các bên kiểm toán đưa ra dưới góc độ của mình.

- Ban kiểm soát ghi nhận sự hoạt động tích cực của hệ thống kiểm soát nội bộ của FPT, đặc biệt tính tích cực của Ủy ban kiểm soát nội bộ, đã kịp thời phát hiện các vấn đề, đưa ra các kiến nghị và giải pháp phù hợp. Ban Kiểm soát đã hợp với Ủy ban Kiểm soát nội bộ để tìm hiểu và cùng phối hợp xem xét kiểm tra các vụ việc do Ủy ban Kiểm soát nội bộ tiến hành kiểm tra trong năm

- Ban Kiểm soát đã đóng góp ý kiến thảo luận với mục đích nâng cao tính minh bạch và chính xác của hệ thống báo cáo tài chính, đảm bảo rằng hệ thống kiểm soát tài chính nội bộ và chế độ báo cáo vận hành tốt, phát hiện kịp thời các rủi ro để khắc phục.

- Ban Kiểm soát đã tham gia kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ của công ty theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác. Trong năm 2011, công ty đã tính và nộp các khoản phải nộp cho Nhà nước kể trên đầy đủ, không phát hiện hiện tượng gian lận thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước.

- Năm 2011 là năm có sự chuyển giao lãnh đạo cao cấp của FPT. Sự thay đổi ban điều hành công ty, Ông Trương Đình Anh thay ông Nguyễn Thành Nam làm TGD với 2 Phó TGD là ông Nguyễn Thế Phương và bà Chu Thị Thanh Hà, tình hình điều hành chung các hoạt động của FPT không có biểu hiện bất ổn và dẫn đi vào ổn định. Kết quả kinh doanh 2011 rất khả quan phần nào minh chứng cho việc chuyển giao không gây ảnh hưởng đến công tác điều hành các hoạt động kinh doanh của công ty.

- Trong năm Ban Kiểm soát ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành cũng như các cán bộ quản lý công ty.



QUẢN TRỊ CÔNG TY, QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ CỘNG ĐỒNG (tiếp theo)

1.4. QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong quá trình hoạt động, FPT luôn rất chú trọng vào công tác quản trị rủi ro. Công tác này được thực hiện trên các nguyên tắc cơ bản sau:

Thứ nhất, thường xuyên thực hiện hoạt động phân tích, đánh giá để nhận diện các rủi ro trên các hoạt động, từ đó có các biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro đảm bảo lợi ích của công ty.

Thứ hai, xây dựng hệ thống chính sách, quy trình đầy đủ, rõ ràng và luôn duy trì tính kỷ luật cao để đảm bảo việc tuân thủ tuyệt đối các chính sách, quy trình trong mọi hoạt động.

Thứ ba, ngoài các bộ phận chuyên trách, công tác quản trị rủi ro được thực hiện xuyên suốt ở mọi cấp độ từ HĐQT đến từng cán bộ nhân viên của FPT.

Một số hoạt động quản trị liên quan đến các rủi ro chính của FPT

Rủi ro hoạt động

Nền kinh tế toàn cầu cũng như nền kinh tế Việt nam trong thời gian qua gặp nhiều khó khăn và chứa đựng nhiều nguy cơ rủi ro như lạm phát, tỷ giá, thất nghiệp... Bên cạnh đó, FPT hoạt động trong lĩnh vực CNTT và viễn thông, một trong những lĩnh vực có tốc độ phát triển cao cũng như tốc độ thay đổi công nghệ lớn nên chứa đựng những rủi ro như lạc hậu về công nghệ, sản phẩm lỗi thời...

Để quản trị rủi ro này, FPT lập kế hoạch kinh doanh theo các kịch bản khác nhau, sẵn sàng cho những biến động nếu có của nền kinh tế. Các hoạt động phân tích, đánh giá định kỳ hàng tháng giúp cho công ty luôn chủ động trong hoạt động kinh doanh, sẵn sàng có những quyết sách đảm bảo phòng ngừa, hạn chế các rủi ro hoạt động.

Trong lĩnh vực công nghệ, FPT thường xuyên duy trì hoạt động nghiên cứu, học tập và ứng dụng các công nghệ mới trên thế giới, đảm bảo các sản phẩm và dịch vụ của mình luôn dẫn đầu trên thị trường.

Rủi ro biến động tỷ giá ngoại tệ

Trong các lĩnh vực của FPT, hoạt động Phân phối các sản phẩm CNTT và điện thoại di động chịu nhiều ảnh hưởng từ rủi ro về biến động tỷ giá ngoại tệ. Để quản trị tốt rủi ro này, FPT đã áp dụng nhiều hình thức khác

nau như: dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai (kỳ dự báo theo số ngày vòng quay tiền của hoạt động kinh doanh) làm căn cứ xác định giá bán sản phẩm; duy trì hợp lý cơ cấu vay nợ ngoại tệ và vay VNĐ; áp dụng các hình thức bảo hiểm tỷ giá như hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng quyền chọn...

Rủi ro công nợ phải thu

Trong hoạt động bán hàng hóa và dịch vụ, FPT đã xây dựng chính sách bán hàng, quản lý công nợ phải thu trong đó có quy định chặt chẽ quy trình đánh giá khách hàng, quy trình cấp hạn mức tín dụng. Phần lớn các khách hàng được cấp tín dụng mua hàng của FPT đều được yêu cầu thực hiện các hình thức bảo lãnh.

Để đảm bảo quản trị tốt các khoản phải thu, phòng ngừa và hạn chế rủi ro phát sinh, hoạt động kiểm soát công nợ được tiến hành thường xuyên: phân tích tuổi nợ, ngày thu nợ, cập nhật và đánh giá khách hàng... để có những biện pháp xử lý kịp thời.

Rủi ro về nguồn nhân lực

Do hoạt động trong lĩnh vực tăng trưởng cao nên FPT cũng gặp phải rủi ro về thiếu hụt nguồn nhân lực và chất lượng nguồn nhân lực.

Để đảm bảo thu hút tốt nguồn nhân lực, trong lịch sử FPT đã chú trọng xây dựng chính sách đãi ngộ cạnh tranh, môi trường văn hóa tốt. Bên cạnh đó, Trường đại học FPT được thành lập năm 2006 là nơi bổ sung nguồn nhân lực CNTT có chất lượng cho FPT.

Đối với chất lượng nguồn nhân lực, FPT rất chú trọng hoạt động đào tạo nội bộ. Các hoạt động đào tạo được triển khai ở các cấp từ cán bộ nhân viên đến đội ngũ quản trị. Trong năm 2011, FPT đã tổ chức được 11 lớp MiniMBA năm 1 và 10 lớp năm thứ 2, đào tạo cho khoảng 600 lãnh đạo trong công ty.

Rủi ro pháp lý

Việt Nam đang trong quá trình phát triển nhanh, do vậy hệ thống chính sách, pháp luật luôn cần được hoàn thiện và thay đổi. Do đó cũng tạo nguy cơ rủi ro cho hoạt động của công ty. Ứng phó với các rủi ro này, Bộ phận pháp chế các đơn vị trong FPT luôn thực hiện việc rà soát, cập nhật các chính sách, quy định để đảm bảo việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của FPT.

2. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

2.1 BÁO CÁO THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

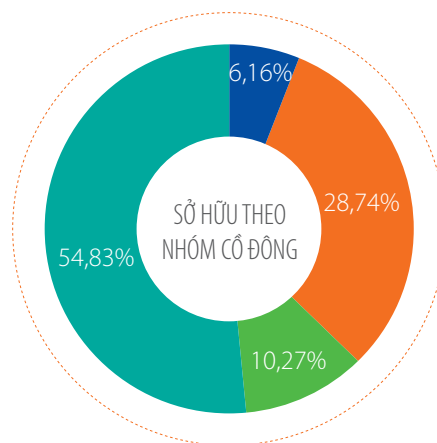
Dựa theo danh sách cổ đông chốt ngày 13/03/2012

Loại cổ phần	Cổ phần	%	Mệnh giá (VND)	Quyền biểu quyết
Cổ phần phổ thông	215.489.399	99,73%	10.000	1:1
Cổ phần ưu đãi nhân viên	539.018	0,25%	10.000	1:1
Quỹ cổ phiếu ưu đãi nhân viên	54.259	0,03%	10.000	1:0
Tổng	216.082.676	100,00%		

Sở hữu theo số cổ phần	Cổ đông	%	Cổ phần	%
1-999	9.780	75,27%	2.209.142	1,02%
1.000-10.000	2.682	20,64%	6.870.954	3,18%
10.001-1.000.000	496	3,82%	63.599.594	29,43%
1.000.001 trở lên	36	0,28%	143.402.986	66,36%
Tổng	12.994	100,00%	216.082.676	100,00%

Sở hữu theo nhóm cổ đông	Cổ phần
Nhà nước (SCIC)	13.311.840
Cổ đông nội bộ	62.104.099
Cổ đông ngoài (cá nhân)	22.185.097
Cổ đông ngoài (tổ chức)	118.481.640
Tổng	216.082.676

- NHÀ NƯỚC (SCIC) - 6,16%
- CỔ ĐÔNG NỘI BỘ - 28,74%
- CỔ ĐÔNG NGOÀI - 10,27%
(cá nhân)
- CỔ ĐÔNG NGOÀI 54,83%
(tổ chức)



QUẢN TRỊ CÔNG TY, QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ CỘNG ĐỒNG (tiếp theo)

Sở hữu theo địa lý	Cổ đông	%	Cổ phần	%
Việt Nam	11.620	89,43%	110.373.653	51,08%
<i>Cá nhân</i>	11.502	88,52%	81.812.220	37,86%
<i>Tổ chức</i>	118	0,91%	28.561.433	13,22%
Nước ngoài	1.374	10,57%	105.709.023	48,92%
<i>Cá nhân</i>	1.233	9,49%	2.422.717	1,12%
<i>Tổ chức</i>	141	1,09%	103.286.306	47,80%
Tổng	12.994	100,00%	216.082.676	100,00%

10 cổ đông lớn nhất	Cổ phần	%
Orchid Fund Pte. Ltd	21.174.770	9,80%
Trương Gia Bình	15.647.631	7,24%
Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC)	13.311.840	6,16%
Red River Holding	11.358.303	5,26%
Bùi Quang Ngọc	8.108.173	3,75%
Hoàng Minh Châu	4.049.035	1,87%
Nguyễn Thành Nam	3.747.323	1,73%
Vietnam Equity Holding	3.636.506	1,68%
Dragon Capital Vietnam Mother Fund	3.589.550	1,66%
Trương Thị Thanh Thanh	3.529.914	1,63%

2.2 THÔNG TIN CHUNG VỀ CỔ PHIẾU FPT 2011

Trong năm 2011, FPT đã thực hiện chi trả cổ tức và phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông như sau:

Chi trả cổ tức

1. Trả cổ tức phần còn lại của năm 2010 bằng tiền mặt cho cổ đông theo tỷ lệ 5%/ mệnh giá vào ngày 26/05/2011;
2. Tạm ứng cổ tức 06 tháng đầu năm 2011 bằng tiền mặt cho cổ đông theo tỷ lệ 10%/ mệnh giá vào ngày 19/10/2011;

Phát hành thêm cổ phiếu

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2011 nhằm tái cấu trúc công ty, FPT đã phát

hành thêm cổ phiếu để thực hiện hoán đổi cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT, công ty Cổ phần Phần mềm FPT và công ty Cổ phần Thương mại FPT, nâng vốn điều lệ lên 2.133.110.660.000 VND.

Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2011, công ty đã thực hiện phát hành cổ phần phổ thông cho người lao động có thành tích đóng góp trong năm 2010, nâng vốn điều lệ lên 2.160.826.760.000 VND.

Thông tin chung về trái phiếu FPT 2011

Ngày 09/10/2011, công ty FPT đã thực hiện trả lãi trái phiếu định kỳ hàng năm với lãi suất 7%/năm. Trái phiếu này sẽ đáo hạn vào tháng 10/2012

SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG

12.994

TỶ LỆ SỞ HỮU
CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI

48,9%



2.3. CÁC HOẠT ĐỘNG VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Công tác quan hệ nhà đầu tư luôn được FPT đặc biệt quan tâm và chú trọng. FPT luôn cố gắng duy trì, phát triển và đổi mới các hình thức để tạo ra ngày càng nhiều hơn nữa các kênh thông tin đa dạng tới các cổ đông và các nhà đầu tư như Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Đại hội đồng Cổ đông bất thường, họp thông báo kết quả kinh doanh định kỳ hàng quý, qua website www.fpt.com.vn, qua các phương tiện truyền thông đại chúng, gặp gỡ trực tiếp,...

Công bố Thông tin

FPT luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu về việc thực hiện công bố thông tin theo quy định chính xác, đầy đủ và kịp thời. Chúng tôi luôn coi việc công bố thông tin minh bạch, đầy đủ và chính xác là trách nhiệm đối với các nhà đầu tư, cũng như với chính sự phát triển bền vững của FPT.

Năm 2011, FPT đã tiến hành công bố các thông tin

- Kết quả kinh doanh hàng tháng và các sự kiện nổi bật

- Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý và năm, giải trình các biến động kinh doanh
- Báo cáo quản trị công ty định kỳ hàng quý
- Công bố thông tin về các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông
- Công bố thông tin về các quyết định, nghị quyết của Hội đồng Quản trị liên quan đến Chiến lược, kế hoạch phát triển trung-dài hạn cũng như kế hoạch kinh doanh và hoạt động trong năm của FPT,...

Gặp gỡ các cổ đông, nhà đầu tư

FPT tiếp tục duy trì nhiều kênh gặp gỡ nhà đầu tư trong năm 2011

Gặp gỡ nhà đầu tư định kỳ hàng quý: Việc tiến hành các buổi họp thông báo kết quả hoạt động định kỳ hàng quý của công ty cũng đã thu hút được sự quan tâm tham dự của các cổ đông, nhà đầu tư, các chuyên gia phân tích tại Hà Nội và Tp Hồ Chí Minh. Đây là một kênh quan trọng để công ty cập nhật thông tin kịp thời về hoạt động hàng quý, giải đáp các thắc mắc cũng như ghi nhận các ý kiến của cổ đông và nhà đầu tư.

Tham dự một số cuộc hội thảo được các quỹ tổ chức như:

- Hội thảo J.P. Morgan's Thailand and Vietnam Conference 2011, được tổ chức tại Thái Lan vào tháng 3/2011.
- Hội thảo HOSE - Daiwa Vietnam Corporate Day tại Singapore vào cuối tháng 07/2011.
- Hội thảo Credit Suisse's ASEAN and India Conference 2011 tại Singapore vào tháng 8/2011.
- Hội thảo trao đổi về đầu tư tại Việt Nam do Dragon Capital tổ chức vào cuối tháng 09/2011 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Gặp gỡ riêng lẻ

Trong năm 2011, FPT đã đón tiếp rất nhiều các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến thăm và tìm hiểu về công ty. Danh sách một số nhà đầu tư tiêu biểu FPT đã tiếp xúc trong năm 2011:

- Red River Holding
- Dragon Capital
- Japan Asia Securities
- Route One Capital
- Deutsche Bank Việt Nam
- Amundi Asset Management
- Bridger Capital
- Daiwa Asset Management
- Duxton Asset Management

- GIC Asset Management
- Fullerton Fund Management
- Mekong Capital
- Công ty cổ phần Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSC)
- Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)
- Công ty cổ phần Chứng khoán Vina (Vinasecurities)
- Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam
- Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)
- Công ty Quản lý quỹ đầu tư Saigon Asset Management (SAM)

Công ty FPT luôn nhận được sự quan tâm của các nhà đầu tư, minh chứng là việc có rất nhiều công ty chứng khoán có báo cáo hàng tháng về FPT như SSI, HSC, VCBS, ... Các báo cáo này được sử dụng như tài liệu tham khảo trong nội bộ công ty cũng như là sản phẩm giới thiệu FPT đến các tổ chức nước ngoài đã và sắp đầu tư vào Việt Nam. Với tình hình kinh doanh khả quan qua các năm, FPT luôn tạo được ấn tượng tốt với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

Năm 2012, Bộ phận Quan hệ đầu tư đặt mục tiêu

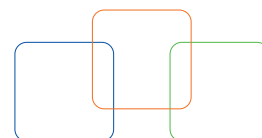
- Chuyên nghiệp hơn nữa các tài liệu giới thiệu về FPT và các công ty thành viên, cung cấp các bản tin kinh doanh hàng tháng, hàng quý gửi tới các cổ đông tổ chức.
- Tiếp tục duy trì các buổi họp định kỳ hàng quý nhằm duy trì quan hệ giữa FPT với các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.



QUẢN TRỊ CÔNG TY, QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ CỘNG ĐỒNG (tiếp theo)



FPT luôn tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên, khách hàng, đối tác, cộng đồng được tiếp nhận thêm nhiều tri thức để phát huy tiềm năng, làm chủ cuộc sống.



3. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

FPT VÌ SỰ NGHIỆP “VƯỜN LÊN TRÍ TUỆ VIỆT NAM”

FPT luôn coi một trong các sứ mệnh của mình là tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên, khách hàng, đối tác, cộng đồng được tiếp nhận thêm nhiều tri thức để phát huy tiềm năng, làm chủ cuộc sống. Cam kết này đã được thể hiện trong nhiều sản phẩm dịch vụ cũng như các chương trình xã hội mà FPT thực hiện trong những năm qua.

Là công ty công nghệ hàng đầu đất nước, cùng với Chính phủ, các tổ chức xã hội, cộng đồng, FPT mong muốn mang công nghệ và tri thức mới để giúp mỗi người cải thiện cuộc sống; giải quyết các vấn đề về môi trường, giáo dục, đói nghèo, thiên tai,... Với nỗ lực của hơn 11.000 nhân viên và sự ủng hộ của cộng đồng, đối tác..., FPT sẽ tiếp tục có nhiều đóng góp dài hạn và bền vững giúp Việt Nam xây dựng thành công một xã hội tri thức.

Mỗi năm, FPT tuyển dụng hàng ngàn tri thức mới, bổ sung cho lực lượng hiện có. Nguồn tri thức này là động lực chính giúp FPT tiếp tục thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp cho ngân sách quốc gia. Năm 2011, FPT nộp ngân sách hơn 4.257 tỷ đồng, tăng 8,6% so với năm 2010.



3.1 NĂNG TẦM TRÍ TUỆ VIỆT NAM

Là công ty hàng đầu về CNTT và viễn thông, dựa trên giá trị cốt lõi của mình, FPT trong nhiều năm qua đã xây dựng môi trường, công cụ hỗ trợ thế hệ trẻ Việt Nam phát huy trí tuệ đóng góp vào sự phát triển của đất nước. Trong năm 2011, FPT tiếp tục đẩy mạnh cuộc thi giải toán qua mạng internet - ViOlympic phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, bằng việc áp dụng CNTT nhằm kết nối và chia sẻ tri thức, cuộc thi đã thu hút sự tham gia và hưởng ứng của hơn 7 triệu lượt học sinh từ lớp 1 đến lớp 9, trên 61 tỉnh thành trên cả nước. Năm học 2011 - 2012 ViOlympic đánh dấu bước phát triển mới bằng việc mở rộng cuộc thi lên cấp THPT và sẽ phát triển ra các môn học khác trong các năm tiếp theo.

Sau 12 năm hoạt động, Trung tâm Bồi dưỡng Tài năng Công nghệ trẻ (FPT Young Talent - FYT) đã bổ

dưỡng được 283 thành viên, hầu hết các thành viên của FYT đều đạt giải Quốc tế, Quốc gia trong các kỳ thi Olympic Toán, Tin, Lý, Hóa, Sinh... Mô hình tự hoạt động của Trung tâm đã giúp không ít các tài năng công nghệ trẻ trưởng thành. 40% thành viên của Trung tâm đã và đang học tập tại các trường đại học danh tiếng tại Mỹ, Anh, Pháp, Úc và Singapore...

FPT cũng tham gia xây dựng và tài trợ nhiều học bổng có ý nghĩa khác như Học bổng Nguyễn Văn Đạo (cùng Viện Cơ Học), Học bổng tài năng FPT để giúp các em học sinh, sinh viên có năng lực và mong muốn có cơ hội phát triển và trưởng thành. Trong năm 2011, FPT đã trao học bổng cùng các chương trình tín dụng cho sinh viên với tổng giá trị hơn 45 tỷ đồng.

Tình nguyện viên của FPT Software giúp đỡ các nạn nhân tỉnh Miyagi (Nhật Bản) sau thảm họa sóng thần ngày 11/3/2011.



3.2 ƯƠM MẦM NHÂN ÁI

FPT tin tưởng rằng, với thể mạnh về CNTT và lực lượng tri thức của mình, sẽ giúp lan tỏa và ươm mầm nhân ái ra toàn xã hội thông qua các hành động cụ thể.

FPT đã sát cánh, chia sẻ khó khăn với những người bạn Nhật Bản sau thảm họa kép động đất và sóng thần 3/2011. Các cán bộ nhân viên FPT đã quyên góp, ủng hộ được hơn 3 tỷ đồng cho nhân dân Nhật Bản. Đích thân Chủ tịch HĐQT FPT Trương Gia Bình đã tới Nhật Bản để thăm hỏi và chia sẻ cùng những người bạn Nhật. Và quan trọng hơn, 100% cán bộ nhân viên FPT tại Nhật Bản đã không rời bỏ khách hàng, đối tác trong lúc khó khăn.

Đặc biệt phải kể đến dự án sử dụng công nghệ kết nối tri thức cộng đồng để giải quyết các bài toán xã hội: Vicongdong.vn. Đây là môi trường kết nối các nhà hoạt động xã hội khắp đất nước, nhằm phát huy những ý tưởng sáng tạo, kinh nghiệm và tinh thần tình nguyện để giúp những hoàn cảnh khó khăn, thực hiện các chương trình thiện nguyện có quy mô.

Hiện tại, đây là ngôi nhà cho hơn 42.000 tình nguyện trẻ, 363 tổ chức hoạt động xã hội tham gia. Mỗi ngày qua đi, hàng chục chương trình thiện nguyện được tổ chức chính là thành quả mà Vicongdong mang tới cho xã hội.

Đó là chương trình “FPT 1.000 tấm lòng”, hiến tặng 800 đơn vị máu. Là 1.000 phần quà cho các trẻ em khó khăn Lũng Chinh, Mèo Vạc, Hà Giang trong chương trình “Mùa đông ấm”. Những hoạt động giúp đỡ trẻ em nhiễm Dioxin như trao 100 xuất học bổng (mỗi suất là 1.200.000 VNĐ), tổ chức 4 đêm nhạc Trịnh và phát hành album nhạc Trịnh “Ru đời đi nhé” do chính người FPT hát, nhằm gây quỹ cho quỹ “Vì trẻ em nhiễm độc dioxin”. Và rất nhiều các hoạt động như: Xây nhà tình nghĩa, Hỗ trợ mổ tim, Ủng hộ nạn nhân nhiễm dioxin, Nổi cháo tình thương, Tiết thực vì cộng đồng... được triển khai trên cả nước.

Năm 2011, FPT tiếp tục triển khai ngày “FPT vì cộng đồng” - 13/3 với sự hưởng ứng tham gia của lãnh đạo FPT cùng 3.700 CBNV. 53 hoạt động và chương trình đã được các đơn vị trong FPT triển khai, đóng góp hơn 225 triệu và rất nhiều phần quà cho các hoàn cảnh khó khăn.

3.3 GREEN COMPANY

Hướng tới xây dựng một Hành tinh xanh, các văn phòng của FPT trên cả nước đồng loạt tắt điện để hưởng ứng chương trình giờ trái đất và áp dụng các biện pháp tiết kiệm điện. Hơn 300 cán bộ nhân viên tham gia các hoạt động đạp xe tuyên truyền môi trường. FPT cũng ký kết hợp tác với tổ chức WCS trong chương trình Nói không với tiêu thụ Động vật Hoang dã (Go For Zero) nhằm truyền thông kêu gọi toàn thể CBNV FPT chung tay bảo vệ môi trường và không tiêu thụ động vật hoang dã.

Kết thúc năm 2011, FPT tiếp tục chi gần 55 tỷ đồng cho hoạt động trách nhiệm xã hội, với hơn 10.000 lượt cán bộ nhân viên tham gia, đóng góp 10.000 giờ lao động, hiến tặng hơn 800 đơn vị máu, dành tặng hơn 2.000 phần quà.

Đồng thời FPT tiếp tục tham gia Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững Việt Nam với tư cách là sáng lập viên và tích cực tham gia kết nối với nhiều diễn đàn, hội đồng và các chương trình trách nhiệm xã hội trong và ngoài nước.



Báo cáo tài chính hợp nhất

Chạm tính TRUNG THỰC
Chạm sự HÀI LÒNG

27%
tăng trưởng
doanh thu FPT

2.502
tỷ đồng
(lợi nhuận trước thuế)

25.987
tỷ đồng
(tổng doanh thu)

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

NỘI DUNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Gia Bình	Chủ tịch
Ông Lê Quang Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Minh Châu	Phó Chủ tịch
Bà Trương Thị Thanh Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Jonathon Ralph Alexander Waugh	Ủy viên
Ông Đỗ Cao Bảo	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Điệp Tùng	Ủy viên
Ông Hoàng Nam Tiến	Ủy viên
Ông Trương Đình Anh	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Đình Anh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25/3/2011, miễn nhiệm chức Phó Tổng Giám đốc ngày 25/3/2011)
Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25/3/2011)
Ông Nguyễn Thế Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25/3/2011)
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25/3/2011)
Ông Phan Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính (miễn nhiệm ngày 25/3/2011)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần FPT**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), từ trang 4 đến trang 41. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trần Thị Thủy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Vũ Đức Nguyễn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0764/KTV

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 09 tháng 3 năm 2012

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A.	"TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)"	100		11.372.728.248.045	8.839.022.362.540
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.902.382.823.282	1.436.127.765.530
1.	Tiền	111		1.498.138.209.402	861.718.472.654
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.404.244.613.880	574.409.292.876
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	861.597.468.810	563.892.171.622
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		861.597.468.810	565.892.171.622
2.	"Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn"	129		-	(2.000.000.000)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.781.513.726.520	3.248.876.343.735
1.	Phải thu khách hàng	131		3.055.170.440.701	2.355.779.082.971
2.	Trả trước cho người bán	132		202.305.584.199	241.613.024.080
3.	"Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng"	134	8	259.634.990.533	153.813.573.772
4.	Các khoản phải thu khác	135	9	368.964.010.051	556.197.935.397
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(104.561.298.964)	(58.527.272.485)
IV.	Hàng tồn kho	140	11	3.275.849.800.433	2.448.471.898.690
1.	Hàng tồn kho	141		3.294.682.950.896	2.460.453.718.041
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.833.150.463)	(11.981.819.351)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		551.384.429.000	1.141.654.182.963
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		81.837.721.116	72.424.202.826
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		405.237.862.119	310.143.861.018
3.	Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		38.095.433.386	12.448.920.935
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		26.213.412.379	746.637.198.184
B.	"TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260+269)"	200		3.570.358.291.380	3.465.522.080.811
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		1.028.639.950	376.000.000
1.	Phải thu dài hạn khác	218		1.028.639.950	376.000.000
II.	Tài sản cố định	220		2.150.890.020.172	2.000.339.297.036
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.458.878.278.435	1.433.735.279.875
	- Nguyên giá	222		2.715.424.230.866	2.393.560.750.522
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.256.545.952.431)	(959.825.470.647)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	595.836.958	730.633.347
	- Nguyên giá	225		965.721.579	927.323.115

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(369.884.621)	(196.689.768)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	268.330.648.339	243.376.909.739
- Nguyên giá	228		390.244.795.346	328.891.186.693
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(121.914.147.007)	(85.514.276.954)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	423.085.256.440	322.496.474.075
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		865.424.033.772	978.169.714.467
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	212.185.131.510	714.707.561.179
2. Đầu tư dài hạn khác	258	18	672.534.221.546	273.704.891.300
3. "Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn"	259		(19.295.319.284)	(10.242.738.012)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		336.649.236.703	264.922.825.412
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	225.343.888.201	154.930.449.508
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	20	73.225.086.409	76.063.911.140
3. Tài sản dài hạn khác	268		38.080.262.093	33.928.464.764
V. Lợi thế thương mại	269		216.366.360.783	221.714.243.896
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		14.943.086.539.425	12.304.544.443.351

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		8.717.275.015.362	7.255.512.891.181
I. Nợ ngắn hạn	310		8.475.464.627.022	5.439.122.118.786
1. Vay ngắn hạn	311	21	4.674.454.686.852	2.675.925.085.352
2. Phải trả người bán	312		1.338.827.517.569	1.150.176.696.403
3. Người mua trả tiền trước	313		335.440.515.687	210.726.704.950
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	337.468.389.390	242.203.522.628
5. Phải trả người lao động	315		342.051.528.648	211.764.307.064
6. Chi phí phải trả	316	23	196.519.022.047	218.871.640.449
7. "Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng"	318		16.886.638.003	30.226.884.835
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	24	708.436.527.483	286.391.139.496
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	25	24.125.222.347	32.544.452.120
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		194.122.831.946	155.375.371.131
11. Doanh thu chưa thực hiện	338		307.131.747.050	224.916.314.358
II. Nợ dài hạn	330		241.810.388.340	1.816.390.772.395

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
1.	Phải trả dài hạn khác	333		196.674.666.730	10.294.803.322
2.	Vay và nợ dài hạn	334	26	274.583.554	1.800.359.913.819
3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		1.848.413.023	359.264.224
4.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	25	1.482.292.216	1.587.566.129
5.	Dự phòng phải trả dài hạn	337	25	557.179.639	2.936.645.570
6.	Doanh thu chưa thực hiện	338		7.629.691.000	-
7.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		33.343.562.178	852.579.331
B.	NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		5.521.004.779.653	3.983.400.714.548
I.	Vốn chủ sở hữu	410	27	5.518.254.779.653	3.980.650.714.548
1.	Vốn điều lệ	411		2.160.826.760.000	1.934.805.170.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		49.546.879.484	60.012.320.245
3.	Cổ phiếu quỹ	414		(513.440.000)	(692.150.000)
4.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		19.393.997.526	17.276.091.131
5.	Quỹ đầu tư phát triển	417		103.009.261	103.009.261
6.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	418		115.476.089.217	112.945.897.606
7.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.173.421.484.165	1.856.200.376.305
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.750.000.000	2.750.000.000
1.	Nguồn kinh phí	432		2.750.000.000	2.750.000.000
C.	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		704.806.744.410	1.065.630.837.622
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)		440		14.943.086.539.425	12.304.544.443.351



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2012

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		25.397.759.809.554	20.041.458.740.325
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		27.512.943.153	24.155.072.752
3. "Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)"	10	28	25.370.246.866.401	20.017.303.667.573
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	20.412.099.286.524	16.028.810.900.958
5. "Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)"	20		4.958.147.579.877	3.988.492.766.615
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	552.057.804.065	464.258.807.267
7. Chi phí tài chính	22	32	693.757.749.103	559.127.001.271
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		249.500.890.165	238.147.740.131
8. Chi phí bán hàng	24		793.284.728.364	646.360.219.686
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.603.154.839.368	1.370.580.524.332
10. "Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}"	30		2.420.008.067.107	1.876.683.828.593
11. Thu nhập khác	31	33	104.920.544.425	144.687.563.509
12. Chi phí khác	32	34	58.923.327.122	106.011.889.135
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		45.997.217.303	38.675.674.374
14. Lợi nhuận từ công ty liên kết	45		35.537.691.711	107.833.643.477
15. "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)"	50		2.501.542.976.121	2.023.193.146.444
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	418.067.272.905	346.753.884.742
17. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52		4.327.973.530	(15.317.991.593)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		2.079.147.729.686	1.691.757.253.295
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		397.329.534.986	427.250.900.305
18.2. "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ"	62		1.681.818.194.700	1.264.506.352.990
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	7.861	6.584



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2012

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.501.542.976.121	2.023.193.146.444
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	375.956.684.154	329.405.999.993
- Các khoản dự phòng	03	59.937.938.863	20.246.387.805
- (Lợi nhuận) từ đầu tư vào công ty liên kết		(25.369.852.877)	(87.904.125.275)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	04	409.467.514	6.764.052.109
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(300.560.951.351)	(454.570.894.686)
- Chi phí lãi vay	06	249.500.890.165	238.147.740.131
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.861.417.152.589	2.075.282.306.521
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(290.780.558.057)	(538.514.304.725)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(834.229.232.855)	(1.025.744.658.403)
- Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	974.370.578.362	796.734.112.550
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(79.826.956.983)	(51.501.636.948)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(220.209.220.032)	(250.492.904.816)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(401.260.017.116)	(407.116.316.964)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(162.897.462.490)	(113.131.548.159)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.846.584.283.418	485.515.049.056
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(465.352.162.753)	(875.985.423.639)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	12.944.087.088	8.771.598.355
3. Tiền thu/(chi) cho vay, mua bán các công cụ nợ của đơn vị khác	23, 24	(295.705.297.188)	340.441.373.368
4. Tiền thu/(chi) đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25, 26	804.592.238.800	(1.190.187.163.896)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	50.537.846.873	276.456.491.097
6. Tiền chi mua lại phần vốn góp của các cổ đông thiểu số		-	(38.409.960.104)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	107.016.712.820	(1.478.913.084.819)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	27.716.100.000	18.146.090.000
2. "Vốn góp của các cổ đông thiểu số vào các công ty con"		6.511.460.000	34.942.420.000
3. Tiền chi góp vốn cho các cổ đông, mua lại cổ phiếu đã phát hành và thu từ cổ phiếu tái phát hành	32	8.249.100.000	2.113.400.000
4. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	11.504.198.543.665	10.294.347.714.483
5. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11.305.754.272.430)	(9.944.279.366.412)
6. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(728.266.869.721)	(286.254.483.409)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(487.345.938.486)	119.015.774.662
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.466.255.057.752	(874.382.261.101)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.436.127.765.530	2.310.510.026.631
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	2.902.382.823.282	1.436.127.765.530



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2012

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FPT ban đầu là một công ty nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTg và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/05/2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Tại ngày 31/12/2011, Công ty Cổ phần FPT có 10 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT;
- Công ty TNHH Thương mại FPT;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Công ty TNHH Phần mềm FPT;
- Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT;
- Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT;
- Công ty TNHH Giáo dục FPT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT;
- Công ty TNHH Đầu tư FPT;
- Công ty TNHH Tháp Láng Hạ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi gần nhất ngày 16 tháng 9 năm 2011, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT là 2.160.826.760.000 đồng.

Từ tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 11.936 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 11.424 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông và đầu tư. Các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp chủ yếu bao gồm: tích hợp hệ thống; sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm; các dịch vụ công nghệ thông tin; các dịch vụ ERP; sản xuất các sản phẩm công nghệ; phân phối sản phẩm công nghệ thông tin; phân phối điện thoại di động; dịch vụ giải pháp phần mềm; các dịch vụ viễn thông và internet; đào tạo; bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông và các dịch vụ viễn thông khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính hợp nhất phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 37.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định cho việc ghi nhận giá trị các tài sản, công nợ và việc trình bày các khoản tài sản, công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các khoản mục doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình và được tính khấu hao theo quy định hiện hành.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho của Tập đoàn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO), phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011 (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 25
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản khác	3 - 25

Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thuê tài chính được hình thành từ giao dịch thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

(ii) Giấy phép, quyền phát hành và bản quyền

Giá mua giấy phép được hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giấy phép được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm. Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway ("AAG") được khấu hao trong 15 năm.

Giá mua quyền phát hành và bản quyền mới được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Quyền phát hành và bản quyền được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(iii) Nhãn hiệu hàng hóa

Giá mua nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được ghi nhận vào tài sản cố định vô hình. Nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản này.

(iv) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm máy tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê.

Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tân trang văn phòng được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí trong vòng từ hai đến ba năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng bảo hành

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp. Dự phòng được lập dựa trên ước tính từ những số liệu về bảo hành trong các năm trước đó cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay là các bảo lãnh mà Đại học FPT đã cấp cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong liên quan đến các khoản cho vay mà Ngân hàng cấp cho các sinh viên của Đại học FPT, thuộc Công ty TNHH Giáo dục FPT, một công ty con của Tập đoàn.

Các quỹ

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được lập hàng năm bằng cách phân bổ lợi nhuận sau thuế. Từ năm 2006, theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Điều lệ Công ty sửa đổi, Công ty không tiếp tục trích lập Quỹ đầu tư và phát triển.

Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc. Khi Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho các mục đích này, giá trị đã sử dụng được kết chuyển sang vốn.

(ii) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được lập hàng năm bằng cách phân bổ 5% lợi nhuận thuần sau thuế cho đến khi số dư quỹ tương đương với 10% vốn điều lệ.

(iii) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được lập hàng năm bằng cách phân bổ tối đa 10% lợi nhuận thuần sau thuế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu từ các dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hóa được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành. Các khoản thu được từ việc bán thẻ trả trước, nhưng thẻ đã bán chưa được sử dụng hoặc chưa hết hạn sử dụng, được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Doanh thu từ học phí và phí

Doanh thu được ghi nhận trong năm khi dịch vụ được cung cấp. Học phí và các khoản phí thu trước của sinh viên được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính có kỳ học liên quan.

Nộp học phí và phí

Toàn bộ học phí và phí được nộp trước khi bắt đầu mỗi kỳ học.

Phí tuyển sinh hoặc phí đăng ký dự thi

Phí đăng ký dự thi là khoản phí cố định nộp một lần được tính trên mỗi sinh viên và được thu cùng với đơn đăng ký tuyển sinh. Tiền thu từ phí đăng ký được sử dụng để trang trải cho các chi phí liên quan đến toàn bộ các thủ tục xử lý hồ sơ tuyển sinh của mỗi sinh viên bao gồm cả công tác quản lý đánh giá quá trình học tập tại trường trước và sắp xếp sinh viên cho phù hợp. Phí đăng ký dự thi không được hoàn lại.

Ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tập đoàn thực hiện hoạt động tại nước ngoài được ghi nhận như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc hoạt động này.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tập

đoàn tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tập đoàn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Tập đoàn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung ứng sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hai lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính dưới sự quản lý của Công ty Cổ phần FPT (Công ty), cụ thể như sau:

Công nghệ thông tin và viễn thông

- **Viễn thông:** bao gồm các dịch vụ internet không dây và có dây; dịch vụ cung cấp đường truyền; đăng ký tên miền; lưu trữ và quản lý dữ liệu; dịch vụ Cổng dữ liệu Web, IPTV v.v.;
- **Nội dung số:** bao gồm các dịch vụ trực tuyến cho doanh nghiệp và khách hàng cá nhân: trò chơi trực tuyến, nhạc trực tuyến, tin tức trực tuyến, quảng cáo trực tuyến, thanh toán trực tuyến, v.v..
- **Phát triển phần mềm:** bao gồm các dịch vụ phát triển phần mềm; dịch vụ bảo trì, gia công phần mềm; thử nghiệm đảm bảo chất lượng, cung cấp dịch vụ triển khai và quản lý Hệ thống Quản trị Nguồn Lực Doanh nghiệp (ERP);
- **Tích hợp hệ thống:** cung cấp thiết bị công nghệ thông tin (CNTT), cung cấp dịch vụ và giải pháp tích hợp hệ thống thông tin cho khách hàng trong các cơ quan, doanh nghiệp và tổ chức thuộc lĩnh vực ngân hàng, tài chính, viễn thông, y tế, lợi ích công cộng và Chính phủ, v.v.;
- **Dịch vụ tin học:** cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, bảo trì cho các thiết bị CNTT, viễn thông và thiết bị mạng;
- **Giáo dục:** bao gồm dịch vụ đào tạo các chuyên ngành CNTT, Quản trị Kinh doanh ở các cấp cao đẳng, đại học và sau đại học (Đại học FPT);
- **Sản xuất và phân phối sản phẩm công nghệ:** bao gồm sản xuất và phân phối các sản phẩm CNTT và viễn thông bao gồm sản phẩm phần cứng, phần mềm ứng dụng cho điện thoại di động, chuỗi các cửa hàng/phòng trưng bày sản phẩm CNTT;

Đầu tư: Bao gồm các hoạt động chính:

- Quản lý các khoản đầu tư vào các công ty liên kết thuộc lĩnh vực tài chính;
- Quản lý và triển khai các dự án Bất động sản phục vụ nhu cầu về cơ sở hạ tầng của Tập đoàn;
- Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ quảng cáo.

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Năm 2011

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Tín học và viễn thông									
	Viễn thông	Nội dung số	Phát triển phần mềm	Tích hợp hệ thống	Dịch vụ tin học	Giáo dục	Sản xuất và phân phối sản phẩm công nghệ	Đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu theo bộ phận										
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.348.551	1.129.204	1.792.404	3.197.098	493.150	376.950	15.951.857	81.033	-	25.370.247
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	8.717	2.810	88.242	99.519	28.551	21.375	357.140	482.858	(1.089.212)	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	2.357.268	1.132.014	1.880.646	3.296.617	521.701	398.325	16.308.997	563.891	(1.089.212)	25.370.247
Chi phí theo bộ phận										
Chi phí phân bổ trực tiếp cho bộ phận	(1.838.719)	(900.561)	(1.479.744)	(2.849.450)	(441.868)	(285.566)	(15.483.461)	(618.382)	1.089.212	(22.808.539)
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	518.549	231.453	400.902	447.167	79.833	112.759	825.536	(54.491)	-	2.561.708
Khấu hao và chi phí phân bổ	(301.840)	(32.999)	(101.495)	(37.433)	(5.880)	(25.259)	(14.253)	(39.301)	1.875	(556.584)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định	246.818	69.190	282.305	56.940	7.961	138.551	49.627	222.272	(231.435)	842.228
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	550.371	250.369	498.378	395.533	57.514	134.375	520.675	639.950	(545.624)	2.501.543
Tài sản bộ phận	2.449.102	383.766	1.508.134	2.443.772	378.508	460.764	4.984.243	3.095.903	(761.106)	14.943.086
Nợ phải trả bộ phận	1.485.181	182.386	441.108	1.486.361	245.910	173.466	4.105.549	1.685.114	(1.087.800)	8.717.275

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DN/HN**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Năm 2010

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Tin học và viễn thông						Đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
	Viễn thông	Nội dung số	Phát triển phần mềm	"Tích hợp hệ thống"	Dịch vụ tin học	Giáo dục			
Doanh thu theo bộ phận									
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.986.842	416.307	1.425.312	2.400.537	374.682	268.533	82.502	-	20.017.304
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	50.292	3.951	28.630	76.247	39.080	10.847	399.774	(899.616)	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	2.037.133	420.259	1.453.942	2.476.785	413.762	279.380	482.276	(899.616)	20.017.304
Chi phí theo bộ phận									
Chi phí phân bổ trực tiếp cho bộ phận	(1.320.147)	(319.420)	(1.146.372)	(2.100.966)	(335.088)	(185.014)	(534.108)	899.616	(17.716.347)
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	716.986	100.839	307.570	375.818	78.674	94.366	(51.832)	-	2.300.957
Khấu hao và chi phí phân bổ	(209.022)	(33.009)	(28.527)	(14.694)	(3.100)	(6.186)	(34.371)	5.055	(329.406)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định	450.261	86.812	197.306	18.014	2.865	41.556	24.840	(122.185)	704.001
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	490.659	110.705	382.922	295.817	67.699	101.971	458.679	(297.093)	2.023.193
Tài sản bộ phận	1.869.274	253.672	1.148.553	1.465.801	301.402	289.209	4.313.283	(1.068.515)	12.304.545
Nợ phải trả bộ phận	764.780	98.232	368.018	898.766	167.434	115.222	3.005.172	(1.270.140)	7.255.513

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	31/12/2011	31/12/2010
Tiền mặt	17.178.562.538	10.920.995.380
Tiền gửi ngân hàng	1.479.564.646.864	850.791.841.774
Tiền đang chuyển	1.395.000.000	5.635.500
Các khoản tương đương tiền	1.404.244.613.880	574.409.292.876
	2.902.382.823.282	1.436.127.765.530

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay với thời hạn dưới một năm, các khoản ủy thác đầu tư ngắn hạn và khoản tiền cam kết để thực hiện hợp đồng mua trái phiếu.

8. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	31/12/2011	31/12/2010
Chi phí hợp đồng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	1.330.384.508.722	1.152.553.725.622
Trừ: Số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(1.070.749.518.189)	(998.740.151.850)
	259.634.990.533	153.813.573.772

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	31/12/2011	31/12/2010
Phải thu theo tiến độ của hợp đồng dịch vụ bảo trì	117.681.050.907	74.338.639.766
Các khoản phải thu khác	251.282.959.144	481.859.295.631
	368.964.010.051	556.197.935.397

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	2011	2010
Tại ngày 01/01	58.527.272.485	22.142.914.737
Tăng dự phòng trong năm	58.708.968.951	46.382.592.123
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.690.875.320)	-
Hoàn nhập	(10.984.067.152)	(9.998.234.375)
Tại ngày 31/12	104.561.298.964	58.527.272.485

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: VND

	31/12/2011	31/12/2010
Hàng mua đang đi đường	456.781.820.611	634.653.780.411
Công cụ, dụng cụ	6.053.316.177	7.276.998.469
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	594.325.087.982	292.466.197.292
Hàng hoá	2.235.244.585.046	1.526.056.741.869
Hàng gửi đi bán	2.278.141.080	-
Cộng	3.294.682.950.896	2.460.453.718.041
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.833.150.463)	(11.981.819.351)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	3.275.849.800.433	2.448.471.898.690

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	Dụng cụ văn phòng	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2011	927.323.115	927.323.115
Tăng trong năm	38.398.464	38.398.464
Tại ngày 31/12/2011	965.721.579	965.721.579
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2011	196.689.768	196.689.768
Khấu hao trong năm	173.194.853	173.194.853
Tại ngày 31/12/2011	369.884.621	369.884.621
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2011	595.836.958	595.836.958
Tại ngày 31/12/2010	730.633.347	730.633.347

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	341.377.340.321	1.275.643.602.090	57.580.294.777	711.491.973.363	7.467.539.971	2.393.560.750.522
Tăng do mua sắm	51.983.318.106	102.462.080.242	6.065.790.865	101.672.040.002	7.907.726.248	270.090.955.463
Tăng do XDCB hoàn thành	114.647.156.469	-	-	-	-	114.647.156.469
Thanh lý, nhượng bán	(4.620.228.106)	(23.573.190.728)	(1.670.857.480)	(17.109.815.131)	(539.317.302)	(47.513.408.747)
Tăng/(Giảm) khác	(1.950.452.007)	(861.615.935)	137.920.909	(12.687.075.808)	-	(15.361.222.841)
Tại ngày 31/12/2011	501.437.134.783	1.353.670.875.669	62.113.149.071	783.367.122.426	14.835.948.917	2.715.424.230.866
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	35.521.785.991	522.165.979.131	17.312.621.151	382.622.368.463	2.202.715.911	959.825.470.647
Khấu hao trong năm	20.051.996.200	152.385.293.212	10.939.699.953	155.139.319.302	1.480.550.372	339.996.859.039
Thanh lý, nhượng bán	(3.736.235.957)	(10.735.813.278)	(957.001.530)	(12.537.846.866)	(403.360.861)	(28.370.258.492)
Tăng/(Giảm) khác	(26.341.196)	(605.385.221)	39.267.207	(14.313.659.553)	-	(14.906.118.763)
Tại ngày 31/12/2011	51.811.205.038	663.210.073.844	27.334.586.781	510.910.181.346	3.279.905.422	1.256.545.952.431
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2011	449.625.929.745	690.460.801.825	34.778.562.290	272.456.941.080	11.556.043.495	1.458.878.278.435
Tại ngày 31/12/2010	305.855.554.330	753.477.622.959	40.267.673.626	328.869.604.900	5.264.824.060	1.433.735.279.875

Nguyên giá của tài sản bao gồm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là khoảng 525.779 triệu đồng (tại ngày 31/12/2010 là khoảng 503.101 triệu đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 Báo cáo tài chính hợp nhất

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	Giấy phép, quyền phát hành và bản quyền	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	23.979.324.875	175.351.445	94.803.352.204	209.933.158.169	328.891.186.693
Mua trong năm	22.164.796.311	-	35.715.746.376	2.168.421.845	60.048.964.532
Thanh lý, nhượng bán	-	(175.351.445)	(71.410.501)	-	(246.761.946)
Tặng/(Giảm) khác	(198.746.536)	-	2.605.640.757	(855.488.154)	1.551.406.067
Tại ngày 31/12/2011	45.945.374.650	-	133.053.328.836	211.246.091.860	390.244.795.346
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	450.454.208	175.351.445	49.863.761.213	35.024.710.088	85.514.276.954
Khấu hao trong năm	605.238.891	-	20.903.867.193	14.277.524.178	35.786.630.262
Thanh lý, nhượng bán	-	(175.351.445)	(33.108.323)	-	(208.459.768)
Tặng/(Giảm) khác	-	-	(68.566.785)	890.266.344	821.699.559
Tại ngày 31/12/2011	1.055.693.099	-	70.665.953.298	50.192.500.610	121.914.147.007
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	44.889.681.551	-	62.387.375.538	161.053.591.250	268.330.648.339
Tại ngày 31/12/2010	23.528.870.667	-	44.939.590.991	174.908.448.081	243.376.909.739

Đơn vị: VND

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

Đơn vị: VND

	2011	2010
Số dư đầu năm	322.496.474.075	382.945.644.656
Tăng trong năm	254.780.397.132	211.754.441.615
Kết chuyển sang Tài sản cố định	(114.647.156.469)	(109.316.780.308)
Phân loại sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	(152.040.000.000)
Giảm khác	(39.544.458.298)	(10.846.831.888)
Số dư cuối năm	423.085.256.440	322.496.474.075

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty con	"Nơi thành lập và hoạt động"	"Tỷ lệ phần sở hữu"	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các giải pháp CNTT và tích hợp hệ thống
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Tầng 6-12 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm
Công ty TNHH Thương mại FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Sản xuất các sản phẩm công nghệ và phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (i)	Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	42,51%	42,51%	Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp dịch vụ đào tạo và công nghệ
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT (ii)	Số 153 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT	Số 25 ngõ 68 đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo trì cho các thiết bị điện tử, công nghệ và công nghiệp
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT	408 đường Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	49,58%	82,37%	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến
Công ty TNHH Đầu tư FPT	Tầng 13, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (hoạt động tư vấn đầu tư, không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)
Công ty TNHH Tháp Láng Hạ	Số 89 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	99,80%	100%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn quản lý bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 42,51% phần vốn (tại ngày 31/12/2010: 43,06%) và nắm giữ 42,51% quyền biểu quyết (tại ngày 31/12/2010: 43,06%) tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Tập đoàn có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy, Tập đoàn có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó các báo cáo tài chính của Công ty này được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Ngày 08/8/2011, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT đã ra Quyết định số 79.1-2011/QĐ-FPT-TGD về việc tạm thời thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT.

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị: VND

	2011	2010
Số dư đầu năm	714.707.561.179	381.217.015.904
Biến động khoản đầu tư vào các công ty liên kết	(7.764.000.000)	265.671.420.000
"Phần lợi nhuận trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết"	25.369.852.877	87.904.125.275
Cổ tức nhận được	(32.770.713.500)	(20.085.000.000)
Phân loại lại (i)	(487.357.569.046)	-
Số dư cuối năm	212.185.131.510	714.707.561.179

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, khoản đầu tư vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong được phân loại lại thành đầu tư dài hạn khác do không thỏa mãn điều kiện của công ty liên kết.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	"Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ"	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	20%	Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT	Tầng 8, Tòa nhà TTC Lô B1A phường Dịch Vọng Hậu, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	25%	Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục và các dịch vụ khác

18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị: VND

	31/12/2011	31/12/2010
Ủy thác đầu tư	97.200.000.000	195.209.038.800
Quỹ Đầu tư Việt Nam (BVIM)	30.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ Đầu tư Việt Nhật	44.870.000.000	36.300.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (i)	487.357.569.046	-
Khác	13.106.652.500	12.195.852.500
	672.534.221.546	273.704.891.300

(i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 16,9% phần vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (31/12/2010: 16,9%). Trước đây, Báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong được hợp nhất trong Báo cáo Tài chính này theo phương pháp vốn chủ sở hữu do Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong thông qua đại diện có vai trò chủ chốt của Tập đoàn, là người có quyền tham gia vào hoạch định chính sách và ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách của Ngân hàng. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn không còn ảnh hưởng đáng kể đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong do có sự thay đổi đại diện phần vốn của Tập đoàn và có thêm cổ đồng chiến lược mới, do đó, khoản đầu tư vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong được kế toán theo phương pháp giá gốc trong Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn.

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị: VND

	2011	2010
Số dư đầu năm	154.930.449.508	81.868.941.413
Tăng trong năm	257.269.099.062	192.669.109.422
Phân bổ vào chi phí trong năm	(180.627.533.099)	(98.081.467.967)
Giảm khác	(6.228.127.270)	(21.526.133.360)
Số dư cuối năm	225.343.888.201	154.930.449.508

20. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Đơn vị: VND

	Tài sản cố định	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Doanh thu	Tổng
Tại ngày 01/01/2011	24.490.010.700	17.320.885.988	34.253.014.452	76.063.911.140
Kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	(1.072.854.080)	(13.211.136.612)	11.445.165.961	(2.838.824.731)
Tại ngày 31/12/2011	23.417.156.620	4.109.749.376	45.698.180.413	73.225.086.409

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	31/12/2011	31/12/2010
Vay ngắn hạn các ngân hàng và các tổ chức kinh tế (i)	2.866.580.345.781	2.666.043.768.250
Vay ngắn hạn các cá nhân	7.874.341.071	9.881.317.102
Trái phiếu đến kỳ đáo hạn (ii)	1.800.000.000.000	-
	4.674.454.686.852	2.675.925.085.352

(i) Khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng và các tổ chức kinh tế được thực hiện chủ yếu dưới hình thức tín chấp. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng VND hoặc USD. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và lãi suất được quy định cụ thể theo mỗi lần rút vốn.

(ii) Thể hiện giá trị trái phiếu phát hành trong năm 2009, tương đương với 1.800 lô ("Lô") được chào bán gồm trái phiếu xác định nghĩa vụ trả nợ đầu tiên và không có bảo đảm bằng tài sản có tổng mệnh giá bằng 1.800 tỷ đồng, lãi suất 7%/năm ("Trái Phiếu") và 2.084.400 Chứng quyền. Mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền, tùy thuộc vào một số điều kiện nhất định, được quyền mua 10 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 VND/Chứng quyền. Ngày thực hiện Chứng quyền được quy định là ngày 9 tháng 10 năm 2011, ngày 9 tháng 10 năm 2012, ngày 9 tháng 10 năm 2013. Trái phiếu đã được bán hết tại ngày 9 tháng 10 năm 2009.

Theo Thông báo số 167/FPT-FAF ngày 30 tháng 5 năm 2010, tỷ lệ thực hiện Chứng quyền được thay đổi; theo đó, mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền được mua 13,324 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 đồng/Chứng quyền.

Trái phiếu này sẽ đáo hạn trong năm 2012.

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	31/12/2011	31/12/2010
Thuế giá trị gia tăng	148.207.172.827	86.215.411.119
Thuế xuất, nhập khẩu	26.284.892.789	36.601.849.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp	147.235.910.710	107.559.480.359
Thuế thu nhập cá nhân	12.838.217.700	6.798.195.800
Thuế nhà thầu	2.377.546.595	1.997.126.568
Thuế khác	524.648.769	3.031.459.110
	337.468.389.390	242.203.522.628

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị: VND

	31/12/2011	31/12/2010
Phí bảo hành	401.105.170	3.471.776.839
Lãi tiền vay	10.093.806.131	11.496.182.793
Lãi trái phiếu	25.017.808.219	28.997.260.274
Khác	161.006.302.527	174.906.420.543
	196.519.022.047	218.871.640.449

24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: VND

	31/12/2011	31/12/2010
Kinh phí công đoàn	15.863.092.255	14.123.409.767
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.072.773.155	1.993.744.097
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	277.446.868.652	21.470.124.720
Phải trả tiền cổ tức	240.809.087.366	2.892.536.467
Chi phí hỗ trợ quảng cáo nhận trước từ nhà cung cấp	121.176.704.963	88.171.050.775
Phải trả khoản lãi nhận trước (ii)	-	43.823.333.333
Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.068.001.092	113.916.940.337
	708.436.527.483	286.391.139.496

(i) Thể hiện giá trị khoản nhận đặt cọc để thực hiện các thỏa thuận hợp tác đầu tư.

(ii) Thể hiện khoản tiền lãi nhận đầu kỳ theo điều khoản trả lãi các hợp đồng cho vay của Công ty. Các khoản lãi nhận trước này sẽ được thu hồi nếu Công ty chấm dứt hợp đồng cho vay trước hạn. Năm 2011 không phát sinh lãi nhận trước.

25. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Đơn vị: VND

	Dự phòng bảo hành sản phẩm	Trợ cấp mất việc làm	Bảo lãnh cho các khoản cho sinh viên vay	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2011	32.544.452.120	1.587.566.129	2.936.645.570	37.068.663.819
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	44.910.333.149	217.239.520	-	45.127.572.669
Hoàn nhập dự phòng	(31.061.866.827)	(2.243.600)	-	(31.064.110.427)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(22.267.696.095)	(320.269.833)	(2.379.465.931)	(24.967.431.859)
Tại ngày 31/12/2011	24.125.222.347	1.482.292.216	557.179.639	26.164.694.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Dự phòng bảo hành sản phẩm

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính trên cơ sở các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Bảo lãnh các khoản cho sinh viên vay

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay được lập trên cơ sở xếp hạng tín dụng số dư các khoản cho vay do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cấp cho các sinh viên được chọn của Đại học FPT, thuộc Công ty TNHH Giáo dục FPT, một công ty con của Tập đoàn FPT, được bảo lãnh bởi Đại học FPT.

26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	31/12/2011	31/12/2010
Trái phiếu (i)	-	1.800.000.000.000
Vay ngân hàng	274.583.554	359.913.819
	274.583.554	1.800.359.913.819

(i) Thể hiện mệnh giá khoản trái phiếu sẽ đáo hạn vào ngày 9/10/2012 được phân loại và trình bày tại thuyết minh vay ngắn hạn (chi tiết xem Thuyết minh số 21).

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quy đầu tư phát triển	Quy dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2010	1.438.319.670.000	54.851.281.360	(2.805.550.000)	5.986.559.541	103.009.261	94.761.377.392	1.408.284.573.142	2.999.500.920.696
Phát hành cổ phiếu	18.146.090.000	5.161.038.885	-	-	-	-	-	23.307.128.885
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.264.506.352.990	1.264.506.352.990
Biến động cổ phiếu quỹ	-	-	2.113.400.000	-	-	-	-	2.113.400.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	18.401.646.528	(18.401.646.528)	-
"Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi"	-	-	-	-	-	-	(126.450.635.299)	(126.450.635.299)
Cổ tức	478.339.410.000	-	-	-	-	-	(671.738.268.000)	(193.398.858.000)
Biến động khác	-	-	-	11.289.531.590	-	(217.126.314)	-	11.072.405.276
Số dư tại ngày 01/01/2011	1.934.805.170.000	60.012.320.245	(692.150.000)	17.276.091.131	103.009.261	112.945.897.606	1.856.200.376.305	3.980.650.714.548
Phát hành cổ phiếu	27.716.100.000	-	-	-	-	-	-	27.716.100.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.681.818.194.700	1.681.818.194.700
Biến động cổ phiếu quỹ	-	-	178.710.000	-	-	-	-	178.710.000
Tăng vốn do hoán đổi cổ phiếu (i)	198.305.490.000	-	-	-	-	-	-	198.305.490.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	314.758.762	(314.758.762)	-
"Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi"	-	-	-	-	-	-	(163.651.983.808)	(163.651.983.808)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(312.754.321.500)	(312.754.321.500)
Biến động do hoán đổi cổ phiếu (i)	-	(10.465.440.761)	-	2.117.906.395	-	2.215.432.849	111.853.466.096	105.721.364.579
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	270.511.134	270.511.134
Số dư tại ngày 31/12/2011	2.160.826.760.000	49.546.879.484	(513.440.000)	19.393.997.526	103.009.261	115.476.089.217	3.173.421.484.165	5.518.254.779.653

Đơn vị: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****(i) Nghiệp vụ hoán đổi cổ phiếu**

Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ phần FPT ngày 15 tháng 4 năm 2011, Công ty đã thực hiện việc phát hành thêm 19.830.549 cổ phiếu để hoán đổi với cổ phiếu của các công ty con nắm giữ bởi cổ đông thiểu số bao gồm Công ty Cổ phần Hệ thống thông tin FPT (FPT IS), Công ty Cổ phần Phần mềm FPT (FPT Software) và Công ty Cổ phần Thương mại FPT (FPT Trading) theo phương án cụ thể như sau:

Tên Công ty con	Tỷ lệ hoán đổi
Công ty Cổ phần Hệ thống thông tin FPT (FPT IS)	1:1,22
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT (FPT Software)	1:1
Công ty Cổ phần Thương mại FPT (FPT Trading)	1:0,91

Sau khi hoàn thành việc hoán đổi cổ phiếu trong năm, các cổ đông thiểu số của các công ty con trở thành cổ đông của Công ty Cổ phần FPT. Kể từ thời điểm này, các cổ đông này không còn các quyền và lợi ích cổ đông đối với hoạt động của các công ty con. Phần lợi nhuận tương ứng tại các công ty con trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến thời điểm thực hiện hoán đổi sẽ được các cổ đông này thực hiện thông qua việc nắm giữ số cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT. Phần lợi nhuận tại các công ty con thuộc về các cổ đông này phát sinh trong năm 2011 trước thời điểm hoán đổi được ghi nhận toàn bộ vào Lợi nhuận của cổ đông Công ty Mẹ trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Cổ tức

Ngày 15 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã thông qua phương án trả cổ tức bằng tiền mặt cho cả năm 2010 là 15% trên mệnh giá, 10% phần cổ tức này đã được Công ty thực hiện chi trả trong năm 2010, phần cổ tức còn lại được chi trả trong quý 2 năm 2011.

Ngày 11 tháng 8 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT thông qua Nghị quyết số 81-2011/QĐ-FPT-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 6 tháng đầu năm 2011 là 10% trên mệnh giá. Phần cổ tức này đã được chi trả trong năm 2011.

Số cổ phiếu đang lưu hành

	31/12/2011	31/12/2010
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	216.082.676	193.480.517
Cổ phiếu đã phát hành	216.082.676	193.480.517
Cổ phiếu phổ thông	215.202.175	192.978.824
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	880.501	501.693
Cổ phiếu quỹ	(51.344)	(69.215)
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	(51.344)	(69.215)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	216.031.332	193.411.302
Cổ phiếu phổ thông	215.202.175	192.978.824
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	829.157	432.478

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ phiếu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong một thời gian quy định kể từ ngày phát hành.

28. DOANH THU

Đơn vị: VND

	2011	2010
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.397.759.809.554	20.041.458.740.325
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	19.262.823.223.549	15.474.651.129.368
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.134.936.586.005	4.566.807.610.957
Các khoản giảm trừ doanh thu	27.512.943.153	24.155.072.752
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	25.370.246.866.401	20.017.303.667.573

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ nêu trên thể hiện doanh số của Tập đoàn với các bên thứ ba. Ngoài ra, để phục vụ cho mục đích quản lý, Tập đoàn cũng theo dõi chỉ tiêu doanh thu kinh doanh bao gồm doanh thu bán cho các bên thứ ba và doanh thu bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn theo giá thị trường. Doanh thu bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi tiết doanh thu kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở bảng sau:

Đơn vị: VND

	2011	2010
Doanh thu thuần bán cho các bên thứ ba	25.370.246.866.401	20.017.303.667.573
Doanh thu thuần bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn	608.190.727.876	499.280.021.948
Tổng doanh thu kinh doanh	25.978.437.594.277	20.516.583.689.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	2011	2010
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	17.104.554.370.130	13.736.466.181.733
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.300.573.558.375	2.284.091.364.477
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.971.358.019	8.253.354.748
	20.412.099.286.524	16.028.810.900.958

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	2011	2010
Chi phí giá vốn hàng mua	15.414.410.768.148	12.025.419.483.544
Chi phí nguyên vật liệu	2.346.093.774.680	1.298.619.352.869
Chi phí nhân công	2.093.639.161.434	1.647.415.959.106
Chi phí khấu hao	615.413.272.597	609.836.329.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.394.308.856.253	2.331.222.921.946
Chi phí khác	578.061.960.616	402.272.724.873
	23.441.927.793.728	18.314.786.772.227

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	2011	2010
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	375.684.043.200	292.979.313.642
Lãi chênh lệch tỷ giá	127.488.309.279	104.165.340.738
Doanh thu tài chính khác	48.885.451.586	67.114.152.887
	552.057.804.065	464.258.807.267

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	2011	2010
Chi phí lãi vay	249.500.890.165	238.147.740.131
Lỗ chênh lệch tỷ giá	390.510.291.591	278.862.741.599
Chi phí hoạt động tài chính khác	53.746.567.347	42.116.519.541
	693.757.749.103	559.127.001.271

33. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị: VND

	2011	2010
Thu từ thanh lý tài sản cố định	29.906.545.877	57.959.236.340
Tiền thưởng, hoa hồng và tiền bồi thường nhận được	20.461.232.952	18.239.314.593
Các thu nhập khác	54.552.765.596	68.489.012.576
	104.920.544.425	144.687.563.509

34. CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị: VND

	2011	2010
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	19.181.452.433	58.236.360.307
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	2.021.945.244	2.592.562.186
Chi thực hiện chương trình quảng cáo cho nhà cung cấp	1.621.839.485	12.113.060.142
Chi phí khác	36.098.089.960	33.069.906.500
	58.923.327.122	106.011.889.135

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: VND

	2011	2010
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện tại	405.241.895.948	326.824.366.541
Phần thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty liên kết	12.825.376.957	19.929.518.201
Thuế thu nhập doanh nghiệp	418.067.272.905	346.753.884.742
Thuế thu nhập hoãn lại		
Ảnh hưởng của các khoản mục chênh lệch tạm thời	4.327.973.530	(15.317.991.593)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	422.395.246.435	331.435.893.149

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

Đơn vị: VND

	2011	2010
Lợi nhuận trước thuế	2.501.542.976.121	2.023.193.146.444
Thuế theo thuế suất thuế TNDN quy định trong Giấy phép đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành	621.861.572.128	500.867.004.581
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	(26.479.629.066)	(10.523.350.033)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các cơ sở kinh doanh ở nước ngoài	(652.040.464)	822.060.535
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	5.815.080.211	6.883.048.310
Ảnh hưởng của thu nhập không chịu thuế và ưu đãi thuế	(185.869.681.507)	(162.440.018.002)
Các ảnh hưởng khác	7.719.945.133	(4.172.852.242)
	422.395.246.435	331.435.893.149

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất 10% trên lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm, 10% lợi nhuận chịu thuế đối với dịch vụ đào tạo CNTT đã cung cấp và 25% lợi nhuận chịu thuế đối với hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp. Lĩnh vực đào tạo CNTT của Tập đoàn được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Thuế suất áp dụng cho các công ty con của Công ty Cổ phần FPT được quy định trong các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tương ứng của từng công ty con và các quy định thuế hiện hành.

36. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, được thực hiện như sau:

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	2011	2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.681.818.194.700	1.264.506.352.990
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	213.957.879	192.053.388
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.861	6.584
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (Diluted EPS)	7.861	6.584

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 2.084.400 chứng quyền được phát hành kèm theo lô trái phiếu 1.800 tỷ. Ngày thực hiện Chứng quyền được quy định là ngày 9 tháng 10 năm 2011, ngày 9 tháng 10 năm 2012, ngày 9 tháng 10 năm 2013 (xem thêm Thuyết minh số 21).

Vì chứng quyền chỉ chịu tác động suy giảm khi giá thị trường bình quân của cổ phiếu phổ thông trong kỳ lớn hơn giá thực hiện chứng quyền, do đó các chứng quyền này được xác định không làm suy giảm lãi trên cổ phiếu của đơn vị. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	2011	2010
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	193.411.302	143.551.412
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu trong năm	20.523.452	48.438.811
Ảnh hưởng của biến động cổ phiếu quỹ trong năm	23.125	63.165
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	213.957.879	192.053.388

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và số 26 trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tập đoàn áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Đơn vị: VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.902.382.823.282	1.436.127.765.530
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.320.601.791.738	1.063.938.834.534
Đầu tư ngắn hạn	861.597.468.810	563.892.171.622
Đầu tư dài hạn	653.238.902.262	263.462.153.288
Tài sản tài chính khác	323.928.665.005	934.379.236.720
Tổng cộng	8.061.749.651.097	4.261.800.161.694
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.674.729.270.406	4.476.284.999.171
Phải trả người bán và phải trả khác	2.277.282.273.960	1.447.715.218.552
Chi phí phải trả	196.519.022.047	218.871.640.449
Công nợ tài chính khác	16.886.638.003	30.226.884.835
Tổng cộng	7.165.417.204.416	6.173.098.743.007

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn, hoạt động Phân phối các sản phẩm Công nghệ thông tin và điện thoại di động chịu nhiều rủi ro khi có biến động về tỷ giá ngoại hối. Tập đoàn đã thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá ngoại hối thông qua các biện pháp: tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai (kỳ dự báo được căn cứ theo vòng quay tiền của hoạt động kinh doanh) để xác định giá bán sản phẩm, duy trì hợp lý cơ cấu vay nợ ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp và sử dụng tối ưu các nguồn tiền hiện có thông qua tập trung dòng tiền trong toàn Tập đoàn để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
<i>Đô La Mỹ (USD)</i>	3.012.036.620.027	2.896.528.552.306	668.170.178.199	446.109.135.330
<i>Yên Nhật (JPY)</i>	99.000.493.909	89.888.850.432	186.646.228.790	141.905.976.579
<i>Đô La Singapore (SGD)</i>	46.299.803.603	43.026.711.206	63.599.027.131	38.989.047.147
<i>Euro (EUR)</i>	66.513.695.050	65.537.258.677	76.926.296.547	28.741.269.194
<i>Ngoại tệ khác</i>	23.363.189.324	21.212.926.803	26.568.706.228	22.042.096.041

Đơn vị: VND

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định đối với đồng ngoại tệ và đồng nội tệ. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích và dự báo, Tập đoàn đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản vay cũng như cơ cấu vay nợ giữa ngoại tệ và VND theo lãi suất cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Tập đoàn không có rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Thông qua tài khoản tập trung, Tập đoàn đã tối ưu hóa được các khoản thanh toán và tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 - 5 năm (VND)	Tổng (VND)
Các khoản vay	4.674.454.686.852	274.583.554	4.674.729.270.406
Phải trả người bán và phải trả khác	2.047.264.045.052	230.018.228.908	2.277.282.273.960
Chi phí phải trả	196.519.022.047	-	196.519.022.047
Công nợ tài chính khác	16.886.638.003	-	16.886.638.003
31/12/2010	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 - 5 năm (VND)	Tổng (VND)
Các khoản vay	2.675.925.085.352	1.800.359.913.819	4.476.284.999.171
Phải trả người bán và phải trả khác	1.436.567.835.899	11.147.382.653	1.447.715.218.552
Chi phí phải trả	218.871.640.449	-	218.871.640.449
Công nợ tài chính khác	30.226.884.835	-	30.226.884.835

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 - 5 năm (VND)	Tổng (VND)
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.902.382.823.282	-	2.902.382.823.282
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.319.573.151.788	1.028.639.950	3.320.601.791.738
Đầu tư ngắn hạn	861.597.468.810	-	861.597.468.810
Đầu tư dài hạn	-	653.238.902.262	653.238.902.262
Tài sản tài chính khác	285.848.402.912	38.080.262.093	323.928.665.005

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31/12/2010	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 - 5 năm (VND)	Tổng (VND)
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.436.127.765.530	-	1.436.127.765.530
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.063.562.834.534	376.000.000	1.063.938.834.534
Đầu tư ngắn hạn	563.892.171.622	-	563.892.171.622
Đầu tư dài hạn	-	263.462.153.288	263.462.153.288
Tài sản tài chính khác	900.450.771.956	33.928.464.764	934.379.236.720

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Đơn vị: VND	
	2011	2010
Góp vốn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	265.671.420.000
Nhận cổ tức bằng tiền		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	1.925.000.000	4.125.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	25.345.713.500	15.960.000.000
Công ty Cổ phần chứng khoán FPT	5.500.000.000	-
Các khoản vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	221.882.925.000

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tập đoàn có các số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Đơn vị: VND	
	31/12/2011	31/12/2010
Các khoản cho vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	1.024.000.000.000	253.823.333.333
Các khoản ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT	472.745.891.576	510.507.405.784
Vốn góp		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	494.371.420.000	494.371.420.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	27.500.000.000	36.300.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	110.000.000.000	110.000.000.000

39. CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

	Đơn vị: VND	
	31/12/2011	31/12/2010
Hàng hóa giữ hộ cho bên thứ ba	59.745.411.090	50.004.719.142

40. CÁC KHOẢN CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: VND

	2011	2010
Trong vòng một năm	160.443.961.441	207.073.148.955
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	383.668.434.327	388.036.296.495
Sau năm năm	89.013.720.644	91.640.662.296
	633.126.116.412	686.750.107.746

41. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 01A.01-2012/NQ-HĐQT/FPT ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT, Công ty đã thông qua chủ trương góp vốn với tư cách là cổ đồng sáng lập thành lập Công ty cổ phần bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT) để thực hiện đề án chuỗi bán lẻ. Số vốn góp của Công ty cổ phần FPT tại FRT là 85 tỷ đồng, chiếm 85% vốn điều lệ của FRT.

42. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã phê duyệt thực hiện các dự án sau:

- Dự án xây dựng Đại học FPT tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc: Công ty Cổ phần FPT cấp bổ sung vốn 100 tỷ VND để xây trường Đại học FPT;
- Thông qua phương án góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Tháp Láng Hạ là 133.732.000.000 VND (chiếm 99,8% vốn điều lệ). Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp được 116 tỷ VND;
- Thông qua phương án tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng bằng việc mua cổ phần tương đương 325.812.000.000 VND để đạt được tỷ lệ vốn góp 94,8% trên vốn điều lệ của công ty này là 350 tỷ VND. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp được 220 tỷ VND.

Ngày 4 ngày 5 năm 2011, Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT và Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (các công ty con của Tập đoàn) đã cam kết cùng nhau góp vốn tham gia xây dựng tòa nhà FPT Tân Thuận để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời gian kết thúc thuê đất để xây dựng tòa nhà trên là ngày 23 tháng 09 năm 2041. Tổng giá trị giá trị cam kết góp vốn là 211.470.000.000 VND.

43. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2012



Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 73007300
Fax: +84 4 37687410
Website: www.fpt.com.vn

CHI NHÁNH FPT TP HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, tòa nhà FPT thành phố Hồ Chí Minh,
153 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, Quận 3, TP HCM
Điện thoại: +84 8 73007300
Fax: +84 8. 73007388

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN FPT TẠI ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 173 Nguyễn Chí Thanh, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: +84 0934899998

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN FPT TẠI CẦN THƠ

Địa chỉ: 69 Hùng Vương, Phường Thới Bình,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Điện thoại: +84 0710.3752666
Fax: +84 0710.752555

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN**CÔNG TY TNHH HỆ THỐNG THÔNG TIN FPT**

Trụ sở chính: 101 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 35626000
Fax: +84 4 35624850
Website: www.fis.com.vn

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI FPT

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà Zodiac,
Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 73006666
Fax: +84 4 73006668
Website: http://www.ftg.vn

CÔNG TY TNHH PHẦN MỀM FPT

Trụ sở chính: Tầng 6-12, Tòa nhà FPT
Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 37689048
Fax: +84 4 37689049
Website: www.fpt-software.com

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Trụ sở chính: Tầng 2M, Tòa nhà FPT,
Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 73002222
Fax: +84 4 73008889/38223111/37262163
Website: www.fpt.net – www.fpt.vn

ĐẠI HỌC FPT

Trụ sở chính: Tòa nhà DETECH, số 8 Tôn Thất Thuyết,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 37687717 - 04.37688922
Fax: +84 4 3 7687718
Website: www.fpt.edu.vn

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TIN HỌC FPT

Trụ sở chính: Số 25, ngõ 68 đường Cầu Giấy,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 73000911
Fax: +84 4 39424866
Website: www.fpt.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Địa chỉ trụ sở chính: 408 Điện Biên Phủ, P11, Q10,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 73009999 Fax: +84-8-8 39291758
Website: www.fptonline.net

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Zodiac, Phố Duy Tân, Quận
Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: + 84 4 7300 6666
Fax: + 84 4 3795 9049
Website: http://fptshop.com.vn/

CÔNG TY ĐẦU TƯ FPT

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 73007300
Fax: +84 4 37687410
Website: www.fpt.com.vn

FPT TOÀN CẦU

SINGAPORE

Địa chỉ: 116 Middle Road, # 09-03 ICB Enterprise House, Singapore 188972
Điện thoại: 065-6338-4353
Fax: 065-6338-1987

NHẬT BẢN

Địa chỉ: Tòa nhà Tokyo Tatemono Gotanda 8F, Higashi Gotanda 1-6-3, Shinagawaku, Tokyo 141-0022,
Điện thoại: 081-3-5789 2536
Fax: 081-3-5789 2537

OSAKA OFFICE

Địa chỉ: Tòa nhà Chiyoda, East Tower 10F, 2-9-4 Higashi Tenma, Kitaku, Osaka 530-0044, Nhật Bản
Điện thoại: 081-6-6356-1005
Fax: 081-6-6655-1166

MỸ

Địa chỉ: 177 Bovet Road, Suite 130, San Mateo, California, CA 94402
Điện thoại: 001-650-349-5000
Fax: 001-650-349-5005

NEW YORK OFFICE

Địa chỉ: 1370 Broadway, tầng 7, New York, NY 10018
Điện thoại: 001-212-418-4793
Fax: 001-212-317-8666

TEXAS OFFICE

Địa chỉ: 409 EWilliam Cannon Dr #213, Austin, Texas, TX 78745
Điện thoại: 001-512-551-2755
Fax: 001-512-551-2756

PHÁP

Địa chỉ: Tour Pacific, 11-13 Cours de Valmy, Defense 7, 92977 Paris La Defense, France.
Điện thoại: 0033 (1) 7329 4749
Fax: 0033 (1) 7329 4500

ÚC

Địa chỉ: Tầng 39, số 2 Đường Park, NSW 2000, Sydney, Australia
Điện thoại: 0061-2-9004 7160
Fax: 0061-2-90047-070

MALAYSIA

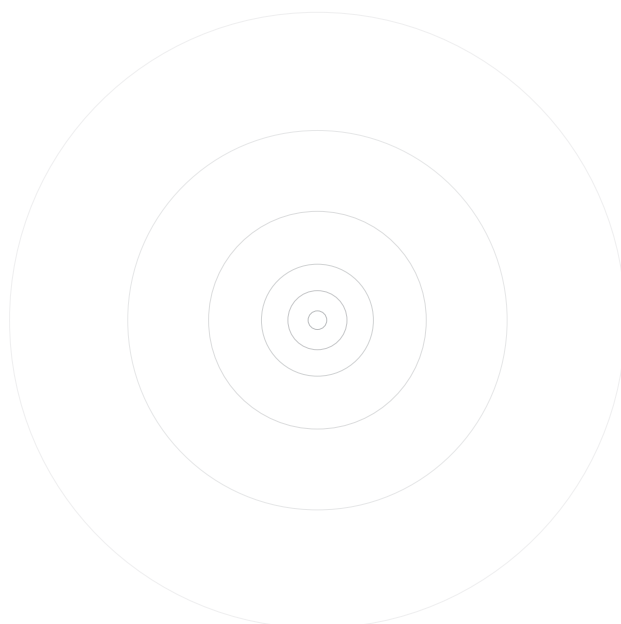
Địa chỉ: Suite 9.06, Tầng 9, the Gardens North Tower, Mid Valley City, Lingkaran Syed Putra, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia
Điện thoại: 00603- 2287 8086
Fax: 00603-2287 7086

CAM PU CHIA

Địa chỉ: 198, Đại lộ Pasteur (51), Sangkat Boeung Keng Kang 1, Phnom Penh, Cambodia.
Điện thoại: 0855 236 336 236

LÀO

Địa chỉ: Số 61 Unit 03, Phố Dongpalane, Quận Sisattanak, Thủ đô Viêng Chăn, Lào.
Điện thoại: 0856 20 9396465 0855 976869160



CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Trụ sở chính:

- 📍 Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- ☎ +84 4 73007300
- © +84 4 37687410

